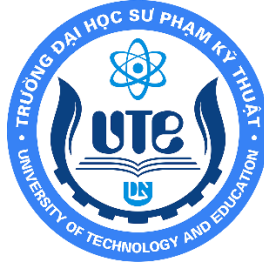


**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT**



ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành/chuyên ngành đào tạo: CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT HÓA HỌC
Tên tiếng Anh ngành đào tạo: Chemical Engineering Technology
Mã ngành: 7510401
Trình độ đào tạo: Đại học

Đà Nẵng, tháng 3 năm 2023

MỤC LỤC

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

I. Một số thông tin cơ bản về cơ sở đào tạo	1
II. Sự cần thiết mở ngành đào tạo	2
III. Tóm tắt điều kiện mở ngành đào tạo.....	3
1. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo.....	3
2. Điều kiện về cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo.....	5
3. Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo	27
4. Điều kiện về chương trình đào tạo để mở ngành đào tạo	28
4.1. Mục tiêu chung	28
4.2. Mục tiêu cụ thể.....	28
4.3. Chuẩn đầu ra	29
4.4. Khung chương trình đào tạo	30
4.5. Dự kiến tuyển sinh và đào tạo của ngành trong thời gian 05 năm tới	39
4.6. Địa điểm đào tạo	39
4.7. Địa điểm thực hành và thực tập	39
IV. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo.....	40
V. Đề nghị và cam kết triển khai thực hiện	40

MINH CHỨNG KÈM THEO ĐỀ ÁN

Báo cáo đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo của cơ sở đào tạo

Minh chứng 1: Phê duyệt chủ trương

Nghị quyết Hội đồng trường phê duyệt chủ trương

Nghị quyết Hội đồng đại học phê duyệt chủ trương

Minh chứng 2: Biên bản thẩm định Đề án mở ngành của Hội đồng Khoa học và Đào tạo

Minh chứng 3: Chương trình đào tạo

- Quyết định thành lập Hội đồng xây dựng Chương trình đào tạo
- Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo
- Biên bản phản biện, phiếu thẩm định, đánh giá Chương trình đào tạo
- Biên bản thẩm định Chương trình đào tạo
- Văn bản giải trình, bổ sung theo kết luận của Hội đồng thẩm định
- Biên bản họp của Hội đồng khoa học và đào tạo về Chương trình đào tạo
- Quyết định ban hành Chương trình đào tạo

Minh chứng 4: Xác nhận điều kiện thực tế mở ngành của cơ sở đào tạo

PHỤ LỤC VÀ MINH CHỨNG KÈM THEO

Phụ lục 1: Lý lịch khoa học của đội ngũ giảng viên

Phụ lục 2: Bản sao các quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động

Phụ lục 3: Bản sao chứng thực văn bằng do CSĐT Việt Nam cấp hoặc văn bằng do CSĐT nước ngoài cấp và giấy công nhận văn bằng do cơ quan có thẩm quyền cấp

ĐỀ ÁN ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: Công nghệ kỹ thuật hóa học; Mã số: 7510401

Trình độ: Đại học

I. Một số thông tin cơ bản về cơ sở đào tạo

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật (gọi tắt là Trường) là một cơ sở giáo dục thành viên của Đại học Đà Nẵng. Thành lập năm 1962 và được trở thành trường đại học từ năm 2017. Trường đào tạo theo định hướng ứng dụng trong lĩnh vực kỹ thuật công nghệ, đồng thời trang bị kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, kỹ thuật, dạy nghề, nhằm tạo ra lực lượng trí thức và lao động có chất lượng cao, đáp ứng cho các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề, trung học phổ thông, và đặc biệt là các doanh nghiệp ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. Sứ mạng của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật như sau: là cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng, đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật, giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, đáp ứng yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0 và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội khu vực Miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. Với tầm nhìn trở thành một trong những trường đại học hàng đầu của Việt Nam về đào tạo kỹ thuật và nghiên cứu ứng dụng, hướng đến các chuẩn mực đào tạo khu vực và quốc tế, là điểm đến tin cậy trong hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Từ đó giá trị cốt lõi của Nhà trường là trách nhiệm, hợp tác, đổi mới, đa dạng. Để thực hiện tốt sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi, Nhà trường đưa ra triết lý giáo dục: tinh thông nghề nghiệp, sống có trách nhiệm và không ngừng tiến bộ.

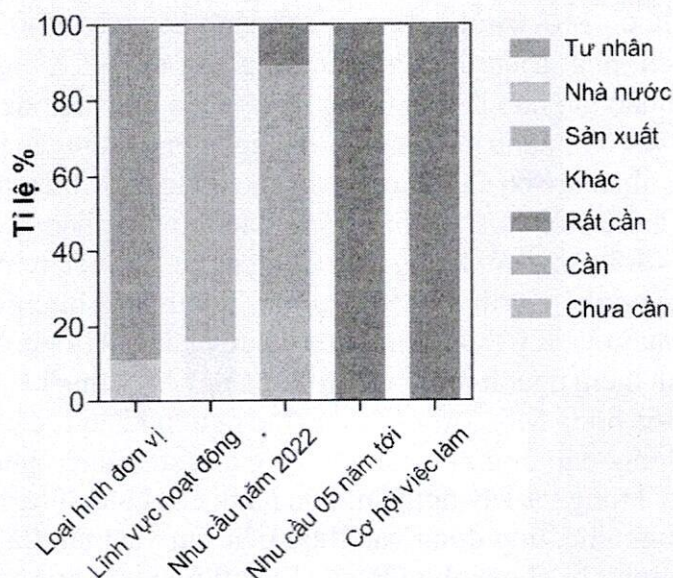
Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật hiện nay có 06 khoa, trong đó Khoa Công nghệ Hóa học – Môi trường là khoa sẽ phụ trách ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học. Khoa Công nghệ Hóa học - Môi trường được thành lập vào ngày 05-03-2002. Khoa đã không ngừng hoàn thiện, phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy và nâng cao chất lượng đào tạo. Từ một ngành đào tạo ban đầu là Công nghệ Hóa học, đến nay khoa đã thành lập được 04 tổ bộ môn với 03 ngành đào tạo bậc đại học với 04 chuyên ngành, thực hiện sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho công cuộc hiện đại hóa đất nước. Hiện nay, Khoa Công nghệ Hóa học - Môi trường đào tạo Cử nhân/Kỹ sư Công nghệ, Kỹ thuật hệ đại học (4 - 4.5 năm) với 03 ngành: Công nghệ Vật liệu (chuyên ngành Hóa học Vật liệu mới), Công nghệ Kỹ thuật Môi trường, Kỹ thuật Thực phẩm (02 chuyên ngành: Kỹ thuật thực phẩm và Kỹ thuật Sinh học Thực phẩm). Hy vọng trong năm học 2023-2024 sẽ tuyển sinh thêm ngành mới, ngành Công nghệ Kỹ thuật Hóa học. Sứ mệnh của Khoa Công nghệ Hóa học - Môi trường là đào tạo nguồn nhân lực khoa học kỹ thuật theo định hướng ứng dụng, đáp ứng nhu cầu đa dạng của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội tại khu vực Miền Trung và Tây nguyên; tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, ứng dụng vào thực tiễn sản xuất tại địa phương. Nhiệm vụ cụ thể của Khoa là trang bị cho sinh viên các kiến thức khoa học kỹ thuật, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức tốt ở các chuyên ngành mà Khoa đào tạo;

đồng thời Khoa có nhiệm vụ tham gia chuyển giao những kết quả nghiên cứu khoa học công nghệ vào thực tiễn, góp phần phát triển công nghiệp tại khu vực Miền Trung và Tây Nguyên nói riêng và cả nước nói chung, phục vụ cho công cuộc phát triển đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế toàn cầu.

II. Sự cần thiết mở ngành đào tạo

Kết quả thống kê từ đợt khảo sát nhu cầu nhân lực ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học trình độ đại học tại 20 Doanh nghiệp (trong đó có: 89% doanh nghiệp thuộc khối tư nhân, 11% doanh nghiệp nhà nước; doanh nghiệp sản xuất chiếm 84% và 16% doanh nghiệp, đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực khác; thời gian khảo sát từ tháng 10/2022 đến tháng 11/2022) cho thấy: 11% doanh nghiệp đang rất cần tuyển kỹ sư/cử nhân ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học và 63% doanh nghiệp đang cần tuyển dụng kỹ sư/cử nhân ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học trong năm 2022; đáng chú ý là 100% doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng trong vòng 05 năm đến. Có doanh nghiệp cần tuyển đến 25 kỹ sư/cử nhân Công nghệ kỹ thuật hóa học trong 05 năm tới. Hơn nữa, 100% các doanh nghiệp đều cho rằng cơ hội việc làm của kỹ sư/cử nhân ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học cao vì nhu cầu nhân lực của các doanh nghiệp đối với ngành này rất cần thiết (Hình 1). Như vậy, kết quả khảo sát cho thấy nhu cầu nhân lực kỹ sư/cử nhân ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học đang rất cần thiết cho sự phát triển của các doanh nghiệp trên địa bàn Miền Trung - Tây Nguyên trong thời gian tới.

- Hiện nay, tại khu vực Miền Trung - Tây Nguyên đã có một số Trường đào tạo ngành Công nghệ Kỹ thuật hóa học/Kỹ thuật hóa học ở trình độ đại học như: Trường Đại học Bách Khoa - Đại học Đà Nẵng; Trường Đại học Quy Nhơn; Đại học Nha Trang, Đại học Khoa học Huế... Sinh viên tốt nghiệp từ các cơ sở giáo dục đào tạo này đã đáp ứng được một phần nhu cầu nhân lực của các cơ sở giáo dục, đào tạo và doanh nghiệp tại khu vực Miền Trung - Tây Nguyên và cả nước, đồng thời ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học của Trường sẽ bổ sung thêm nguồn kỹ sư/cử nhân có tay nghề chất lượng cao cho các doanh nghiệp.



Hình 1. Loại hình, lĩnh vực hoạt động của các đơn vị khảo sát và nhu cầu nhân lực ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học

- Trong công tác tuyển dụng, các doanh nghiệp luôn đề cao khả năng thực hành, kinh nghiệm thực tế và khả năng thích nghi với môi trường làm việc, ... của sinh viên. Vì vậy, việc đào tạo kỹ sư/cử nhân ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học định hướng ứng dụng là rất cần thiết trong thời điểm hiện nay, đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp.

- Đồng thời, ngành này còn phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, đó là định hướng ứng dụng, đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật, giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, đáp ứng yêu cầu của Cách mạng công nghiệp 4.0, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội khu vực Miền Trung – Tây Nguyên và cả nước. Đặc biệt hơn nữa, ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học là một trong những ngành ưu tiên, nền tảng để tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XIII).

Các báo cáo phân tích trên cho thấy sự cần thiết để mở ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học trình độ đại học của Khoa Công nghệ Hóa học - Môi trường, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật trong thời điểm hiện nay.

III. Tóm tắt điều kiện mở ngành đào tạo

1. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo

- Để giảng dạy cho ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học, Khoa có 09 giảng viên và 01 giảng viên thỉnh giảng trong cùng Đại học Đà Nẵng tham gia, trong đó có 06 tiến sĩ được đào tạo ở nước ngoài (05 tiến sĩ cơ hữu tốt nghiệp ở Úc, Trung Quốc, Pháp, Nhật, Nga và 01 tiến sĩ thỉnh giảng tốt nghiệp ở Pháp); 04 thạc sĩ (01 thạc sĩ tốt nghiệp tại Pháp và 03 thạc sĩ trong nước), tất cả các giảng viên tham gia giảng dạy cho chương trình đào tạo mới đều thuộc chuyên ngành hóa học và vật liệu (Phụ lục VII kèm theo). Tiến sĩ chủ chốt của Khoa chủ trì mở ngành là tiến sĩ - giảng viên chính, tốt nghiệp tại Úc, chuyên ngành hóa học, đã tham gia giảng dạy đại học 05 năm. Các giảng viên tham gia giảng dạy đã chủ trì cũng như tham gia 15 đề tài các cấp từ cơ sở đến cấp Bộ và cấp Nhà nước. Ngoài các đề tài nghiên cứu khoa học, các giảng viên tham gia giảng dạy còn xuất bản 48 bài báo trong 05 năm gần đây, đa số các bài báo đăng trên các tạp chí uy tín quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus và 02 bài báo đăng trên các tạp chí trong nước thuộc danh mục Hội đồng giáo sư nhà nước công nhận. Ngoài ra, các giảng viên trong Bộ môn Công nghệ Hóa học thuộc Khoa Công nghệ Hóa học – Môi trường cũng đã xuất bản 01 chương sách, 02 giáo trình/sách tham khảo phục vụ giảng dạy.

- Các học phần giáo dục đại cương của chương trình đào tạo được giảng dạy bởi các giảng viên trong Đại học Đà Nẵng và các Khoa khác của Nhà trường. Các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành được phân bổ đối với các giảng viên cơ hữu của khoa và các giảng viên thỉnh giảng, như sau:

a. Giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Phụ trách giảng dạy học phần
1	Võ Văn Quân	Tiến sĩ hóa học	1. Vật liệu tiên tiến trong hóa học 2. Hóa tính toán

			<ol style="list-style-type: none"> 3. Hóa tính toán ứng dụng 4. Ứng dụng CNTT trong hóa học 5. Tiếng Anh chuyên ngành 6. CNSX sản phẩm thiên nhiên 7. Quy hoạch thực nghiệm 8. Mô phỏng quá trình trong KTHH
2	Phan Chi Uyên	Tiến sĩ hóa học	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hóa hữu cơ 1 2. Hóa hữu cơ 2 3. TN Hóa hữu cơ 1 4. TN Hóa hữu cơ 2 5. Các phương pháp phân tích vật lý và hóa lý 6. TN Các PP phân tích Vật lý và Hóa lý 7. Hóa phân tích 8. TN Hóa phân tích
3	Mai Thị Phương Chi	Thạc sĩ Công nghệ Hoá học	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hóa học các hợp chất cao phân tử 2. Hóa lý polymer 3. KTSX chất dẻo 4. TN KTSX Chất dẻo 5. Kỹ thuật gia công cao su 6. Gia công polymer 7. CNSX Sơn-vecni 8. Nhập môn ngành CNKTHH 9. Quá trình và thiết bị truyền chất
4	Nguyễn Thị Trung Chinh	Thạc sĩ Công nghệ Hoá học	<ol style="list-style-type: none"> 1. TN Quá trình và thiết bị Thủy lực 2. TN Quá trình và thiết bị truyền nhiệt 3. Kỹ thuật PTN & an toàn hoá chất 4. Đồ án Quá trình và thiết bị 5. Học kỳ doanh nghiệp 6. TN Quá trình và thiết bị truyền chất
5	Huỳnh Ngọc Bích	Thạc sĩ Hoá học	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hóa đại cương 2. TN Hóa đại cương 3. Hóa vô cơ 4. TN Hóa vô cơ 5. Hóa lý 6. TN Hóa lý 7. Nhiệt động học trong KTHH
6	Nguyễn Hồng Sơn	Thạc sĩ Hoá học	<ol style="list-style-type: none"> 1. Ăn mòn và bảo vệ kim loại 2. Hương liệu và mỹ phẩm 3. An toàn lao động và vệ sinh công nghiệp 4. Quá trình và thiết bị truyền nhiệt 5. TN hương liệu và mỹ phẩm

			6. CNSX cellulose và giấy 7. TN CNSX cellulose và giấy
7	Nguyễn Sỹ Toàn	Tiến sĩ Sinh học-Môi trường	1. CNSX phân bón hóa học 2. TN CNSX phân bón hóa học 3. Hóa học môi trường
8	Lê Thị Diệu Hương	Tiến sĩ Công nghệ sinh học - Khoa học thực phẩm	1. Hóa sinh 2. Thiết kế nhà máy trong KTHH

b. Giảng viên thỉnh giảng

1	Nguyễn Thanh Hội	Tiến sĩ hóa học	1. Vật lý ứng dụng 2. Quá trình thiết bị thủy lực 3. Động học và thiết kế thiết bị phản ứng 4. Điều khiển quá trình trong KTHH
---	------------------	-----------------	---

2. Điều kiện về cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo

Cơ sở vật chất phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học của cơ sở đào tạo

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần/ môn học
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	60	5,987	
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	192	Sinh hoạt toàn khoa
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	4	600	Các hội thảo
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	48	4746	Các học phần lý thuyết chung
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	1	58	Các học phần lý thuyết chuyên ngành
1.5	Số phòng học đa phương tiện	0	0	
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	6	391	Trao đổi với GV/Các học phần đồ án
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	351	Tra cứu tài liệu và tự học
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	40	11955	Các học phần thí nghiệm

Trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học của cơ sở đào tạo

STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Lò nung	Đài Loan	1	TN silicat
2	Tủ sấy	Trung Quốc	3	TN chuyên ngành
3	Bếp cách thủy	Đài Loan	4	TN Hoá cơ bản, TN chuyên ngành
4	Máy ép thủy lực	Trung Quốc	1	TN chuyên ngành
5	Máy băm nghiền	Việt Nam	1	TN chuyên ngành
6	Máy đo độ nhớt	Mỹ	1	TN chuyên ngành
7	Máy đo pH	Mỹ	1	TN chuyên ngành
8	Máy quang phổ UV - VIS	Hàn Quốc	1	TN chuyên ngành
9	Cân phân tích	Mỹ	2	TN chuyên ngành
10	Cân kỹ thuật điện tử	Mỹ	1	TN Hoá cơ bản, chuyên ngành
11	Bơm hút chân không	Hàn Quốc	2	TN Hoá cơ bản, chuyên ngành
12	Máy li tâm	Đài Loan	2	TN Hoá cơ bản, chuyên ngành
13	Máy khuấy từ gia nhiệt	Đài Loan	1	TN chuyên ngành
14	Máy khuấy cơ	Trung Quốc	4	TN Hoá cơ bản, chuyên ngành
15	Máy sấy thăng hoa	Hàn Quốc	1	TN Quá trình và thiết bị
16	Máy sấy tuần hoàn khí thải	Việt Nam	1	TN Quá trình và thiết bị
17	Máy sấy tầng sôi	Việt Nam	1	TN Quá trình và thiết bị
18	Thiết bị chưng luyện	Việt Nam	1	TN Quá trình và thiết bị
19	Thiết bị trích ly	Việt Nam	1	TN Quá trình và thiết bị
20	Thiết bị hấp thụ	Việt Nam	1	TN Quá trình và thiết bị
21	Thiết bị xác định chế độ chảy của dòng	Việt Nam	1	TN Quá trình và thiết bị
22	Thiết bị xác định sự phân bố vận tốc	Việt Nam	1	TN Quá trình và thiết bị
23	Thiết bị bơm ly tâm	Việt Nam	1	TN Quá trình và thiết bị
24	Thiết bị lọc khung bản	Việt Nam	1	TN Quá trình và thiết bị
25	Thiết bị xác định trở lực	Việt Nam	1	TN Quá trình và thiết bị
26	Máy cất nước	Việt Nam	2	TN Hoá cơ bản, chuyên ngành

**Các thư viện, đầu sách, tài liệu, giáo trình được phục vụ giảng dạy ngành
Công nghệ kỹ thuật hóa học trình độ đại học**

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)
1	Cơ sở hóa học	R. B. Bucat; Hoàng Minh Châu dịch; Nguyễn Thạc Cát hiệu đính	Giáo Dục, 2001, Việt Nam	20	Hóa đại cương	I, 1
2	Kỹ thuật hệ thống công nghệ hóa học. Tập 1: Cơ sở mô hình hóa các quá trình công nghệ hóa học	Nguyễn Minh Tuyền, Phạm Văn Thiêm	Khoa học Kỹ Thuật, 2005, Việt Nam	50	Quá trình thiết bị	II, 2
3	Giáo trình hóa keo	Nguyễn Sinh Hoa	Xây dựng, 1998, Việt Nam	20	Hóa lý	I, 2
4	Giáo trình hóa keo	Nguyễn Tuyên chủ biên; Nguyễn Thị Vương Hoàn, Nguyễn Phi Hùng	Khoa học Kỹ Thuật, 2015, Việt Nam	10	Hóa lý	I, 2
5	Cơ sở lý thuyết hóa học	Nguyễn Văn Bảo, Trần Đình Cảnh, Từ Văn Hải, Trần Xuân Mâm	Xây dựng, 2005, Việt Nam	20	Hóa đại cương	I, 1
6	Hóa đại cương	Đào Hùng Cường	Khoa học kỹ thuật, 2007, Việt Nam	149	Hóa đại cương	I, 1
7	Cơ sở lý thuyết hóa học: Phần 1, Cấu tạo chất (Dùng cho	Nguyễn Đình Chi	Giáo Dục, 2006, Việt Nam	30	Hóa đại cương	I, 1

	các trường đại học kỹ thuật)					
8	Cơ sở lý thuyết hóa học: Phần 1, Cấu tạo chất (Dùng cho các trường đại học kỹ thuật)	Nguyễn Đình Chi	Giáo Dục, 2002, Việt Nam	8	Hóa đại cương	I, 1
9	Cơ sở lý thuyết hóa học: Phần 2, Nhiệt động hoá học, động hoá học, điện hoá học (Dùng cho các trường đại học kỹ thuật)	Nguyễn Hạnh	Giáo Dục, 2005, Việt Nam	28	Hóa đại cương	I, 1
10	Cơ sở lý thuyết hóa học: Phần 2, Nhiệt động hoá học, động hoá học, điện hoá học (Dùng cho các trường đại học kỹ thuật)	Nguyễn Hạnh	Giáo Dục, 2000, Việt Nam	11	Hóa lý	I, 2
11	Nguyên tử và liên kết hóa học: Dùng cho Giáo viên môn Hóa học ở các trường THPT, sinh viên ngành Hóa các trường Đại học, Cao đẳng	Đào Đình Thức	Thống Kê, 2003, Việt Nam	28	Hóa đại cương	I, 1

12	Cấu tạo nguyên tử và liên kết hóa học. Tập 1	Đào Đình Thúc	Giáo Dục, 2005, Việt Nam	19	Hóa đại cương	I, 1
13	Cấu tạo nguyên tử và liên kết hóa học. Tập 2	Đào Đình Thúc	Giáo Dục, 2005, Việt Nam	29	Hóa đại cương	I, 1
14	Thực hành hóa học đại cương : Giáo trình dùng cho các trường đại học và cao đẳng	Hà Thị Ngọc Loan, Nguyễn Khắc Chính	Khoa học Kỹ Thuật, 2003, Việt Nam	30	TN Hóa đại cương	II, 1
15	Cấu tạo chất đại cương	Lâm Ngọc Thiềm chủ biên; Lê Kim Long	Đại Học Quốc Gia, 2004, Việt Nam	30	Hóa đại cương	I, 1
16	Bài tập hóa học đại cương : (Hóa học lý thuyết cơ sở)	Lâm Ngọc Thiềm chủ biên; Trần Hiệp Hải	Đại Học Quốc Gia, 2004, Việt Nam	26	Hóa đại cương	I, 1
17	Giáo trình hóa học lượng tử cơ sở. Tập 1	Lâm Ngọc Thiềm, Phan Quang Thái	Khoa học Kỹ Thuật, 1999, Việt Nam	20	Hóa đại cương	I, 1
18	Hóa học đại cương : Dùng cho sinh viên hệ cao đẳng; Tài liệu tham khảo bổ ích cho học sinh phổ thông chuyên Hóa	Lê Mậu Quyền	Khoa học Kỹ Thuật, 2001, Việt Nam	18	Hóa đại cương	I, 1
19	Bài tập cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học	Vũ Đăng Độ	Giáo Dục, 2003, Việt Nam	28	Hóa đại cương	I, 1
20	Bài tập hóa lý cơ sở	Lâm Ngọc Thiềm chủ biên; Trần Hiệp Hải,	Khoa học Kỹ Thuật, 2003, Việt Nam	28	Hóa lý	I, 2

		Nguyễn Thị Thu				
21	Các phương pháp phân tích vật lý và hóa lý. Tập 1	Nguyễn Đình Triệu	Khoa học Kỹ Thuật, 2001, Việt Nam	10	Các phương pháp phân tích vật lý và hóa lý	II, 3
22	Các phương pháp phân tích vật lý và hóa lý : Câu hỏi và bài tập	Nguyễn Đình Triệu, Nguyễn Đình Thành	Khoa học Kỹ Thuật, 2001, Việt Nam	20	Các phương pháp phân tích vật lý và hóa lý	II, 3
23	Hóa lý cấu tạo phân tử và liên kết hóa học : Giáo trình dùng cho sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh các trường đại học khối công nghệ, kỹ thuật...	Nguyễn Văn Xuyên	Khoa học kỹ thuật , 2002, Việt Nam	36	Hóa đại cương	I, 1
24	Hóa lý cấu tạo phân tử và liên kết hóa học : Giáo trình dùng cho sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh các trường đại học khối công nghệ, kỹ thuật...	Nguyễn Văn Xuyên	Khoa học Kỹ Thuật, 2005, Việt Nam	20	Hóa đại cương	I, 1
25	Hóa lý. Tập 2	Trần Văn Nhân chủ biên; Nguyễn Thạc Sửu, Nguyễn Văn Tuế	Giáo Dục, 2006, Việt Nam	30	Hóa lý	I, 2

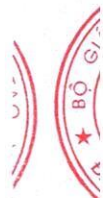
26	Giáo trình hóa lý : Tập 1, Cơ sở nhiệt động lực học	Nguyễn Đình Huệ	Giáo Dục, 2000, Việt Nam	18	Hóa lý	I, 2
27	Giáo trình hóa lý : Tập 2, Nhiệt động lực học hóa học	Nguyễn Đình Huệ	Giáo Dục, 2000, Việt Nam	18	Hóa lý	I, 2
28	Giáo trình hóa lý : Tập 1, Cơ sở nhiệt động lực học	Nguyễn Đình Huệ	Giáo Dục, 2004, Việt Nam	18	Hóa lý	I, 2
29	Giáo trình hóa lý : Tập 2, Nhiệt động lực học hóa học	Nguyễn Đình Huệ	Giáo Dục, 2004, Việt Nam	18	Hóa lý	I, 2
30	Giáo trình hóa lý : Tập 1, Cơ sở nhiệt động lực học	Nguyễn Đình Huệ	Giáo Dục, 2009, Việt Nam	1	Hóa lý	I, 2
31	Bài tập công nghệ điện hóa	Trần Minh Hoàng, Trương Ngọc Liên	Khoa học Kỹ Thuật, 2007, Việt Nam	20	Hóa lý	I, 2
32	Điện hóa lý thuyết : Giáo trình cho sinh viên trường đại học Bách khoa và các trường khác	Trương Ngọc Liên	Khoa học Kỹ Thuật, 2000, Việt Nam	20	Hóa lý	I, 2
33	Hóa học phân tích định lượng : Giáo trình dùng cho sinh viên các trường đại học	Bùi Long Biên	Khoa học Kỹ Thuật, 2001, Việt Nam	18	Hóa phân tích	I, 2
34	Cơ sở hóa học phân tích : Giáo trình dùng cho sinh viên các trường đại	Hoàng Minh Châu chủ biên; Từ Văn Mặc, Từ Vọng Nghi	Khoa học kỹ thuật , 2007, Việt Nam	18	Hóa phân tích	I, 2

	học Bách khoa, Sư phạm, Khoa học tự nhiên, Kỹ thuật...					
35	Cơ sở hóa học phân tích : Giáo trình dùng cho sinh viên các trường đại học Bách khoa, Sư phạm, Khoa học tự nhiên, Kỹ thuật...	Hoàng Minh Châu chủ biên; Từ Văn Mặc, Từ Vọng Nghi	Khoa học Kỹ Thuật, 2002, Việt Nam	10	Hóa phân tích	I, 2
36	Chiết tách, phân chia, xác định các chất bằng dung môi hữu cơ : Tập 1, Lý thuyết - thực hành - ứng dụng	Hồ Viết Quý	Khoa học Kỹ Thuật, 2001, Việt Nam	18	TN Hóa hữu cơ 1	I, 2
37	Chiết tách, phân chia, xác định các chất bằng dung môi hữu cơ : Tập 1, Lý thuyết - thực hành - ứng dụng	Hồ Viết Quý	Khoa học Kỹ Thuật, 2002, Việt Nam	24	TN Hóa hữu cơ 1	I, 2
38	Hóa học phân tích : Phần 2, Các phản ứng ion trong dung dịch nước	Nguyễn Tinh Dung	Giáo Dục, 2002, Việt Nam	18	Hóa phân tích	I, 2
39	Hóa học phân tích	Trần Tứ Hiếu	Đại Học Quốc Gia, 2004, Việt Nam	28	Hóa phân tích	I, 2
40	Sắc ký khí : Cơ sở lý	Phạm Hùng Việt	Đại Học Quốc Gia,	30	Các phương pháp phân	II, 3

	thuyết và khả năng ứng dụng		2005, Việt Nam		tích vật lý và hóa lý	
41	Cơ sở lý thuyết của phương pháp sắc ký khí	Phạm Hùng Việt	Khoa học Kỹ Thuật, 2003, Việt Nam	24	Các phương pháp phân tích vật lý và hóa lý	II, 3
42	Hóa học vô cơ : Tập 2, Các nguyên tố hóa học điển hình	Hoàng Nhâm	Giáo Dục, 2001, Việt Nam	19	Hóa vô cơ	II, 1
43	Hóa học vô cơ : Tập 3, Các nguyên tố chuyển tiếp	Hoàng Nhâm	Giáo Dục, 2001, Việt Nam	19	Hóa vô cơ	II, 1
44	Hóa học các nguyên tố. Tập 2	Hoàng Nhâm	Đại Học Quốc Gia, 2004, Việt Nam	30	Hóa vô cơ	II, 1
45	Hóa học vô cơ : Tập 1, Lý thuyết đại cương về hóa học	Hoàng Nhâm	Giáo Dục, 2004, Việt Nam	18	Hóa vô cơ	II, 1
46	Hóa học vô cơ : Tập 2, Các nguyên tố hóa học điển hình	Hoàng Nhâm	Giáo Dục, 2004, Việt Nam	30	Hóa vô cơ	II, 1
47	Hóa học vô cơ : Tập 3, Các nguyên tố chuyển tiếp	Hoàng Nhâm	Giáo Dục, 2004, Việt Nam	20	Hóa vô cơ	II, 1
48	Hóa học các nguyên tố. Tập 1	Hoàng Nhâm	Đại Học Quốc Gia, 2004, Việt Nam	30	Hóa vô cơ	II, 1
49	Hóa học vô cơ : Tập 1, Lý thuyết đại cương về hóa học	Hoàng Nhâm	Giáo Dục, 2000, Việt Nam	18	Hóa vô cơ	II, 1
50	Bài tập hóa học vô cơ	Lê Mậu Quyền	Khoa học Kỹ Thuật,	10	Hóa vô cơ	II, 1

			2001, Việt Nam			
51	Bài tập hóa học vô cơ	Lê Mậu Quyền	Khoa học Kỹ Thuật, 2000, Việt Nam	8	Hóa vô cơ	II, 1
52	Hóa học vô cơ và vật liệu vô cơ	Trương Văn Ngà	Xây dựng, 2000, Việt Nam	30	Hóa vô cơ	II, 1
53	Giáo trình thực tập hóa vô cơ	Trịnh Ngọc Châu chủ biên	Đại Học Quốc Gia, 2003, Việt Nam	50	TN Hóa vô cơ	I, 2
54	Hợp chất hữu cơ hidrocarbon	Đào Hùng Cường	Khoa học Kỹ Thuật, 2009, Việt Nam	100	Hóa hữu cơ 1	II, 1
55	Hóa học hữu cơ	Đặng Như Tại, Trần Quốc Sơn	Hà Nội, 2004, Việt Nam	28	Hóa hữu cơ 1	II, 1
56	Hóa đại cương. Tập 1	René Didier; Nguyễn Đình bảng và nhóm tác giả dịch	Giáo Dục, 1997, Việt Nam	2	Hóa đại cương	I, 1
57	Hóa đại cương. Tập 2	René Didier; Nguyễn Đình bảng và nhóm tác giả dịch	Giáo Dục, 1996, Việt Nam	2	Hóa đại cương	I, 1
58	Hóa học hữu cơ 2	Đỗ Đình Rãng chủ biên; Đặng Đình Bạch, Nguyễn Thị Thanh Phong	Giáo Dục, 2004, Việt Nam	19	Hóa hữu cơ 2	I, 2
59	Hóa học hữu cơ. Tập 1	Hoàng Trọng Yêm chủ biên; Trịnh Thanh Đoàn, Nguyễn Đăng Quang, Dương Văn Tuệ	Khoa học Kỹ Thuật, 1999, Việt Nam	18	Hóa hữu cơ 1	II, 1
60	Hóa học hữu cơ. Tập 2	Hoàng Trọng Yêm chủ	Khoa học Kỹ Thuật,	20	Hóa hữu cơ 1	II, 1

		biên; Dương Văn Tuệ, Vũ Đào Thắng, Hồ Công Xinh	1999, Việt Nam			
61	Hóa học hữu cơ. Tập 3	Hoàng Trọng Yêm chủ biên; Văn Đình Đệ, Trịnh Thanh Đoàn, Dương Văn Tuệ và nhóm tác giả	Khoa học Kỹ Thuật, 2000, Việt Nam	20	Hóa hữu cơ 2	I, 2
62	Hóa học hữu cơ. Tập 4	Hoàng Trọng Yêm chủ biên; Dương Văn Tuệ	Khoa học Kỹ Thuật, 2001, Việt Nam	20	Hóa hữu cơ 2	I, 2
63	Hóa học hữu cơ 1	Nguyễn Hữu Đỉnh chủ biên; Đỗ Đình Răng	Giáo Dục, 2003, Việt Nam	18	Hóa hữu cơ 1	II, 1
64	Hóa kỹ thuật: Giáo trình dùng cho sinh viên ngành Hóa học	Phạm Nguyên Chương chủ biên; Trần Hồng Côn, Nguyễn Văn Nội, Hoa Hữu Thu và Nhóm tác giả	Khoa học Kỹ Thuật, 2002, Việt Nam	30	Quá trình thiết bị	II, 2
65	Kỹ thuật đo lường và dụng cụ đo trong công nghệ hóa học	Lê Phan Hoàng Chiêu	Đại học Quốc gia, TPHCM, 2004, Việt Nam	30	TN Hóa vô cơ	I, 2
66	Các quá trình cơ bản tổng hợp hữu cơ	Phan Đình Châu	Khoa học Kỹ Thuật, 2005, Việt Nam	30	Hóa hữu cơ 2	I, 2
67	Bài tập hóa kỹ thuật	Phạm Hùng Việt	Khoa học Kỹ Thuật, 2002, Việt Nam	49	Hóa đại cương	I, 1



68	Hóa kỹ thuật đại cương	Phùng Tiến Đạt, Trần Thị Bích	Đại Học Sư Phạm, 2004, Việt Nam	30	Hóa đại cương	I, 1
69	Quá trình và thiết bị trong công nghệ hóa học : Tập 5, Giáo trình quá trình và thiết bị truyền nhiệt	Phạm Văn Bôn chủ biên; Nguyễn Đình Thọ	Đại học Quốc gia TP HCM, 2000, Việt Nam	13	Quá trình thiết bị	II, 2
70	Quá trình và thiết bị công nghệ hóa học : Tập 10, Ví dụ và bài tập	Phạm Văn Bôn, Vũ Bá Minh, Hoàng Minh Nam	Đại Học Bách khoa TP HCM, 1999, Việt Nam	11	Quá trình thiết bị	II, 2
71	Quá trình và thiết bị trong công nghệ hóa học : Tập 5, Quá trình và thiết bị truyền nhiệt	Phạm Văn Bôn chủ biên; Nguyễn Đình Thọ	Trường Đại học kinh tế, 1991, Việt Nam	18	Quá trình thiết bị	II, 2
72	Sổ tay quá trình và thiết bị công nghệ hóa chất : Tập 1, Cơ sở lý thuyết, phương pháp tính toán, tra cứu số liệu và thiết bị	Nguyễn Bin, Đỗ Văn Đài, Long Thanh Hùng và nhóm tác giả biên soạn và hiệu đính	Khoa học kỹ thuật , 2006, Việt Nam	47	Quá trình thiết bị	II, 2
73	Sổ tay quá trình và thiết bị công nghệ hóa chất. Tập 2	Trần Xoa, Nguyễn Trọng Khuôn, Phạm Xuân Toàn hiệu đính	Khoa học Kỹ Thuật, 1999, Việt Nam	21	Quá trình thiết bị	II, 2
74	Quá trình và thiết bị trong công nghệ hóa học : Tập 11, Bài tập và	Trần Hùng Dũng, Trần Văn Nghệ	Đại học Kỹ thuật, 1998, Việt Nam	21	Quá trình thiết bị	II, 2

	hướng dẫn thiết kế máy lạnh trạm lạnh					
75	Quá trình và thiết bị trong công nghệ hóa học : Tập 14, Chung cất hỗn hợp nhiều cấu tử	Võ Thị Ngọc Tươi, Hoàng Minh Nam	Đại học Kỹ thuật, 1999, Việt Nam	5	Quá trình thiết bị	II, 2
76	Kỹ thuật sấy vật liệu	Nguyễn Văn Lụa	Đại học Bách Khoa, 2001, Việt Nam	24	Quá trình thiết bị	II, 2
77	Quá trình và thiết bị công nghệ hóa học : Tập 7, Kỹ thuật sấy vật liệu	Nguyễn Văn Lụa	Đại Học Bách khoa TP HCM, 1999, Việt Nam	18	Quá trình thiết bị	II, 2
78	Giáo trình công nghệ không dệt	Trần Công Thế	Khoa học Kỹ Thuật, 1999, Việt Nam	40	Sợi và vải	II, 4
79	Gia công composite	Đoàn Thị Thu Loan	Bách Khoa, 2013, Việt Nam	50	Gia công composite	II, 3
80	Hóa đại cương. Tập 3	René Didier; Nguyễn Đình bảng và nhóm tác giả dịch	Giáo Dục, 1997, Việt Nam	2	Hóa đại cương	I, 1
81	Nhiệt động trong hóa kỹ thuật	La Văn Bình	Khoa học Kỹ Thuật, 2001, Việt Nam	14	Hóa lý	I, 2
82	Hương liệu và ứng dụng	Văn Ngọc Hương	Khoa học Kỹ Thuật, 2003, Việt Nam	30	Hương liệu và mỹ phẩm	II, 3
83	Quá trình và thiết bị trong công nghệ	Vũ Bá Minh, Hoàng Minh Nam	Khoa học Kỹ Thuật,	9	Quá trình thiết bị	II, 2

	hóa học, Tập 2: Cơ học vật liệu rời		1998, Việt Nam			
84	Phức chất trong hóa học	Hồ Viết Quý	Khoa học Kỹ Thuật, 2000, Việt Nam	10	Hóa vô cơ	II, 1
85	Điện hóa học	Nguyễn Khương	Khoa học Kỹ Thuật, 1999, Việt Nam	20	Ăn mòn và bảo vệ kim loại	II, 3
86	Kỹ thuật hệ thống công nghệ hóa học. Tập 1: Cơ sở mô hình hóa các quá trình công nghệ hóa học	Nguyễn Minh Tuyên, Phạm Văn Thiêm	Khoa học Kỹ Thuật, 2001, Việt Nam	50	Quá trình thiết bị	II, 2
87	Sổ tay hóa học sơ cấp	A.T. Pilipenko, V.la Pochinoc, I.P.Xereda, Ph.D. Sepchenco; Lê Chí Kiên dịch	Giáo Dục, 2001, Việt Nam	4	Hóa đại cương	I, 1
88	Ứng dụng tin học trong giảng dạy hóa học	Nguyễn Trọng Thọ	Giáo Dục, 2002, Việt Nam	20	Ứng dụng CNTT trong hóa học	I, 4
89	2400 bài tập hóa học	N. E. Cuzmenco, V. V. Eremin; Hoàng Nhuận, Hoàng Mai Hương dịch	Khoa học Kỹ Thuật, 2002, Việt Nam	30	Hóa đại cương	I, 1
90	Một số vấn đề chọn lọc của hóa học. Tập 1	Nguyễn Duy Ái, Nguyễn Tinh Dung, Trần Thành Huế, Trần Quốc Sơn,	Giáo Dục, 2004, Việt Nam	10	Hóa đại cương	I, 1

		Nguyễn Văn Tòng				
91	Một số vấn đề chọn lọc của hóa học. Tập 2	Nguyễn Duy Ái, Nguyễn Tinh Dung, Trần Thành Huế, Trần Quốc Sơn, Nguyễn Văn Tòng	Giáo Dục, 2004, Việt Nam	20	Hóa đại cương	I, 1
92	Thực hành hóa học đại cương	Nguyễn Đức Chung	Khoa học Kỹ Thuật, 2000, Việt Nam	10	Hóa đại cương	I, 1
93	Phản ứng điện hóa và ứng dụng	Trần Hiệp Hải	Giáo Dục, 2002, Việt Nam	4	Hóa lý	I, 2
94	Động hóa học và xúc tác	Nguyễn Đình Huệ, Trần Kim Thanh, Nguyễn Thị Thu	Giáo Dục, 2003, Việt Nam	37	Hóa lý	I, 2
95	Động hóa học và thiết bị phản ứng trong công nghiệp hoá học	Nguyễn Hoa Toàn	Khoa học Kỹ Thuật, 2004, Việt Nam	20	Hóa lý	I, 2
96	Kỹ thuật an toàn trong phòng thí nghiệm hóa học	Trần Kim Tiến	Khoa học Kỹ Thuật, 2001, Việt Nam	11	Hóa đại cương	I, 1
97	Hóa học phân tích : Phần 3, Các phương pháp định lượng hóa học	Nguyễn Tinh Dung	Giáo dục, 2003, Việt Nam	1	Hóa phân tích	I, 2
98	Những vấn đề hóa học hữu cơ	Đặng Đình Bạch	Khoa học Kỹ Thuật, 2002, Việt Nam	9	Hóa hữu cơ 1	II, 1
99	2000 câu hỏi trắc nghiệm	Nguyễn Đình Triệu	Khoa học Kỹ Thuật,	20	Hóa hữu cơ 1	II, 1

	hóa học hữu cơ. Tập 1		2003, Việt Nam			
100	Hóa học hữu cơ : Tập 3, Dùng cho sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh và học sinh phổ thông chuyên Hóa	Nguyễn Đình Thành	Khoa học Kỹ Thuật, 2016, Việt Nam	2	Hóa hữu cơ 1	II, 1
101	Danh pháp hợp chất hữu cơ	Trần Quốc Sơn chủ biên; Trần Thị Tửu	Giáo Dục, 2003, Việt Nam	10	Hóa hữu cơ 1	II, 1
102	Cơ sở hóa học lập thể	Đặng Như Tại	Giáo Dục, 1998, Việt Nam	10	Hóa hữu cơ 1	II, 1
103	Hóa học và hóa lý polyme	Phan Thanh Bình	Đại học Quốc gia TP HCM, 2016, Việt Nam	10	Hóa học các chất cao phân tử Hóa lý polymer	I, 3
104	Hóa học và màu sắc	G.N. Fadeev; Hoàng Nhâm, Vũ Minh dịch	Khoa học Kỹ Thuật, 2001, Việt Nam	9	Hương liệu và mỹ phẩm	II, 3
105	Écônômi trong thiết kế và sản xuất	Nguyễn Bạch Ngọc	Giáo Dục, 2000, Việt Nam	20	Quá trình và thiết bị	I, 3
106	Bộ sách 10 vạn câu hỏi vì sao : Kỹ thuật công nghệ	Vũ Đỗ Thận dịch	Khoa học Kỹ Thuật, 1999, Việt Nam	18	Quá trình và thiết bị	I, 3
107	Công nghệ vật liệu cách nhiệt	Nguyễn Như Quý	Xây dựng, 2002, Việt Nam	20	CNSX Vật liệu tiên tiến	I, 4
108	Kỹ thuật công trình trong công nghệ hóa chất và thực phẩm : Bài giảng dùng cho sinh viên ngành	Nguyễn Bin	Hà Nội, 1998, Việt Nam	28	Quá trình và thiết bị	I, 3

	Quá trình và Thiết bị CN Hóa chất)					
109	Sản xuất chất thơm thiên nhiên tổng hợp	Văn Đình Đệ	Khoa học Kỹ Thuật, 2002, Việt Nam	20	Hóa hữu cơ 2	I, 2
110	Công nghệ axit sunfuric	Đỗ Bình	Khoa học kỹ thuật, 2004, Việt Nam	19	Hóa vô cơ	I, 2
111	Kỹ thuật hàn - đắp - vá nhựa tổng hợp	Nguyễn Phước Hậu, Chung Thế Quang, Lưu Văn Hy và Nhóm tác giả	Giao Thông Vận tải, 2003, Việt Nam	40	Nhựa	II, 1
112	Kỹ thuật xenlulô và giấy	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Đại học Quốc gia TPHCM, 2003, Việt Nam	30	Cellulose và bột giấy	II, 4
113	Bảo vệ môi trường trong công nghiệp bột giấy và giấy	Doãn Thái Hoà	Khoa học Kỹ Thuật, 2005, Việt Nam	60	Cellulose và bột giấy	II, 4
114	Ăn mòn và bảo vệ kim loại	Nguyễn Hồng Sơn	NXB Bách khoa Hà Nội, 2021, Việt Nam	15	Ăn mòn và bảo vệ kim loại	I, 3

Trang web đào tạo của Nhà trường là hệ thống thông tin liên quan đến quản lý đào tạo và hỗ trợ học tập: <http://daotao.ute.udn.vn/>

Trên trang web công khai này, Nhà trường, Phòng đào tạo và giảng viên đều có thể đưa ra thông báo. Sinh viên có thể dễ dàng tiếp nhận được các thông tin từ Nhà trường, đồng thời dễ dàng quản lý việc học tập của mình. Trên trang web này, các chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo của năm, bảng điểm, thời khóa biểu, danh sách lớp... đều được thể hiện và dễ dàng truy cập, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong quá trình học tập tại Trường (Hình 1).

DAI HOC DA NANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
 University of Technology and Education - The University of Da Nang

Tìm kiếm...

"Biển ước mơ thành hiện thực Đường đến thành công"

Giới thiệu | Tin tức-Sự kiện | Các đơn vị | Đào tạo | Khoa học công nghệ | Hợp tác quốc tế

THÔNG BÁO VỀ VIỆC XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT 2 NĂM HỌC 2022-2023

- Phòng Đào tạo thông báo về việc học Giáo dục QPAN đối với sinh viên khóa 2022
- Công bố danh mục lớp học phần học kỳ hệ năm học 2022-2023 (HK322) những điều cần biết và đăng ký học phần học kỳ hệ
- Thông báo Về việc tổ chức cho sinh viên đại học hình thức chính quy khóa 2020 đăng ký chọn học chương trình đào tạo cử nhân, chương trình đào tạo kỹ sư
- THÔNG BÁO ĐĂNG KÝ DỰ THI KHẢO SÁT NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ ĐỀ

Tân Sinh viên 2022

- Danh sách tân SV kiểm tra Tiếng Anh đầu vào 2022
- Danh sách lớp sinh hoạt
- Danh sách trúng tuyển - nhập học khóa 2022

ĐĂNG KÝ THI CDR CẤP ĐỘ

- Thông báo đăng ký thi CDR Tiếng Anh B1
- Thông báo đăng ký thi CDR Tin học

Thông Tin Đào Tạo

TIN TỨC ĐÀO TẠO

- THÔNG BÁO VỀ VIỆC HỌC GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG AN NINH KHÓA 2022**
 Phòng Công tác sinh viên thông báo các vấn đề liên quan đến việc học...
 Author: Lê Thị Phương Thảo - Updated: 16/05/2023 16:36 Xem chi tiết
- Thông báo về thu học phí học đợt cuối học kỳ II năm học 2022-2023 (Học kỳ 222)**
 Nhà trường đã thực hiện thu học phí học kỳ II năm học 2022-2023, đến nay rất nhiều sinh viên đã hoàn thành, tuy nhiên vẫn còn một số sinh viên chưa...
 Author: Nguyễn Thị Ngọc Linh - Updated: 10/05/2023 16:9 Xem chi tiết
- THÔNG BÁO VỀ VIỆC XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT 2 NĂM HỌC 2022-2023**
 Phòng Đào tạo thông báo về việc xét và công nhận tốt nghiệp...

Hình 1. Web công khai về chương trình đào tạo

Các hợp đồng hợp tác đào tạo thực hành, thực tập với các cơ sở thực hành, thực tập bên ngoài Nhà trường:

Nhà trường muốn gửi sinh viên đến thực tập tại Doanh nghiệp thì trước hết phải có Hợp đồng hoặc sự đồng ý của Doanh nghiệp. Vì vậy, khi liên hệ thực tập, Nhà trường sẽ gửi thư giới thiệu cho Doanh nghiệp và Doanh nghiệp sẽ xác nhận sẽ tiếp nhận sinh viên. Sự xác nhận này có thể là thỏa thuận bằng lời nói giữa Doanh nghiệp và Giảng viên, hoặc có thể là email xác nhận hoặc lãnh đạo của công ty sẽ ký tên, đóng dấu xác nhận đồng ý (Hình 2).

Minh chứng thỏa thuận giữa Nhà trường và Doanh nghiệp trong việc tiếp nhận sinh viên thực tập:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
KHOA CNHH-MT **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
 Số: 45/GGT-K.CNHH-MT Đà Nẵng, ngày 07 tháng 11 năm 2022

GIẤY GIỚI THIỆU

Kính gửi: Công ty Thiết nước và xử lý nước thải

Thực hiện phương châm giáo dục "Học đi đôi với hành, lý luận kết hợp với thực tiễn", để nâng cao nhận thức nghề nghiệp và kỹ năng thực hành cho sinh viên đang theo học chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Kỹ thuật môi trường - Khoa Công nghệ hoá học - Môi trường - Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật giới thiệu:

Giảng viên hướng dẫn: Trần Minh Thảo

Sinh viên: Vũ Văn Công Mã sinh viên: 1911507210101

Sinh viên: Đặng Triệu Vỹ Mã sinh viên: 1911507210116

Được giới thiệu đến: Trạm xử lý nước thải Phú Lộc

Địa chỉ: 198 Lý Thái Tông, Hoà Minh, Liên Chiểu, Đà Nẵng

Về việc: Liên hệ thực tập Học kỳ doanh nghiệp

Kính mong nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của Quý cơ quan, đơn vị cho phép các em sinh viên được tham gia thực tập Học kỳ doanh nghiệp tại cơ sở của mình trong thời gian 3 tuần từ ngày 21/11/2022 đến ngày 11/12/2022

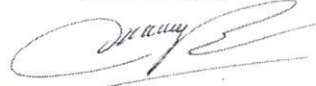
Giấy này có giá trị đến hết ngày: 11/12/2022.

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT khoa.

TRƯỞNG KHOA




TS. Huỳnh Thị Diễm Uyên

Phụ lục 02

Ý KIẾN CỦA ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP

Đề nghị hợp tác, giao cho Trung tâm Phê Lọc phù hợp với khu vực CHH-NHT.
KT. GIÁM ĐỐC
V/C PH. PH. GIÁM ĐỐC


Huỳnh Trung Nhân

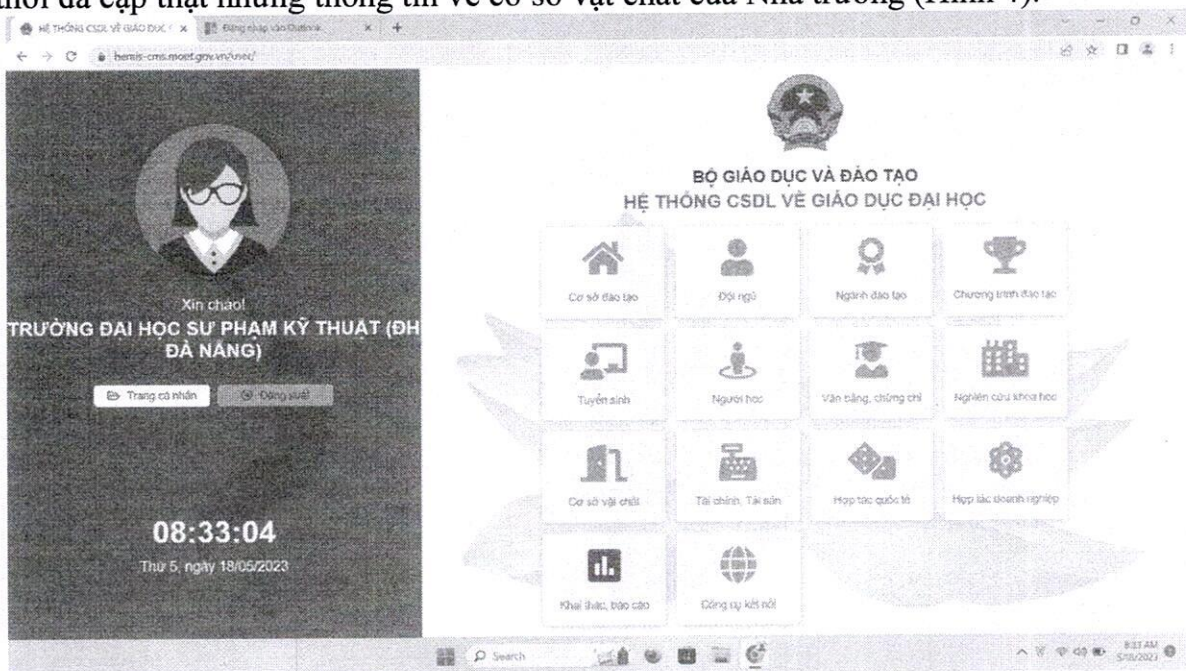
Hình 2. Thư giới thiệu và xác nhận đồng ý của công ty

Nhà trường đã có thư viện truyền thống với nhiều đầu sách, tài liệu tham khảo, giáo trình để phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu của sinh viên. Ngoài ra, Nhà trường còn có trang thư viện điện tử để sinh viên linh hoạt trong việc tiếp cận (Hình 3).



Hình 3. Trang tài liệu số của Nhà trường

Nhà trường còn có trang thông tin điện tử đăng tải đầy đủ thông tin yêu cầu phải công khai theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo: <https://hemis-cms.moet.gov.vn/cosovatchat/dashboard>. Trên cổng thông tin điện tử của Bộ giáo dục và đào tạo, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật đã có tài khoản chính thức và đồng thời đã cập nhật những thông tin về cơ sở vật chất của Nhà trường (Hình 4).



STT	Căn chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng/Diện tích
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Tổng diện tích đất của trường đang sử dụng:	ha	6,094
1.1	Đất thuộc quyền sử dụng của trường	ha	4,064
1.2	Đất di thuê, mượn	ha	2,02
2	Khu học tập		
2.1	Khởi học tập - thí nghiệm		
2.1.1	Phòng học thông thường dưới 100 chỗ		
2.1.1.1	Phòng học (dưới 25 chỗ):		
	Số phòng học	phòng	0
	Diện tích phòng học	m ²	0
2.1.1.2	Phòng học (từ 25 đến dưới 75 chỗ):		
	Số phòng học	phòng	54
	Diện tích phòng học	m ²	4.375
2.1.1.3	Phòng học (từ 75 đến dưới 100 chỗ):		
	Số phòng học	phòng	0
	Diện tích phòng học	m ²	0
2.1.2	Giảng đường (từ 100 chỗ trở lên)		
	Số giảng đường	phòng	11
	Diện tích giảng đường	m ²	1.382

Hình 4. Web công khai cơ sở vật chất của Nhà trường

Các thiết bị được sử dụng cho các học phần thí nghiệm trong 02 năm đầu:

Hiện nay, phòng thí nghiệm khoa Công nghệ hóa học – môi trường, trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật đã đáp ứng đầy đủ để giảng dạy các học phần thí nghiệm trong 02 năm đầu (Bảng 1):

Bảng 1. Thiết bị và các học phần trong 04 học kỳ đầu ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học trình độ đại học

STT	Học phần	Học kỳ	Thiết bị	Tình trạng
1	TN Hóa đại cương	II	Cân phân tích	Có
			Tủ hút	Có
2	TN Quá trình và thiết bị thủy lực	III	Thiết bị xác định chế độ chảy của dòng	Có
			Thiết bị xác định sự phân bố vận tốc trong ống dẫn	Có
			Thiết bị xác định trở lực trong đường ống	Có
			Thiết bị bơm ly tâm	Có
			Máy lọc khung bản	Có
3	TN Hóa vô cơ	III	Cân phân tích	Có
			Bếp cách thủy	Có
4	TN Hóa hữu cơ 1	III	Cân phân tích	Có
			Bếp cách thủy	Có
			Tủ hút	Có
5	TN Hóa hữu cơ 2	IV	Cân phân tích	Có
			Bếp cách thủy	Có
			Tủ hút	Có
			Máy hút chân không	Có
6	TN Hóa lý	IV	Cân phân tích	Có

			Máy hút chân không	Có
			Bếp cách thủy	Có
			Tủ hút	Có
7	TN Hóa phân tích	IV	Cân phân tích	Có
			Máy hút chân không	Có
			Tủ hút	Có

Như vậy, các thiết bị máy móc tại phòng thí nghiệm hiện nay đã đáp ứng đầy đủ để giảng dạy thí nghiệm trong 02 năm đầu cho sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học. Với các thiết bị được trang bị tại phòng thí nghiệm hiện nay đã đáp ứng hầu hết các học phần thí nghiệm của ngành, tuy nhiên có một số học phần yêu cầu sử dụng những thiết bị hiện đại như: Máy quang phổ hồng ngoại (FT-IR), Máy đo phổ nhiễu xạ tia X dạng bột (PXRD)... thì Nhà trường sẽ phối hợp các trường đại học thành viên (Đại học Sư phạm, Đại học Bách Khoa) để sinh viên được tham quan, học tập.

3. Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật là một trong 07 cơ sở giáo dục thành viên của Đại học Đà Nẵng. Đứng đầu là Giám đốc Đại học Đà Nẵng, các Phó giám đốc và các Ban chức năng. Lãnh đạo Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật là Đảng ủy, Hội đồng trường và Ban giám hiệu. Quản lý trực tiếp về chuyên môn thì có các phòng như phòng đào tạo, phòng khảo thí và đảm bảo chất lượng, phòng tổ chức hành chính, phòng khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế... Trong đó, phòng đào tạo là phòng chức năng chuyên quản lý về chương trình đào tạo của các ngành trong trường.

Số TT	Họ và tên, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo	Ngành
1	Phan Cao Thọ, Hiệu trưởng	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Xây dựng cầu đường
2	Võ Trung Hùng, Phó hiệu trưởng	Phó giáo sư, Tiến sĩ	Công nghệ thông tin
3	Hoàng Dũng, Phó hiệu trưởng	Tiến sĩ	Điện kỹ thuật
4	Nguyễn Linh Nam, Phó hiệu trưởng	Tiến sĩ	Khoa học và Công Nghệ Nano

Khoa Công nghệ Hóa học – Môi trường là khoa chuyên môn phụ trách trực tiếp ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học. Lãnh đạo Khoa là Chi bộ khoa và Ban chủ nhiệm Khoa:

Số TT	Họ và tên, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo	Ngành
1	Huỳnh Thị Diễm Uyên, Trưởng Khoa	Tiến sĩ	Khoa học thực phẩm
2	Ngô Thị Minh Phương, Phó Trưởng Khoa	Tiến sĩ	Công nghệ thực phẩm

4. Điều kiện về chương trình đào tạo để mở ngành đào tạo

4.1. Mục tiêu chung

Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ; có khả năng học tập suốt đời, khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc và có trách nhiệm nghề nghiệp; có sức khỏe, có ý thức phục vụ cộng đồng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế.

4.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu	Cử nhân	Kỹ sư
O1	Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên - xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.	Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên - xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.
O2	Có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện về lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật hóa học.	Có kiến thức thực tế, kiến thức lý thuyết sâu, rộng ở mức độ làm chủ kiến thức về lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật hóa học.
O3	Có kỹ năng nhận thức liên quan đến phân biện, phân tích, tổng hợp; kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp.	Có kỹ năng phân biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu khoa học và tiên tiến; kỹ năng nghiên cứu, phát triển, đổi mới sử dụng công nghệ; kỹ năng phổ biến, truyền bá tri thức, tự định hướng, thích nghi với sự thay đổi.
O4	Có khả năng làm việc độc lập hoặc nhóm, tinh thần chịu trách nhiệm; có năng lực hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.	Có khả năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ; Có khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả công tác.

4.3. Chuẩn đầu ra

Căn cứ vào khung chương trình đào tạo quốc gia cho chuẩn đầu ra bậc 6, bậc 7. Căn cứ theo chủ trương của Đại học Đà Nẵng, Nhà trường và ngành học, chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học trình độ đại học được xây dựng như sau:

Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, sinh viên có khả năng:

	Cử nhân	Kỹ sư

PLO1	Áp dụng kiến thức, kỹ thuật, kỹ năng và các công cụ hiện đại của toán học, khoa học, kỹ thuật và công nghệ để giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật hóa học.	Xác định, phát biểu và giải quyết các vấn đề kỹ thuật phức tạp trong lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật hóa học bằng cách áp dụng các kiến thức toán học, khoa học, kỹ thuật và công nghệ.
PLO2	Tiến hành kiểm tra, đo đạc, thực nghiệm, phân tích và giải thích kết quả để cải tiến các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật hóa học	Phát triển và tiến hành thí nghiệm, phân tích, giải thích dữ liệu, đánh giá và đưa ra các kết luận, đề xuất về sử dụng các giải pháp công nghệ đáp ứng nhu cầu công việc chuyên môn trong lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật hóa học
PLO3	Thiết kế các hệ thống, thành phần hệ thống hoặc quy trình đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật hóa học	Thiết kế kỹ thuật trong lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật hóa học để đáp ứng các yêu cầu cụ thể có quan tâm đến con người, môi trường, cộng đồng và các vấn đề toàn cầu.
PLO4	Vận hành, bảo dưỡng các hệ thống, máy móc thiết bị trong lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật hóa học	Vận hành, bảo dưỡng các hệ thống, máy móc thiết bị trong lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật hóa học
PLO5	Nhận thức về đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp trong các tình huống và giải pháp kỹ thuật.	Nhận thức về đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp trong các tình huống và giải pháp kỹ thuật.
PLO6	Thu thập, sử dụng tài liệu kỹ thuật thích hợp và vận dụng kiến thức mới khi cần thiết thông qua việc sử dụng các chiến lược học tập phù hợp.	Thu thập, sử dụng tài liệu kỹ thuật thích hợp và vận dụng kiến thức mới khi cần thiết thông qua việc sử dụng các chiến lược học tập phù hợp.
PLO7	Giao tiếp bằng văn bản, lời nói, tài liệu kỹ thuật, đồ họa.	Giao tiếp bằng văn bản, lời nói, tài liệu kỹ thuật, đồ họa.
PLO8	Sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp và công việc chuyên môn, đạt năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.	Sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp và công việc chuyên môn, đạt năng lực ngoại ngữ bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
PLO9	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo qui định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT; có khả năng sử dụng các phần mềm chuyên ngành để tính toán, thiết kế các hệ thống và quy trình công nghệ trong lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật hóa học.	Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo qui định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT; có khả năng sử dụng các phần mềm chuyên ngành để tính toán, thiết kế các hệ thống và quy trình công nghệ trong lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật hóa học.
PLO10	Làm việc nhóm hiệu quả.	Làm việc nhóm hiệu quả.

PLO11	Phản biện, tư duy khởi nghiệp; kỹ năng quản trị, quản lý, đánh giá và cải tiến hiệu quả các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật hóa học.	Phản biện, tư duy khởi nghiệp; kỹ năng quản trị, quản lý, đánh giá và cải tiến hiệu quả các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật hóa học.
--------------	---	---

4.4. Khung chương trình đào tạo
a. Bậc cử nhân

Số T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Số tín chỉ	HP tiên quyết(*)
			LT- BT	TH - TN	Thực tập		HP học trước
HP song hành(+)							
1. Kiến thức Giáo dục Đại cương							
1.1. Các học phần bắt buộc							
1	5211005	Pháp luật đại cương	2	0	0	2	
2	5209005	Triết học Mác-Lênin	3	0	0	3	
3	5209004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	0	2	Triết học Mác-Lênin
4	5209006	Kinh tế chính trị	2	0	0	2	Triết học Mác-Lênin
5	5209007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	0	2	Triết học Mác-Lênin
6	5209008	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	0	0	2	Triết học Mác-Lênin
7	5413002	Ngoại Ngữ I	3	0	0	3	Ngoại ngữ cơ bản(*)
8	5413003	Ngoại Ngữ II	2	0	0	2	Ngoại ngữ I
9	5413004	Ngoại Ngữ III	2	0	0	2	Ngoại ngữ II
10	5319001	Đại số tuyến tính	2	0	0	2	
11	5319005	Xác suất Thống kê	2	0	0	2	
12	5504085	Vẽ kỹ thuật	2	0	0	2	
13	5505251	Tin học cơ bản	1	1	0	2	
14	5507197	Vật lý ứng dụng	2	0	0	2	
15	5507318	Hóa đại cương	2	0	0	2	
16	5507319	TN Hóa đại cương	0	1	0	1	Hóa đại cương
17	5502003	Kỹ năng giao tiếp	1	0	0	1	
18	5502004	Kỹ năng làm việc nhóm	1	0	0	1	
19		Kỹ thuật PTN và an toàn hóa chất	0	1	0	1	
Tổng số tín chỉ phải tích lũy bắt buộc học phần đại cương:						36	
1.2. Các học phần tự chọn bắt buộc 2 tín chỉ							
20	5319002	Giải tích I	2	0	0	2	Đại số tuyến tính
21	5502006	Phương pháp học tập NCKH	2	0	0	2	
22		Vật lý cơ – điện	2	0	0	2	Giải tích I



Tổng số tín chỉ phải tích lũy tự chọn bắt buộc học phần đại cương:							2	
1.3. Các học phần tự chọn tự do								
23	5413001	Ngoại Ngữ cơ bản	3	0	0	3		
24	5413005	Ngoại Ngữ IV	2	0	0	2	Ngoại Ngữ III	
25	5413006	Ngoại Ngữ V	2	0	0	2	Ngoại Ngữ IV	
Tổng số tín chỉ phải tích lũy các học phần giáo dục đại cương:							38	
1.4. Các học phần tích lũy Chứng chỉ thể chất & Chứng chỉ quốc phòng								
26	5502001	Giáo dục quốc phòng	0	0	4	4	HP tích lũy chứng chỉ	
27	5013001	Giáo dục thể chất I	0	1	0	1	HP tích lũy chứng chỉ	
28	5013002	Giáo dục thể chất II	0	1	0	1	HP tích lũy chứng chỉ	
29	5013003	Giáo dục thể chất III	0	1	0	1	HP tích lũy chứng chỉ	
30	5013004	Giáo dục thể chất IV	0	1	0	1	HP tích lũy chứng chỉ	
2. Kiến thức Giáo dục Chuyên nghiệp								
2.1. Các học phần cơ sở - bắt buộc								
31	5507320	Hóa vô cơ	2	0	0	2	Hóa đại cương	
32	5507322	TN Hóa vô cơ	0	1	0	1	Hóa vô cơ	
33	5507321	Hóa hữu cơ 1	2	0	0	2	Hóa đại cương	
34	5507323	TN Hóa hữu cơ 1	0	1	0	1	Hóa hữu cơ 1	
35	5507324	Hóa hữu cơ 2	2	0	0	2	Hóa hữu cơ 1	
36	5507329	TN Hóa hữu cơ 2	0	1	0	1	Hóa hữu cơ 2	
37	5507001	ATLĐ và Vệ sinh công nghiệp	2	0	0	2		
38	5507194	Ứng dụng CNTT trong Hóa học	1	1	0	2	Tin học cơ bản - Hóa đại cương	
39		Nhập môn ngành CNKTHH	1	0	0	1		
40	5507129	Quá trình và thiết bị thủy lực	2	0	0	2	Vật lý ứng dụng	
41	5507130	Quá trình và thiết bị truyền chất	2	0	0	2	Quá trình và thiết bị thủy lực	
42	5507131	Quá trình và thiết bị truyền nhiệt	2	0	0	2	Quá trình và thiết bị thủy lực	
43	5507325	TN Quá trình và thiết bị thủy lực	0	1	0	1	Quá trình và thiết bị thủy lực	
44	5507332	TN Quá trình và thiết bị truyền nhiệt	0	1	0	1	Quá trình và thiết bị truyền nhiệt	

45	5507336	TN Quá trình và thiết bị truyền chất	0	1	0	1	Quá trình và thiết bị truyền chất
46	5507326	Hóa lý	2	0	0	2	Hóa vô cơ
47	5507330	TN Hóa lý	0	1	0	1	Hóa lý
48	5507327	Hóa phân tích	3	0	0	3	Hóa vô cơ
49	5507331	TN Hóa phân tích	0	1	0	1	Hóa phân tích
50		Nhiệt động học trong kỹ thuật hóa học	3	0	0	3	Hóa đại cương
51	5507333	Hóa tính toán	1	1	0	2	Ứng dụng CNTT trong Hóa học
52	5507328	Hóa học các hợp chất cao phân tử	2	0	0	2	Hóa hữu cơ 1
53	5507334	Hóa lý polymer	2	0	0	2	Hóa hữu cơ 1
54	5507209	Quy hoạch thực nghiệm	2	0	0	2	Đại số tuyến tính
55		Vẽ kỹ thuật trên máy tính	1	2	0	3	Vẽ kỹ thuật
56	5507090	Đồ án quá trình và thiết bị	0	0	2	2	Quá trình và thiết bị truyền nhiệt
2.2. Các học phần cơ sở - tự chọn bắt buộc (chọn 2 tín chỉ)							
57		Động học và thiết kế thiết bị phản ứng	2	0	0	2	Vẽ kỹ thuật
58	5507335	Ăn mòn và bảo vệ kim loại	2	0	0	2	Hóa đại cương
59		Hóa sinh	2	0	0	2	Hóa đại cương
60		Hóa môi trường	2	0	0	2	Hóa đại cương
Tổng số tín chỉ phải tích lũy bắt buộc học phần cơ sở ngành:						48	
2.3. Các học phần chuyên ngành - bắt buộc							
61	5507048	Các phương pháp phân tích vật lý và hóa lý	2	0	0	2	Hóa lý, Hóa phân tích
62	5507146	TN Các PP phân tích Vật lý & Hóa lý	0	1	0	1	Các phương pháp phân tích vật lý và hóa lý
63		Tiếng anh chuyên ngành HH	1	1	0	2	Ngoại ngữ III
64		Chuyên đề ngành HH	1	1	0	2	Hóa đại cương
65	5507261	Thực tập nhận thức	0	0	1	1	Quá trình và thiết bị thủy lực
66	5507260	Thực tập kỹ thuật	0	0	3	3	Quá trình và thiết bị thủy lực

67		Học kỳ doanh nghiệp	0	0	3	3	Quá trình và thiết bị thủy lực	
68	5507338	KTSX chất dẻo	2	0	0	2	Hóa lý polymer	
69	5507340	TN KTSX chất dẻo	0	1	0	1	KTSX chất dẻo	
70	5507339	Kỹ thuật gia công cao su	2	1	0	3	Hóa lý polymer	
71		Thiết kế nhà máy trong kỹ thuật hoá học	3	0	0	3	Vẽ kỹ thuật	
72		Vật liệu tiên tiến trong hóa học	3	0	0	3	Hóa vô cơ, Hóa hữu cơ 2	
73		TN Vật liệu tiên tiến trong hóa học	0	1	0	1	Vật liệu tiên tiến trong hóa học	
74	5507106	Hóa hương liệu và mỹ phẩm	2	0	0	2	Hóa hữu cơ 2	
75	5507173	TN Hóa hương liệu và mỹ phẩm	0	1	0	1	Hóa hương liệu và mỹ phẩm	
76	5507348	Đồ án chuyên ngành	0	0	3	3	Hóa lý polymer	
77		Đồ án tốt nghiệp HH	0	0	10	10		
Tổng tích lũy các học phần chuyên ngành bắt buộc							43	
2.4. Các học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành (chọn 3 tín chỉ)								
78	5507344	Công nghệ các sản phẩm tẩy rửa	2	1	0	3	Hóa hữu cơ 2	
79	5507342	CNSX Phân bón hóa học	2	0	0	2	Hóa đại cương	
80	5507343	TN CNSX Phân bón hóa học	0	1	0	1	CNSX Phân bón (+)	
81	5507249	CNSX Sơn-Vecni	3	0	0	3	Hóa lý polymer	
82	5507351	CNSX cellulose và giấy	2	0	0	2	Hóa lý polymer	
83	5507353	TN CNSX cellulose và giấy	0	1	0	1	CNSX cellulose và giấy (+)	
Tổng số tín chỉ phải tích lũy học phần chuyên ngành							46	
Tổng số tín chỉ phải tích lũy phần giáo dục chuyên nghiệp							132	

b. Bậc kỹ sư

Số T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ			Số tín chỉ	HP tiên quyết(*)
			LT-BT	TH-TN	Thực tập		HP học trước
1. Kiến thức Giáo dục Đại cương							
1.1. Các học phần bắt buộc							
1	5211005	Pháp luật đại cương	2	0	0	2	HP song hành(+)

2	5209005	Triết học Mác-Lênin	3	0	0	3	
3	5209004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	0	2	Triết học Mác-Lênin
4	5209006	Kinh tế chính trị	2	0	0	2	Triết học Mác-Lênin
5	5209007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	0	2	Triết học Mác-Lênin
6	5209008	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	2	0	0	2	Triết học Mác-Lênin
7	5413002	Ngoại Ngữ I	3	0	0	3	Ngoại ngữ cơ bản(*)
8	5413003	Ngoại Ngữ II	2	0	0	2	Ngoại ngữ I
9	5413004	Ngoại Ngữ III	2	0	0	2	Ngoại ngữ II
10	5319001	Đại số tuyến tính	2	0	0	2	
11	5319005	Xác suất Thống kê	2	0	0	2	
12	5504085	Vẽ kỹ thuật	2	0	0	2	
13	5505251	Tin học cơ bản	1	1	0	2	
14	5507197	Vật lý ứng dụng	2	0	0	2	
15	5507318	Hóa đại cương	2	0	0	2	
16	5507319	TN Hóa đại cương	0	1	0	1	Hóa đại cương
17	5502003	Kỹ năng giao tiếp	1	0	0	1	
18	5502004	Kỹ năng làm việc nhóm	1	0	0	1	
19		Kỹ thuật PTN và an toàn hóa chất	0	1	0	1	
Tổng số tín chỉ phải tích lũy bắt buộc học phần đại cương:						36	
1.2. Các học phần tự chọn bắt buộc 2 tín chỉ							
20	5319002	Giải tích I	2	0	0	2	Đại số tuyến tính
21	5502006	Phương pháp học tập NCKH	2	0	0	2	
22		Vật lý cơ – điện	2	0	0	2	Giải tích I
Tổng số tín chỉ phải tích lũy tự chọn bắt buộc học phần đại cương:						2	
1.3. Các học phần tự chọn tự do							
23	5413001	Ngoại Ngữ cơ bản	3	0	0	3	
24	5413005	Ngoại Ngữ IV	2	0	0	2	Ngoại Ngữ III
25	5413006	Ngoại Ngữ V	2	0	0	2	Ngoại Ngữ IV
Tổng số tín chỉ phải tích lũy các học phần giáo dục đại cương:						38	
1.4. Các học phần tích lũy Chứng chỉ thể chất & Chứng chỉ quốc phòng							
26	5502001	Giáo dục quốc phòng	0	0	4	4	HP tích lũy chứng chỉ
27	5013001	Giáo dục thể chất I	0	1	0	1	HP tích lũy chứng chỉ

V
 ỚN
 HỌ
 HẠ
 TỬ
 ĐÀ

28	5013002	Giáo dục thể chất II	0	1	0	1	HP tích lũy chứng chỉ
29	5013003	Giáo dục thể chất III	0	1	0	1	HP tích lũy chứng chỉ
30	5013004	Giáo dục thể chất IV	0	1	0	1	HP tích lũy chứng chỉ
2. Kiến thức Giáo dục Chuyên nghiệp							
2.1. Các học phần cơ sở - bắt buộc							
31	5507320	Hóa vô cơ	2	0	0	2	Hóa đại cương
32	5507322	TN Hóa vô cơ	0	1	0	1	Hóa vô cơ
33	5507321	Hóa hữu cơ 1	2	0	0	2	Hóa đại cương
34	5507323	TN Hóa hữu cơ 1	0	1	0	1	Hóa hữu cơ 1
35	5507324	Hóa hữu cơ 2	2	0	0	2	Hóa hữu cơ 1
36	5507329	TN Hóa hữu cơ 2	0	1	0	1	Hóa hữu cơ 2
37	5507001	ATLĐ và Vệ sinh công nghiệp	2	0	0	2	
38	5507194	Ứng dụng CNTT trong Hóa học	1	1	0	2	Tin học cơ bản - Hóa đại cương
39		Nhập môn ngành CNKTHH	1	0	0	1	
40	5507129	Quá trình và thiết bị thủy lực	2	0	0	2	Vật lý ứng dụng
41	5507130	Quá trình và thiết bị truyền chất	2	0	0	2	Quá trình và thiết bị thủy lực
42	5507131	Quá trình và thiết bị truyền nhiệt	2	0	0	2	Quá trình và thiết bị thủy lực
43	5507325	TN Quá trình và thiết bị thủy lực	0	1	0	1	Quá trình và thiết bị thủy lực
44	5507336	TN Quá trình và thiết bị truyền chất	0	1	0	1	Quá trình và thiết bị truyền chất
45	5507332	TN Quá trình và thiết bị truyền nhiệt	0	1	0	1	Quá trình và thiết bị truyền nhiệt
46	5507326	Hóa lý	2	0	0	2	Hóa vô cơ
47	5507330	TN Hóa lý	0	1	0	1	Hóa lý
48	5507327	Hóa phân tích	3	0	0	3	Hóa vô cơ
49	5507331	TN Hóa phân tích	0	1	0	1	Hóa phân tích
50		Nhiệt động học trong kỹ thuật hóa học	3	0	0	3	Hóa đại cương

51	5507333	Hóa tính toán	1	1	0	2	Ứng dụng CNTT trong Hóa học
52	5507328	Hóa học các hợp chất cao phân tử	2	0	0	2	Hóa hữu cơ 1
53	5507334	Hóa lý polymer	2	0	0	2	Hóa hữu cơ 1
54	5507209	Quy hoạch thực nghiệm	2	0	0	2	Đại số tuyến tính
55		Vẽ kỹ thuật trên máy tính	1	2	0	3	Vẽ kỹ thuật
56	5507090	Đồ án quá trình và thiết bị	0	0	2	2	Quá trình và thiết bị truyền nhiệt
2.2. Các học phần cơ sở - tự chọn bắt buộc (chọn 2 tín chỉ)							
57		Động học và thiết kế thiết bị phản ứng	2	0	0	2	Vẽ kỹ thuật
58	5507335	Ăn mòn và bảo vệ kim loại	2	0	0	2	Hóa đại cương
59		Hóa sinh	2	0	0	2	Hóa đại cương
60		Hóa môi trường	2	0	0	2	Hóa đại cương
Tổng số tín chỉ phải tích lũy bắt buộc học phần cơ sở ngành:						48	
2.3. Các học phần chuyên ngành - bắt buộc							
61	5507048	Các phương pháp phân tích vật lý và hóa lý	2	0	0	2	Hóa lý, Hóa phân tích
62	5507146	TN Các PP phân tích Vật lý & Hóa lý	0	1	0	1	Các phương pháp phân tích vật lý và hóa lý
63		Tiếng anh chuyên ngành HH	1	1	0	2	Ngoại ngữ III
64		Chuyên đề ngành HH	1	1	0	2	Hóa đại cương
65	5507261	Thực tập nhận thức	0	0	1	1	Quá trình và thiết bị thủy lực
66	5507260	Thực tập kỹ thuật	0	0	3	3	Quá trình và thiết bị thủy lực
67		Học kỳ doanh nghiệp	0	0	3	3	Quá trình và thiết bị thủy lực
68	5507338	KTSX chất dẻo	2	0	0	2	Hóa lý polymer
69	5507340	TN KTSX chất dẻo	0	1	0	1	KTSX chất dẻo
70	5507339	Kỹ thuật gia công cao su	2	1	0	3	Hóa lý polymer

71		Thiết kế nhà máy trong kỹ thuật hoá học	3	0	0	3	Vẽ kỹ thuật
72		Vật liệu tiên tiến trong hóa học	3	0	0	3	Hóa vô cơ, Hóa hữu cơ 2
73		TN Vật liệu tiên tiến trong hóa học	0	1	0	1	Vật liệu tiên tiến trong hóa học
74	5507106	Hóa hương liệu và mỹ phẩm	2	0	0	2	Hóa hữu cơ 2
75	5507173	TN Hóa hương liệu và mỹ phẩm	0	1	0	1	Hóa hương liệu và mỹ phẩm
76	5507348	Đồ án chuyên ngành	0	0	3	3	Hóa lý polymer
77	5502010	Đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp	2	0	0	2	
78	5502009	Kỹ năng lãnh đạo, quản lý	2	0	0	2	
79	5507257	Quản lý dự án chuyên ngành	2	0	0	2	
80	5507263	Thực tập tốt nghiệp	0	0	3	3	Đồ án quá trình và thiết bị
81		Điều khiển quá trình trong kỹ thuật hóa học	2	0	0	2	Đồ án quá trình và thiết bị
82	5507345	Gia công polymer	2	1	0	3	Hóa lý polymer
83		Hóa tính toán ứng dụng	2	1	0	3	Ứng dụng CNTT trong Hóa học
84		CNSX các sản phẩm thiên nhiên	1	1	0	2	Hóa hữu cơ 2
85		Mô phỏng quá trình trong kỹ thuật hóa học	1	1	0	2	Tin học cơ bản - Hóa đại cương
86		Đồ án tốt nghiệp Kỹ sư HH	0	0	12	12	Học kỹ doanh nghiệp HH (*)
Tổng tích lũy các học phần chuyên ngành bắt buộc						66	
2.4. Các học phần tự chọn bắt buộc - chuyên ngành (chọn 3 tín chỉ)							
87	5507344	Công nghệ các sản phẩm tẩy rửa	2	1	0	3	Hóa hữu cơ 2
88	5507342	CNSX Phân bón hóa học	2	0	0	2	Hóa đại cương
89	5507343	TN CNSX Phân bón hóa học	0	1	0	1	CNSX Phân bón (+)
90	5507249	CNSX Sơn-Vecni	3	0	0	3	Hóa lý polymer
91	5507351	CNSX cellulose và giấy	2	0	0	2	Hóa lý polymer

92	5507353	TN CNSX cellulose và giấy	0	1	0	1	CNSX cellulose và giấy (+)	
Tổng số tín chỉ phải tích lũy học phần chuyên ngành:							69	
Tổng số tín chỉ phải tích lũy phần giáo dục chuyên nghiệp							155	

4.5. Dự kiến tuyển sinh và đào tạo của ngành trong thời gian 05 năm tới

- Bộ môn Công nghệ Hóa học, Khoa Công nghệ Hóa học - Môi trường hy vọng sẽ hoàn thành đề án mở ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học vào tháng 04/2023 và theo kế hoạch sẽ tổ chức triển khai thực hiện chương trình đào tạo bắt đầu vào năm học 2023-2024.

- Ngành Công nghệ hóa học hướng đến mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về ngành đào tạo, kiến thức cơ bản về Khoa học xã hội, chính trị và pháp luật; có kỹ năng nhận thức liên quan đến phản biện, phân tích, tổng hợp, khởi nghiệp; kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp; làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức, thuộc ngành đào tạo, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ, nguồn nhân lực này nhằm đáp ứng cho nhu cầu chủ yếu của khu vực Miền Trung - Tây Nguyên.

- Từ mục tiêu đào tạo, nhu cầu thực tế của các doanh nghiệp và số lượng các cơ sở giáo dục trên địa bàn, Nhà trường có kế hoạch về số lượng tuyển sinh và quy mô đào tạo của ngành trong thời gian 05 năm tới như sau:

Năm học	2023-2024	2024-2025	2025-2026	2026-2027	2027-2028
Chỉ tiêu	40	40	40	40	40

4.6. Địa điểm đào tạo

Sinh viên ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học thuộc Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng được đào tạo tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng với 02 cơ sở:

Cơ sở 1: 48 Cao Thắng Đà Nẵng

Cơ sở 2: Làng Đại học - Đại học Đà Nẵng, Hòa Quý

4.7. Địa điểm thực hành và thực tập

Địa điểm thực hành: hiện nay sinh viên được học các học phần thí nghiệm thực hành tại các phòng thí nghiệm tại khu D2, trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng

Địa điểm thực tập: một số địa điểm thực tập mà giảng viên trong Khoa và Trường có thể liên hệ cho sinh viên gồm:

1. Công ty TNHH MTV INT, Khu công nghiệp Điện Nam, Điện Ngọc
2. Công ty TNHH Universal Alloy Corporation Vietnam, khu công nghệ cao Đà Nẵng
3. Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng DRC, Tạ Quang Bửu, Hoà Hiệp Bắc, Liên

Chiều, Đà Nẵng

4. Nhà máy bao bì Việt Phát – KCN Phú Bài – Thừa Thiên Huế
5. Công ty Petrolimex Đà Nẵng
6. Công ty cổ phần Đường Quảng Ngãi
7. Nhà Máy Lọc Dầu Dung Quất - Quảng Ngãi
8. Nhà Máy Lọc Dầu Nghi Sơn – Thanh Hoá
9. Công ty cổ phần công nghiệp cao su miền Nam (CASUMINA), 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP HCM
10. Công ty TNHH MTV cao su Phú Riềng, Xã Phú Riềng, Huyện Phú Riềng, Tỉnh Bình Phước
11. Công ty Cổ Phần Cao Su Sài Gòn – KYMDAN, 28 Bình Quới, Phường 14, Quận 11, TP HCM
12. Công ty TNHH Sơn Polychem, C9 Khu Công Nghiệp Tân Đông Hiệp B, H. Dĩ An, Bình Dương
13. Công ty cổ phần giấy Sài Gòn, Khu Công nghiệp Mỹ Xuân A, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
14. Công ty TNHH giấy Kraft Vina, D - 6A - CN, Khu Công Nghiệp Mỹ Phước 3, Huyện Bến Cát, Bình Dương

IV. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo

Kế hoạch và điều kiện thực hiện việc mở ngành đào tạo trong báo cáo đề xuất này tuy đã cụ thể và đầy đủ, nhưng trên thực tế đôi lúc sẽ có những tình huống rủi ro có thể xảy ra như: lượng sinh viên tuyển sinh quá ít, không đủ để mở ngành, hay đội ngũ cán bộ giảng viên giảm vì một lý do nào đó, hay trong trường hợp rủi ro cao nhất là trong vòng 03 năm liên tục ngành mới không tuyển sinh được, buộc phải đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo thì Nhà trường vẫn sẽ luôn đảm bảo quyền lợi của người học đã trúng tuyển và đang theo học tại Trường cho đến khi tốt nghiệp.

V. Đề nghị và cam kết triển khai thực hiện

Đề nghị:

Với nguồn nhân lực và cơ sở vật chất hiện có, Khoa và Trường tự tin có thể đảm nhận việc giảng dạy và đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học trình độ đại học đảm bảo chất lượng, để cung cấp nguồn nhân lực có tay nghề cho Miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. Trường đề nghị Đại học Đà Nẵng thông qua đề án mở ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học, cho phép tuyển sinh từ năm học 2023-2024.

Cam kết triển khai thực hiện:

- Các hình thức đào tạo, tổ chức đào tạo, cấp văn bằng của Trường được thực hiện theo Quy chế, Quy định của Bộ GD&ĐT, Đại học Đà Nẵng và Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật;

- Đội ngũ giảng viên của Khoa có trình độ chuyên môn cao, nhiệt tình, sáng tạo, có ý thức kỷ luật tốt, không ngừng học tập nâng cao trình độ chuyên môn, phương pháp và nghiệp vụ giảng dạy đáp ứng yêu cầu của giảng dạy và nghiên cứu khoa học;

- Người học có môi trường học tập thân thiện, năng động và sáng tạo. Nhà trường luôn tạo điều kiện tốt nhất để người học được bồi dưỡng các kiến thức, kỹ năng, khả năng nghiên cứu khoa học, nghiệp vụ sư phạm..., tăng tỉ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp;

- Khoa và Nhà trường đã, đang và sẽ tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất để tạo điều kiện tốt nhất cho sinh viên và giảng viên có cơ hội vừa học tập vừa nghiên cứu, lý thuyết đi đôi với thực hành;

- Đào tạo người học đáp ứng chuẩn đầu ra về kiến thức và kỹ năng.

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật cam kết đào tạo nguồn nhân lực ngành Công nghệ Kỹ thuật Hóa học chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của xã hội và mang lại uy tín cho học hiệu Nhà trường và Đại học Đà Nẵng.



PGS. TS. Phan Cao Thọ

BÁO CÁO

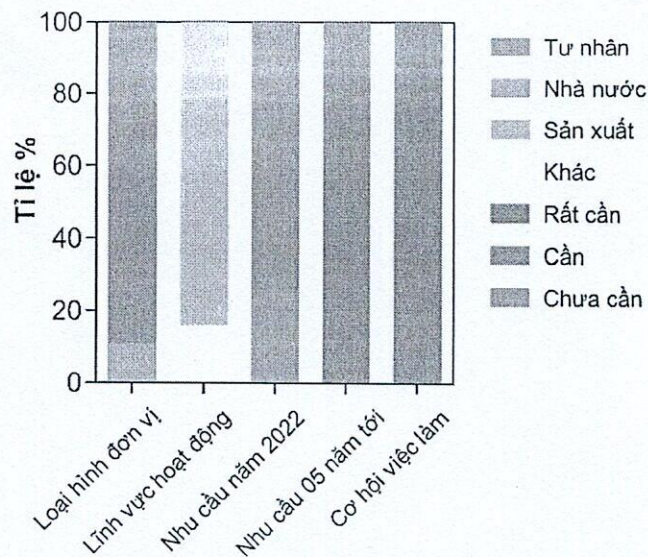
Đề xuất chủ trương về việc mở ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học trình độ đại học

Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật báo cáo đề xuất chủ trương về việc mở ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học trình độ đại học như sau:

1. Về sự cần thiết đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo:

- Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật là một cơ sở giáo dục thành viên của Đại học Đà Nẵng, đào tạo theo định hướng ứng dụng trong lĩnh vực kỹ thuật công nghệ, đồng thời trang bị kiến thức về nghiệp vụ Sư phạm Kỹ thuật, dạy nghề, nhằm tạo ra lực lượng trí thức và lao động có chất lượng cao, đáp ứng cho các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề, trung học phổ thông, và đặc biệt là các doanh nghiệp ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. Kết quả thống kê từ đợt khảo sát nhu cầu nhân lực ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học trình độ đại học tại 20 Doanh nghiệp (trong đó có: 89% doanh nghiệp thuộc khối tư nhân, 11% doanh nghiệp nhà nước; doanh nghiệp sản xuất chiếm 84% và 16% doanh nghiệp, đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực khác; thời gian khảo sát từ tháng 10/2022 đến tháng 11/2022) cho thấy: 11% doanh nghiệp đang rất cần tuyển kỹ sư/cử nhân ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học và 63% doanh nghiệp đang cần tuyển dụng kỹ sư/cử nhân ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học trong năm 2022; đáng chú ý là 100% doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng trong vòng 05 năm đến. Có doanh nghiệp cần tuyển đến 25 kỹ sư/cử nhân Công nghệ kỹ thuật hóa học trong 05 năm tới. Hơn nữa, 100% các doanh nghiệp đều cho rằng cơ hội việc làm của kỹ sư/cử nhân ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học cao vì nhu cầu nhân lực của các doanh nghiệp đối với ngành này rất cần thiết (Hình 1). Như vậy, kết quả khảo sát cho thấy nhu cầu nhân lực kỹ sư/cử nhân ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học đang rất cần thiết cho sự phát triển của các doanh nghiệp trên địa bàn Miền Trung – Tây Nguyên trong thời gian tới.

- Hiện nay, tại khu vực Miền Trung - Tây Nguyên đã có một số Trường đào tạo ngành Công nghệ Kỹ thuật hóa học/Kỹ thuật hóa học ở trình độ đại học như: Trường Đại học Bách Khoa - Đại học Đà Nẵng; Trường Đại học Quy Nhơn; Đại học Nha Trang, Đại học Khoa học Huế... Sinh viên tốt nghiệp từ các cơ sở giáo dục đào tạo này đã đáp ứng được một phần nhu cầu nhân lực của các cơ sở giáo dục, đào tạo và doanh nghiệp tại khu vực Miền Trung - Tây Nguyên và cả nước, đồng thời ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học của Trường sẽ bổ sung thêm nguồn kỹ sư/cử nhân có tay nghề chất lượng cao cho các doanh nghiệp.



Hình 1. Loại hình, lĩnh vực hoạt động của các đơn vị khảo sát và nhu cầu nhân lực ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học

- Trong công tác tuyển dụng, các doanh nghiệp luôn đề cao khả năng thực hành, kinh nghiệm thực tế và khả năng thích nghi với môi trường làm việc, ... của sinh viên. Vì vậy, việc đào tạo kỹ sư/cử nhân ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học định hướng ứng dụng là rất cần thiết trong thời điểm hiện nay, đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp.

- Đồng thời, ngành này còn phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, đó là định hướng ứng dụng, đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật, giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, đáp ứng yêu cầu của Cách mạng công nghiệp 4.0, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội khu vực Miền Trung – Tây Nguyên và cả nước. Đặc biệt hơn nữa, ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học là một trong những ngành ưu tiên, nền tảng để tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo tinh thần Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (Khóa XIII).

Các báo cáo phân tích trên cho thấy sự cần thiết để mở ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học trình độ đại học của Khoa Công nghệ Hóa học – Môi trường, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật trong thời điểm hiện nay.

2. Về năng lực của cơ sở đào tạo:

- Để giảng dạy cho ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học, Khoa có 09 giảng viên và 01 tiến sĩ thỉnh giảng trong cùng Đại học Đà Nẵng tham gia, trong đó có 06 tiến sĩ được đào tạo ở nước ngoài (05 tiến sĩ cơ hữu tốt nghiệp ở Úc, Trung Quốc, Pháp, Nhật, Nga và 01 giảng viên thỉnh giảng tốt nghiệp ở Pháp); 04 thạc sĩ (01 thạc sĩ tốt nghiệp tại Pháp và 03 thạc sĩ trong nước), tất cả các cán bộ tham gia giảng dạy cho chương trình đào tạo mới

đều thuộc chuyên ngành hóa học và vật liệu. Tiến sĩ chủ chốt của Khoa chủ trì mở ngành là tiến sĩ - giảng viên chính, tốt nghiệp tại Úc, chuyên ngành hóa học, đã tham gia giảng dạy đại học 05 năm. Các giảng viên tham gia giảng dạy đã chủ trì cũng như tham gia 15 đề tài các cấp từ cơ sở đến cấp Bộ và cấp Nhà nước. Ngoài các đề tài nghiên cứu khoa học, các giảng viên tham gia giảng dạy còn xuất bản 48 bài báo trong 05 năm gần đây, đa số các bài báo đăng trên các tạp chí uy tín quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus và 02 bài báo đăng trên các tạp chí trong nước thuộc danh mục Hội đồng giáo sư nhà nước công nhận. Ngoài ra, các giảng viên trong Bộ môn Công nghệ Hóa học thuộc Khoa Công nghệ Hóa học – Môi trường cũng đã xuất bản 01 chương sách, 02 giáo trình/sách tham khảo phục vụ giảng dạy.

- Về cơ sở vật chất: Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật có 60 hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc cho cán bộ, giảng viên, có 01 trung tâm học liệu và 40 phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu và cơ sở thực hành. Như vậy, cơ sở vật chất của Nhà trường với 02 cơ sở lớn, đáp ứng đủ điều kiện để sinh viên học các học phần lý thuyết cũng như luyện tập thực hành, thí nghiệm.

- Tại trung tâm học liệu, có hơn 100 đầu sách/giáo trình phục vụ giảng dạy cho các học phần chuyên về lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật hóa học. Trong đó có một lượng lớn các giáo trình có giá trị, được dịch từ các sách nước ngoài. Ngoài ra, Bộ môn cũng đang đề nghị mua thêm nhiều đầu sách mới, có cập nhật các công nghệ tiên tiến để sinh viên cũng như giảng viên tìm hiểu, tham khảo và học tập. Hơn nữa, các giảng viên cũng đang tiếp tục đăng ký viết các giáo trình mới phù hợp hơn với trình độ và chương trình đào tạo của ngành mới mở.

- Bộ môn Công nghệ hóa học thuộc Khoa Công nghệ hóa học – Môi trường hiện đang quản lý 04 phòng thí nghiệm gồm phòng thí nghiệm hóa cơ bản, quá trình - thiết bị, công nghệ vật liệu và công nghệ hóa học, với nhiều máy móc trang thiết bị từ cơ bản: cân phân tích, bơm hút chân không, tủ hút, máy sấy, lò nung, máy đo pH, máy li tâm, máy khuấy từ điều nhiệt, máy cất nước... đến hiện đại, phù hợp với chuyên ngành như: máy đo độ nhớt, máy đo quang phổ UV-Vis, máy ép thủy lực, máy sấy thăng hoa... và các loại máy móc kích thước lớn để hướng dẫn sinh viên về quá trình thiết bị như: thiết bị chưng luyện, trích ly, hấp thụ, thiết bị lọc khung bản...

Từ các điều kiện về nhân lực, cơ sở vật chất và nguồn học liệu, chúng tôi tự tin có thể đảm nhận việc xây dựng chương trình đào tạo và giảng dạy ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học trình độ đại học đảm bảo chất lượng.

3. Về mục tiêu phát triển ngành đào tạo đề xuất mở:

- Bộ môn Công nghệ Hóa học, Khoa Công nghệ Hóa học – Môi trường hy vọng sẽ hoàn thành đề án mở ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học vào tháng 04/2023 và theo kế hoạch sẽ tổ chức triển khai thực hiện chương trình đào tạo bắt đầu vào năm học 2023-2024.

- Ngành Công nghệ hóa học hướng đến mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về ngành đào tạo, kiến

thức cơ bản về Khoa học xã hội, chính trị và pháp luật; có kỹ năng nhận thức liên quan đến phân biện, phân tích, tổng hợp, khởi nghiệp; kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp; làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức, thuộc ngành đào tạo, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ, nguồn nhân lực này nhằm đáp ứng cho nhu cầu chủ yếu của khu vực Miền Trung – Tây Nguyên.

- Từ mục tiêu đào tạo, nhu cầu thực tế của các doanh nghiệp và số lượng các cơ sở giáo dục trên địa bàn, Nhà trường có kế hoạch về số lượng tuyển sinh và quy mô đào tạo của ngành trong thời gian 05 năm tới như sau:

Năm học	2023-2024	2024-2025	2025-2026	2026-2027	2027-2028
Chỉ tiêu	30	30	40	40	40

Các năm sau xem xét tình hình tuyển sinh và nhu cầu từ xã hội có thể tăng số lượng tuyển sinh lên 50 hoặc 60 chỉ tiêu.

- Về chất lượng đào tạo và hiệu quả tác động xã hội: Với đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ chuyên môn cao, Nhà trường sẽ ngày càng nâng cao chất lượng sinh viên đầu vào và đầu ra. Hơn nữa, Nhà trường sẽ cố gắng kết nối đến các doanh nghiệp để tìm hiểu kỹ hơn nhu cầu của các doanh nghiệp để đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao nhằm phục vụ lại cho các doanh nghiệp. Nguồn nhân lực này sẽ góp phần phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa, từ đó thúc đẩy kinh tế - xã hội khu vực miền Trung – Tây Nguyên phát triển nhanh và bền vững.

4. Về giải pháp và lộ trình thực hiện:

Bộ môn và Khoa sẽ xây dựng đề án mở ngành, chương trình đào tạo theo đúng quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học quy định trong Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quyết định số 4305/QĐ-ĐHĐN ngày 08/11/2022 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ mở ngành và chuyên ngành đào tạo các trình độ của giáo dục đại học tại Đại học Đà Nẵng, phù hợp với chiến lược đào tạo và các quy định của Nhà trường. Việc xây dựng đề án mở ngành và xây dựng chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học trình độ đại học sẽ tuân thủ theo đúng thời gian trong kế hoạch, phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo tính khoa học, phát huy tối đa các nguồn lực hiện có của Nhà trường. Chương trình đào tạo được xây dựng đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo trình độ đại học và có chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Cụ thể như sau:

- Về việc xây dựng đề án mở ngành, Bộ môn, Khoa, Trường và Đại học Đà Nẵng sẽ triển khai và tổ chức thực hiện theo lộ trình sau:

+ Phòng Đào tạo báo cáo đề xuất chủ trương mở ngành, gồm: xây dựng kế hoạch thực hiện, văn bản đề xuất nhu cầu mở ngành, xác nhận điều kiện thực tế của Nhà trường và dự trù kinh phí phục vụ công việc;

+ Hội đồng Khoa học và Đào tạo thẩm định đề xuất chủ trương mở ngành

+ Hội đồng Trường phê duyệt chủ trương mở ngành

+ Thường trực Hội đồng Đại học Đà Nẵng lấy ý kiến của Đại học Đà Nẵng về việc mở ngành

+ Bộ môn và Khoa xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo

+ Bộ môn và Khoa xây dựng đề án đăng ký mở ngành đào tạo

+ Hội đồng Khoa học và Đào tạo thẩm định đề án mở ngành

+ Phòng Đào tạo đề nghị mở ngành đào tạo

+ Đại học Đà Nẵng xem xét và quyết định cho phép mở ngành đào tạo

+ Phòng Đào tạo công khai quyết định, đề án mở ngành đào tạo sau đó sẽ báo cáo về việc mở ngành đào tạo.

- Về việc xây dựng chương trình đào tạo, Bộ môn và Khoa sẽ triển khai và tổ chức thực hiện các nội dung sau:

+ Khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và chuyên ngành đào tạo của người sử dụng lao động;

+ Xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

+ Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo đảm bảo mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra;

+ Đối chiếu, so sánh với chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng chuyên ngành của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài để hoàn thiện chương trình đào tạo;

+ Thiết kế đề cương chi tiết các học phần theo chương trình đào tạo đã xác định;

+ Tổ chức hội thảo lấy ý kiến của giảng viên, cán bộ quản lý trong và ngoài cơ sở đào tạo, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan về chương trình đào tạo;

+ Hoàn thiện dự thảo chương trình đào tạo trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan và trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo của cơ sở đào tạo xem xét tiến hành các thủ tục thẩm định và áp dụng.

- Để thực hiện chương trình đào tạo mới, Nhà trường cần đầu tư thêm về cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu, như sau:

+ Về cơ sở vật chất, Nhà trường cố gắng phát triển thêm các khu thí nghiệm, thực hành ở cơ sở 2 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật.

+ Sau khi xây dựng các khu thí nghiệm, thực hành, Bộ môn và Khoa sẽ đề nghị Nhà trường bổ sung thêm các trang thiết bị công nghệ mới để phục vụ giảng dạy và nghiên cứu cho giảng viên và sinh viên.

+ Bên cạnh đó, Bộ môn và Khoa sẽ đề nghị Nhà trường bổ sung thêm nhiều đầu sách/giáo trình mới để cán bộ giảng viên và sinh viên cập nhật kiến thức, công nghệ tiên tiến trên thế giới.

- Nhu cầu và kế hoạch tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên để đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo: hiện nay, Bộ môn Công nghệ Hóa học và Khoa Công nghệ Hóa học – Môi trường đã có đội ngũ cán bộ chất lượng, đáp ứng với điều kiện mở ngành đào tạo. Tuy nhiên, giảng viên trong Bộ môn và Khoa vẫn không ngừng học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn để tăng thêm số lượng tiến sĩ nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, đồng thời căn cứ vào tình hình thực tế, Khoa đề nghị Nhà trường tuyển dụng thêm giảng viên trình độ tiến sĩ để tăng cường thêm số lượng và chất lượng giảng viên cơ hữu của Khoa.

- Sau thời gian 05 năm tuyển sinh và giảng dạy ngành đào tạo mới, Bộ môn và Khoa sẽ đề xuất Nhà trường lên kế hoạch đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo để chuẩn hóa và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo, từ đó rút ra những kinh nghiệm để rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo.

5. Về phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro:

Kế hoạch và điều kiện thực hiện việc mở ngành đào tạo trong báo cáo đề xuất này tuy đã cụ thể và đầy đủ, nhưng trên thực tế đôi lúc sẽ có những tình huống rủi ro có thể xảy ra như: lượng sinh viên tuyển sinh quá ít, không đủ để mở ngành, hay đội ngũ cán bộ giảng viên giảm vì một lý do nào đó, hay trong trường hợp rủi ro cao nhất là trong vòng 03 năm liên tục ngành mới không tuyển sinh được, buộc phải đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo thì Nhà trường vẫn sẽ luôn đảm bảo quyền lợi của người học đã trúng tuyển và đang theo học tại Trường cho đến khi tốt nghiệp.

Trên đây là báo cáo đề xuất chủ trương về việc mở ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học trình độ đại học, kính đề nghị quý cấp lãnh đạo xem xét, phê duyệt. /.

Nơi nhận:

- Đại học Đà Nẵng;
- Hội đồng trường;
- Hội đồng KH&ĐT;
- Lưu: VT, Khoa CNHH-MT.



PGS. TS. Phan Cao Thọ

Số: 05/NQ-HĐT

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 01 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Phiên họp thứ mười ba Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025 về công tác đào tạo

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1749/QĐ-TTg ngày 08/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật (ĐH SPKT) thuộc Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN);

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 4095/QĐ-HĐDH ngày 18/11/2020 của Hội đồng ĐHĐN về việc công nhận Hội đồng trường Trường ĐH SPKT, nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐT ngày 15/9/2021 của Hội đồng trường Trường ĐH SPKT, nhiệm kỳ 2020-2025 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐH SPKT;

Căn cứ Tờ trình số 906/TTr-ĐHSPKT ngày 30/12/2022 của Trường ĐH SPKT về việc xin ý kiến phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ;

Căn cứ Tờ trình số 907/TTr-ĐHSPKT ngày 30/12/2022 của Trường ĐH SPKT về việc xin ý kiến thông qua chủ trương áp dụng cơ chế đặc thù đào tạo ngành Công nghệ thông tin trình độ đại học;

Căn cứ nội dung thảo luận của các thành viên Hội đồng Trường tại phiên họp lần thứ mười ba ngày 03/01/2023 và kết luận của Chủ tịch Hội đồng Trường, Hội đồng trường Trường ĐH SPKT nhiệm kỳ 2020-2025

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đồng ý phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo trình độ đại học (theo Nội dung Tờ trình 906/TTr-ĐHSPKT ngày 30/12/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPKT), cụ thể:

- Ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học – Mã ngành: 7510401, thuộc Khoa Công nghệ Hóa học – Môi trường, Trường ĐH SPKT.

- Ngành Robot và Trí tuệ nhân tạo – Mã ngành: 7510209, thuộc Khoa Cơ khí, Trường ĐH SPKT.

Điều 2. Đồng ý phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ Ngành Kỹ thuật xây dựng – Mã ngành: 8580201, thuộc Khoa Kỹ thuật Xây dựng, Trường ĐH SPKT khi

có đầy đủ điều kiện theo quy định (theo Nội dung Tờ trình 906/TTr-ĐHSPKT ngày 30/12/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPKT).

Điều 3. Đồng ý chủ trương thực hiện các bước xây dựng Đề án trình cấp có thẩm quyền xem xét áp dụng cơ chế đặc thù trong đào tạo ngành Công nghệ thông tin trình độ đại học thuộc Khoa Công nghệ số, Trường ĐH SPKT (theo Nội dung Tờ trình 907/TTr-ĐHSPKT ngày 30/12/2022 của Hiệu trưởng Trường ĐHSPKT).

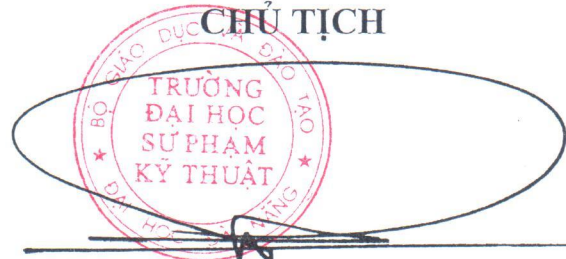
Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thành viên Hội đồng Trường, Hiệu trưởng, các đơn vị, cá nhân có liên quan thuộc Trường ĐH SPKT chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- ĐHĐN (đề b/c);
- Đảng ủy Trường ĐH SPKT;
- Các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường;
- Lưu: VT, HĐT.

**TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**



TS. Phan Bảo An

NGHỊ QUYẾT

Thông nhất chủ trương mở ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật

HỘI ĐỒNG ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG NHIỆM KỲ 2021 - 2026

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN);

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 996/QĐ-BGDĐT ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Hội đồng ĐHĐN nhiệm kỳ 2021-2026 và Quyết định số 998/QĐ-BGDĐT ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận Chủ tịch Hội đồng ĐHĐN nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐDH ngày 12 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng ĐHĐN về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của ĐHĐN và Nghị quyết số 13/NQ-HĐDH ngày 07 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng ĐHĐN về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của ĐHĐN; Nghị quyết số 08/NQ-HĐDH ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng ĐHĐN về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng ĐHĐN;

Căn cứ Công văn số 316/ĐHĐN-ĐT ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Giám đốc ĐHĐN về việc phê duyệt chủ trương mở ngành của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật;

Căn cứ kết quả biểu quyết ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng ĐHĐN nhiệm kỳ 2021-2026.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông nhất chủ trương mở ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học

trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Hội đồng Đại học Đà Nẵng, Giám đốc Đại học Đà Nẵng, Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (đề t/h);
- Bộ GDĐT (đề b/c);
- Đảng ủy ĐHQĐN (đề b/c);
- Lưu: VT, HĐĐH.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Phan Minh Đức

Số: 182/QĐ-ĐHSPKT

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo
ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học trình độ đại học
của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT

Căn cứ Quyết định số 1749/QĐ-TTg ngày 08/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật thuộc Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐĐH ngày 16/02/2023 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc Thống nhất chủ trương mở ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 4305/QĐ-ĐHĐN ngày 08/11/2022 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ mở ngành và chuyên ngành đào tạo các trình độ của giáo dục đại học tại Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐT ngày 15/9/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-ĐHSPKT ngày 26/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật ban hành Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo; rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tổ chức - Hành chính và Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật gồm các thành viên có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng có trách nhiệm tổ chức thẩm định chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật đúng theo các quy định hiện hành. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng phòng Phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng Phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc trường có liên quan và các thành viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, ĐT.



PGS.TS. Phan Cao Thọ

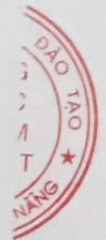


DANH SÁCH

Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học
trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật

(Kèm theo Quyết định số: 182 /QĐ-ĐHSPKT ngày 06 tháng 3 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật)

- 1. GS. TS. Đào Hùng Cường** - Chủ tịch Hội đồng
Phó chủ tịch Hội Hóa học Việt Nam
- 2. PGS. TS. Phạm Cẩm Nam** - Phản biện 1
Giảng viên cao cấp, Khoa Hóa, Trường Đại học Bách Khoa,
Đại học Đà Nẵng
- 3. PGS. TS. Giang Thị Kim Liên** - Phản biện 2
Phó Viện trưởng, Viện nghiên cứu - đào tạo Việt Anh,
Đại học Đà Nẵng
- 4. TS. Mai Thị Thanh** - Ủy viên
Trưởng khoa Khoa học tự nhiên & kỹ thuật, Đại học Quảng Nam
- 5. TS. Nguyễn Sỹ Toàn** - Thư ký
Giảng viên, Khoa CNHH - MT, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật,
Đại học Đà Nẵng



Danh sách gồm có 05 người./.

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 3 năm 2023



BẢN PHẢN BIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO *(Dành cho phản biện)*

Họ và tên người phản biện: Giang Thị Kim Liên

Học hàm: PGS Học vị: Tiến sĩ

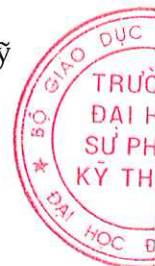
Chuyên ngành được đào tạo: Hóa học

Cơ quan công tác: Viện Nghiên cứu và Đào tạo Việt – Anh Đại học Đà Nẵng

Tên chương trình đào tạo phản biện: Công nghệ kỹ thuật hóa học

Trình độ đào tạo: đại học

Cơ sở đào tạo: Khoa Công nghệ Hóa Học - Môi trường, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật.



PHẢN NHẬN XÉT

1. Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học (CNKTHH) được xây dựng theo đúng Thông tư số 17/2021/TTBGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, đồng thời dựa trên nhu cầu và xuất phát từ thực tế của khu vực miền Trung – Tây nguyên nói riêng và cả nước nói chung.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Các mục tiêu đào tạo được trình bày rõ ràng, cụ thể và đầy đủ, đáp ứng các quy định về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của Khung trình độ Quốc gia.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Các chuẩn đầu ra (11 PLO) được trình bày cụ thể, rõ ràng, có thể đánh giá và định lượng được các yêu cầu mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp CTĐT, đáp ứng các quy định về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của Khung trình độ Quốc gia.

4. Khối lượng học tập và thời lượng của chương trình đào tạo

Khối lượng học tập và Thời lượng của chương trình đào tạo CTĐT khá phù hợp và tương đồng với đa số các CTĐT khác đang triển khai hiện nay ở các trường đại học trong nước với khối lượng học tập là 132 TC (bậc 6 – cử nhân, thời gian đào tạo 4 năm) và 155 TC (bậc 7 – kỹ sư, thời gian đào tạo 4,5 năm).

5. Cấu trúc chương trình đào tạo

a) Sự hợp lý của các học phần trong CTĐT, trong việc sắp xếp các khối kiến thức đảm bảo thực hiện mục tiêu, yêu cầu tổng thể chương trình đào tạo

Các học phần trong CTĐT được bố trí hợp lý, logic, từ các kiến thức đại cương đến các kiến thức ngành và chuyên ngành.

b) Sự hợp lý trong phân bố học phần trong chương trình đào tạo

Nhìn chung, thời lượng của mỗi học phần được phân bổ tương đối hợp lý (từ 2 đến 4 tín chỉ), một số học phần thực hành là 01 tín chỉ, như vậy là đủ để SV nắm và vận dụng được các kiến thức cốt lõi và nâng cao của học phần đó.

c) Các học phần của chương trình đào tạo đảm bảo mục tiêu, yêu cầu đầu vào và đầu ra, số tín chỉ và nội dung, đặc điểm chuyên môn; đóng góp rõ nét trong thực hiện mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Có các ma trận mô tả sự đóng góp của từng học phần đối với CDR. Nội dung các học phần của chương trình đào tạo đảm bảo mục tiêu, yêu cầu đầu vào và đầu ra, số tín chỉ và nội dung, đặc điểm chuyên môn.

6. Nội dung của chương trình đào tạo

Nội dung của CTĐT được chia thành 2 khối kiến thức bao gồm Kiến thức Giáo dục Đại cương và Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp, mỗi khối kiến thức đều có các học phần bắt buộc và tự chọn. Nội dung CTĐT được phân bổ khá phù hợp, tương đối linh hoạt để có thể rà soát, cập nhật đáp ứng được nhu cầu của thực tế về trình độ của nhân lực trong lĩnh vực CNHH. CTĐT trang bị cho người học những kiến thức từ nền tảng đến chuyên sâu, lý thuyết kết hợp với thực hành, thí nghiệm, thực tập, đồng thời còn trang bị cho người học những kỹ năng mềm cần thiết của một cử nhân khoa học hoặc kỹ sư như kỹ năng phát triển bản thân, kỹ năng giao tiếp ... Từ đó đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

7. Đề cương chi tiết của học phần (mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, giáo trình, tài liệu tham khảo)

Mục tiêu, chuẩn đầu ra của từng học phần cấu thành nên CTĐT đều có sự đóng góp, hỗ trợ cho việc đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT. Các phương pháp giảng dạy được sử dụng trong CTĐT là đa dạng, mềm dẻo, nhằm mục tiêu tạo điều kiện thuận lợi và đảm bảo hiệu quả tối đa cho người học, lấy người học làm trung tâm. Phương pháp giảng dạy được đề xuất cho mỗi học phần là phù hợp với nội dung của học phần đó, đảm bảo tối ưu cho việc truyền đạt và tiếp thu giữa giảng viên và sinh viên. Các phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng, nhiều loại hình để khai thác tính chủ động, sáng tạo và khả năng tự học, khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm của sinh viên và đảm bảo các quy định tại quy chế đào tạo hiện hành của Bộ GD&ĐT.

8. Các điều kiện đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo

a) Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ

Đáp ứng yêu cầu.

b) Cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo

Đáp ứng yêu cầu.

a) Giáo trình

Tất cả các học phần trong CTĐT đều đảm bảo có đầy đủ các giáo trình giảng dạy và Tài liệu tham khảo phong phú và cập nhật.

9. Những ý kiến khác

9.1. Về hình thức và bố cục

- Rà soát lại lỗi chính tả, trình bày văn bản (ví dụ chữ “i” hay “y” cần được dùng thống nhất).

- Tiêu đề mục II: MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY nên sửa thành MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.

9.2. Về nội dung

- Cần bổ sung ma trận liên quan giữa mục tiêu, chuẩn đầu ra của CTĐT và chuẩn đầu ra theo Khung trình độ Quốc gia thể hiện mức độ phù hợp và logic của CTĐT

- Nếu CTĐT là tích hợp của 2 bậc 6 và 7, cần có sự giải thích mối quan hệ, tính liên thông giữa 2 bậc đào tạo, lộ trình và phương thức tuyển sinh, đào tạo như thế nào.

- Về Chuẩn đầu ra: xem lại 1 số PLO có những cụm từ trùng lặp nhau thì có thể giảm lược hoặc tích hợp vào thành 1 PLO lớn, có các PI nhỏ.

- Học phần tự chọn bắt buộc 2 tín chỉ, nhưng lại có học phần tiên quyết tự chọn (2TC), như vậy sinh viên muốn học thì phải học 4 TC, chưa phù hợp.

- Có học phần Giải tích 1 nhưng không có Giải tích 2.

- Nhiều học phần có 2 tín chỉ, như vậy có vẻ như 1 số kiến thức bị chia nhỏ, nên xem xét để tích hợp thành học phần 3 TC hoặc 4 (3LT+1TH).

- Một số giáo trình không ghi rõ nơi xuất bản hoặc đã được công nhận là giáo trình/ tài liệu tương đương giáo trình sử dụng trong giảng dạy hay chưa.

10. Kết luận chung

Đồng ý thông qua Chương trình đào tạo sau khi chỉnh sửa theo ý kiến của phản biện và Hội đồng.

Người phản biện



PGS.TS. Giang Thị Kim Liên

Đà Nẵng, ngày 8 tháng 3 năm 2023



BẢN PHẢN BIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (Dành cho phản biện)

Họ và tên người phản biện: Phạm Cẩm Nam.....
Học hàm: PGS.....Học vị: TS
Chuyên ngành được đào tạo: Kỹ thuật Hóa học – Hóa lý và Hóa lý thuyết
Cơ quan công tác: Khoa Hóa trường Đại học Bách Khoa – Đại học Đà Nẵng
Tên chương trình đào tạo phản biện: Công nghệ kỹ thuật hóa học
Trình độ đào tạo: đại học
Cơ sở đào tạo: Khoa Công nghệ Hóa Học - Môi trường, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật.

PHẢN NHẬN XÉT

1. Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo

Chưa thấy đề cập.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Bao gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể. Dựa trên Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT yêu cầu để đánh giá mục tiêu:

- Nêu rõ kỳ vọng của cơ sở đào tạo về năng lực và triển vọng nghề nghiệp của người tốt nghiệp chương trình đào tạo: Đạt
- Thể hiện được định hướng đào tạo: định hướng nghiên cứu, định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghề nghiệp; đáp ứng nhu cầu của giới tuyển dụng và các bên liên quan: Rõ ràng.
- Phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo, nhu cầu của xã hội; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học và mô tả trình độ theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam: Cần bổ sung sứ mạng, tầm nhìn và liên kết được với các nội dung này.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Được đánh giá theo các ý sau:

- Phải rõ ràng và thiết thực, thể hiện kết quả học tập mà người tốt nghiệp cần đạt được về hiểu biết chung và năng lực cốt lõi ở trình độ đào tạo, những yêu cầu riêng của lĩnh vực, ngành đào tạo. **Đánh giá: ĐẠT**



Phạm Cẩm Nam

- Phải đo lường, đánh giá được theo các cấp độ tư duy làm căn cứ thiết kế, thực hiện và cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và cấp văn bằng cho người học. **Đánh giá:** ĐẠT

- Phải nhất quán với mục tiêu của chương trình đào tạo, thể hiện được sự đóng góp rõ nét đồng thời phản ánh được những yêu cầu mang tính đại diện cao của giới tuyển dụng và các bên liên quan khác. **Đánh giá:** Cần làm rõ

- Phải chỉ rõ bậc trình độ cụ thể và đáp ứng chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, năng lực cần thiết theo quy định cho bậc trình độ tương ứng theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam. **Đánh giá:** Đạt, tuy nhiên cần chú ý khi xây dựng đề cương chi tiết các học phần ngoại ngữ, chuẩn đầu ra của học phần phải đảm bảo đáp ứng trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 (cử nhân) hay 4/6 (kỹ sư). Ngoài ra cần có phụ lục để đánh giá các chuẩn của các ngoại ngữ khác ngoài Tiếng Anh.

- Phải bảo đảm tính liên thông với chuẩn đầu vào của trình độ đào tạo cao hơn (nếu có), đồng thời tạo cơ hội liên thông ngang giữa các chương trình cùng trình độ đào tạo, nhất là giữa các chương trình thuộc cùng nhóm ngành hoặc cùng lĩnh vực. **Đánh giá:** ĐẠT

- Phải được cụ thể hóa một cách đầy đủ và rõ nét trong chuẩn đầu ra của các học phần và thành phần trong chương trình đào tạo, đồng thời được thực hiện một cách có hệ thống qua liên kết giữa các học phần và các thành phần: **Đánh giá:** ĐẠT

- Phải đảm bảo tính khả thi, phù hợp với khối lượng chương trình để phần lớn người học đã đáp ứng chuẩn đầu vào có khả năng hoàn thành của chương trình đào tạo trong thời gian tiêu chuẩn: **Đánh giá:** ĐẠT

4. Khối lượng học tập và thời lượng của chương trình đào tạo

- Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi thành phần hoặc của mỗi học phần trong chương trình đào tạo được xác định bằng số tín chỉ. Dựa theo cuốn mô tả chương trình, đã đảm bảo

5. Cấu trúc chương trình đào tạo

a) Sự hợp lý của các học phần trong CTĐT, trong việc sắp xếp các khối kiến thức đảm bảo thực hiện mục tiêu, yêu cầu tổng thể chương trình đào tạo: Phù hợp

b) Sự hợp lý trong phân bố học phần trong chương trình đào tạo: Phù hợp

c) Các học phần của chương trình đào tạo đảm bảo mục tiêu, yêu cầu đầu vào và đầu ra, số tín chỉ và nội dung, đặc điểm chuyên môn; đóng góp rõ nét trong thực hiện mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo: Phù hợp

6. Nội dung của chương trình đào tạo (đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước): Đáp ứng

7. Đề cương chi tiết của học phần (mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, giáo trình, tài liệu tham khảo): Đáp ứng.

8. Các điều kiện đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo

a) Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ: Đáp ứng.

b) Cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo tạo: Đáp ứng.

9. Những ý kiến khác

- Thuật ngữ và văn bản

a) 1.4 Cơ hội nghề nghiệp (trang 4): Chính sửa cán bộ thành Viên chức/Nhân viên kỹ thuật. Lý do: Tham khảo tại Khoản 1, Điều 4 của Luật Cán bộ, Công chức (số: 22/2008/QH12); Khoản 1 Điều 1 Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức sửa đổi 2019 (52/2019/QH14).

b) Thống nhất thuật ngữ “Học phần” trong toàn bộ tài liệu và hiệu chỉnh từ “Môn học thành Học phần” trong một số đề cương học phần. (Triết học Mác-Lênin; Tư tưởng Hồ Chí Minh; Xác suất thống kê; Vẽ kỹ thuật...).

c) Để nhấn mạnh được Mục tiêu của chương trình đào tạo về khía cạnh “Phải thể hiện được định hướng đào tạo: định hướng nghiên cứu, định hướng ứng dụng hoặc định hướng nghề nghiệp; đáp ứng nhu cầu của giới tuyển dụng và các bên liên quan.” Một số học phần cần thể hiện rõ tính ứng dụng và tránh trùng tên học phần với các chương trình khác. Ví dụ: Xác suất thống kê nên chuyển thành “Xác suất thống kê và ứng dụng Hóa học”; Quy hoạch thực nghiệm thành “Quy hoạch thực nghiệm trong Hóa học”....

d) Trong các bảng tại Mục 1.10.1 cần bổ sung ghi chú (*thang điểm 10 sang thang điểm chữ*).

e) Cần đánh số trang trong cuốn mô tả Chương trình Đào tạo.

- Các điểm cần quan tâm

- Làm rõ nội dung về căn cứ để xây dựng chương trình;

- Làm rõ nội dung “Phù hợp và gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo, nhu cầu của xã hội; phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học theo quy định tại Luật Giáo dục đại học và mô tả trình độ theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam

10. Kết luận chung : Đạt, tuy nhiên đề nghị chỉnh sửa cuốn đề án theo ý kiến của các thành viên hội đồng.

Người phản biện


PGS.TS. PHẠM CẨM NAM



PHIẾU THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
(Dành cho các thành viên Hội đồng)

Họ và tên thành viên Hội đồng thẩm định: **GS. TS. Đào Hùng Cường**

Trách nhiệm trong Hội đồng thẩm định: Chủ tịch hội đồng

Tên cơ sở đào tạo đề nghị thẩm định CTĐT: Khoa Công nghệ hóa học - Môi trường,
Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật

Ngành đào tạo: Công nghệ kỹ thuật hóa học

Trình độ đào tạo: Đại học

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Đánh giá của thành viên Hội đồng (đáp ứng hay không đáp ứng yêu cầu)
1	Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo	Đã có dự cao cấp cơ sở để xây dựng chương trình đào tạo	Đáp ứng yêu cầu
2	Mục tiêu của chương trình đào tạo	Mục tiêu đã rõ ràng, chi tiết, sát thực tế một số người	Đáp ứng yêu cầu
3	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	Đã có các tiêu chí chuẩn đầu ra chi tiết, cụ thể về kiến thức, kỹ năng và thái độ.	Đáp ứng yêu cầu
4	Khối lượng học tập và thời lượng của chương trình đào tạo	Đạt theo các quy định của Bộ GDĐT.	Đáp ứng yêu cầu
5	Cấu trúc chương trình đào tạo: Sự hợp lý của các học phần trong CTĐT, trong việc sắp xếp các khối kiến thức; Sự hợp lý trong phân bố học phần trong chương trình đào tạo; Các học phần của chương trình đào tạo đảm bảo mục tiêu, yêu cầu đầu vào và đầu ra, số tín chỉ và nội dung, đặc điểm chuyên	Cấu trúc chương trình hợp lý	Đáp ứng yêu cầu

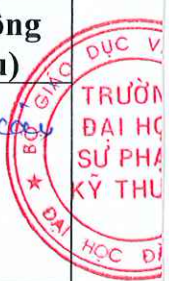




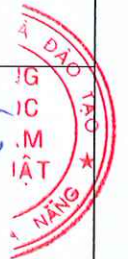
PHIẾU THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
(Dành cho các thành viên Hội đồng)

Họ và tên thành viên Hội đồng thẩm định: **PGS. TS. Giang Thị Kim Liên**
Trách nhiệm trong Hội đồng thẩm định: **Phản biện 2**
Tên cơ sở đào tạo đề nghị thẩm định CTĐT: **Khoa Công nghệ hóa học - Môi trường,**
Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật
Ngành đào tạo: **Công nghệ kỹ thuật hóa học**
Trình độ đào tạo: **Đại học**

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Đánh giá của thành viên Hội đồng (đáp ứng hay không đáp ứng yêu cầu)
1	Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo	- Thông tư 02/2022, - Luật GDĐT - Khung trình độ & G. - TT 17/2021	Đáp ứng yêu cầu
2	Mục tiêu của chương trình đào tạo	Mục tiêu đáp ứng yêu cầu của LGDS phù hợp tầm nhìn, sứ mệnh của CSĐT	Đáp ứng yêu cầu
3	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	CDR được xác định rõ ràng, phù hợp. Tuy nhiên cần chỉnh sửa 1 số từ ngữ	Đáp ứng yêu cầu
4	Khối lượng học tập và thời lượng của chương trình đào tạo	- Bậc 6: 132 TC, 4 năm đào tạo. - Bậc 7: 155 TC, 4,5 năm đào tạo	Đáp ứng yêu cầu
5	Cấu trúc chương trình đào tạo: Sự hợp lý của các học phần trong CTĐT, trong việc sắp xếp các khối kiến thức; Sự hợp lý trong phân bố học phần trong chương trình đào tạo; Các học phần của chương trình đào tạo đảm bảo mục tiêu, yêu cầu đầu vào và đầu ra, số tín chỉ và nội dung, đặc điểm chuyên	Cấu trúc chương trình phù hợp, logic. Các học phần đảm bảo mục tiêu & đáp ứng yêu cầu CDĐT	Đáp ứng yêu cầu



	môn; đóng góp rõ nét trong thực hiện mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.		
6	Nội dung của chương trình đào tạo (đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước)	Nội dung chương trình đáp ứng mục tiêu đào tạo & CDR	Đáp ứng yêu cầu
7	Đề cương chi tiết của học phần/môn học (mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, giáo trình, tài liệu tham khảo)	Đề cương chi tiết của các học phần phù hợp, phương pháp CDR phù hợp.	Đáp ứng yêu cầu
8	Các điều kiện đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo	Đáp ứng	Đạt yêu cầu



Những ý kiến khác

Y kiến của thầy được trình bày trong Bản nháp xét duyệt.

.....

.....

.....

Kết luận chung (cần khẳng định đạt yêu cầu/ không đạt yêu cầu, những nội dung cần bổ sung, chỉnh sửa)

- Đạt yêu cầu.

- Chỉnh sửa theo ý kiến của các ủy viên Hội đồng.

.....

.....

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 3 năm 2023

Thành viên thẩm định

Quang Đức Kim Lees



PHIẾU THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
(Dành cho các thành viên Hội đồng)

Họ và tên thành viên Hội đồng thẩm định: **PGS. TS. Phạm Cẩm Nam**

Trách nhiệm trong Hội đồng thẩm định: **Phản biện 1**

Tên cơ sở đào tạo đề nghị thẩm định CTĐT: **Khoa Công nghệ hóa học - Môi trường,**
Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật

Ngành đào tạo: **Công nghệ kỹ thuật hóa học**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Đánh giá của thành viên Hội đồng (đáp ứng hay không đáp ứng yêu cầu)
1	Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo	<i>Cần bổ sung vào cuối đề án chính thức</i>	<i>Đáp ứng -</i>
2	Mục tiêu của chương trình đào tạo	<i>Rõ ràng</i>	<i>Đáp ứng</i>
3	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	<i>Rõ ràng</i>	<i>Đáp ứng</i>
4	Khối lượng học tập và thời lượng của chương trình đào tạo	<i>Đảm bảo theo các quy định cho trình độ Cử nhân, Kỹ Sư</i>	<i>Đạt</i>
5	Cấu trúc chương trình đào tạo: Sự hợp lý của các học phần trong CTĐT, trong việc sắp xếp các khối kiến thức; Sự hợp lý trong phân bố học phần trong chương trình đào tạo; Các học phần của chương trình đào tạo đảm bảo mục tiêu, yêu cầu đầu vào và đầu ra, số tín chỉ và nội dung, đặc điểm chuyên	<i>Phù hợp về hợp lý</i>	<i>Đạt</i>



	môn; đóng góp rõ nét trong thực hiện mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.		
6	Nội dung của chương trình đào tạo (đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội đất nước)	Tổng đời phù hợp với điều kiện thực tế tại Trường	Đạt
7	Đề cương chi tiết của học phần/môn học (mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, giáo trình, tài liệu tham khảo)	Đã cung cấp đầy đủ trong bản mô tả đào tạo	Đạt
8	Các điều kiện đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo	Đảm bảo	Đạt



Những ý kiến khác

Đã trình bày trong bản nhận xét đính kèm.

Kết luận chung (cần khẳng định đạt yêu cầu/ không đạt yêu cầu, những nội dung cần bổ sung, chỉnh sửa)

Đạt yêu cầu!
Chỉnh sửa theo các ý kiến của các thành viên hội đồng!

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 3 năm 2023

Thành viên thẩm định

Phạm Cẩm Nam



PHIẾU THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
(Dành cho các thành viên Hội đồng)

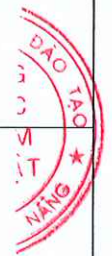
Họ và tên thành viên Hội đồng thẩm định: **TS. Mai Thị Thanh**
Trách nhiệm trong Hội đồng thẩm định: Ủy viên
Tên cơ sở đào tạo đề nghị thẩm định CTĐT: Khoa Công nghệ hóa học - Môi trường,
Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật
Ngành đào tạo: Công nghệ kỹ thuật hóa học
Trình độ đào tạo: Đại học

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Đánh giá của thành viên Hội đồng (đáp ứng hay không đáp ứng yêu cầu)
1	Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo	- Đáp ứng nhu cầu xã hội,	Đáp ứng.
2	Mục tiêu của chương trình đào tạo	Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp với sứ mạng của cơ sở giáo dục, không bắt đầu & GVIV	Đáp ứng
3	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu của ngành nghề, mức độ cần đạt của người học về KT, KV và mức độ tự chủ.	Đáp ứng.
4	Khối lượng học tập và thời lượng của chương trình đào tạo	phù hợp với yêu cầu về khối lượng và thời lượng của ngành cử nhân (32TC) và kỹ sư (155TC)	Đáp ứng.
5	Cấu trúc chương trình đào tạo: Sự hợp lý của các học phần trong CTĐT, trong việc sắp xếp các khối kiến thức; Sự hợp lý trong phân bố học phần trong chương trình đào tạo; Các học phần của chương trình đào tạo đảm bảo mục tiêu, yêu cầu đầu vào và đầu ra, số tín chỉ và nội dung, đặc điểm chuyên	- Cấu trúc chương trình phù hợp, rõ ràng + Cử nhân: 132 TC gồm: 38 TC Đại cương; 48 TC cơ sở ngành; 46 TC chuyên ngành; + Kỹ sư: 155 TC gồm: 38 TC Đại cương; 48 TC cơ sở ngành; 69 TC chuyên ngành	Đáp ứng.



- số TC học kết hợp lý 33TC
- số TC tự chọn hợp lý 24/155

	môn; đóng góp rõ nét trong thực hiện mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.		
6	Nội dung của chương trình đào tạo (đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước)	Nội dung chương trình đáp ứng mục tiêu, phù hợp với trình độ đào tạo, với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đất nước. - tập trung vào vật liệu polymer.	Đáp ứng
7	Đề cương chi tiết của học phần/môn học (mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, giáo trình, tài liệu tham khảo)	- Nội dung chi tiết học phần mô tả rõ ràng. - Các kiến thức nền tảng, chuyên sâu, chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học... Nên sắp xếp lại chỗ, và mô tả chỗ	Đáp ứng
8	Các điều kiện đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo	- Đảm bảo.	Đáp ứng.



Những ý kiến khác

+ Về bộ 'súng' chuẩn đầu ra và trình độ kiến thức, chuyên môn, pháp luật.....

+ Xem lại mục 1.2. Các đặc điểm của lớp học 2.T.T: Giáo viên và vật lý cơ - môn cũng bị ảnh hưởng giải thể 1. từ học phần cơ bản.

+ Học môn cơ bản để ứng dụng ngay: tập trung vào thực tế dạy chuyên ngành polymer.

Kết luận chung (cần khẳng định đạt yêu cầu/ không đạt yêu cầu, những nội dung cần bổ sung, chỉnh sửa)

- Đạt yêu cầu.....

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 3 năm 2023

Thành viên thẩm định

[Handwritten signature]
Mai Thị Thanh.



PHIẾU THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
(Dành cho các thành viên Hội đồng)

Họ và tên thành viên Hội đồng thẩm định: **TS. Nguyễn Sỹ Toàn**

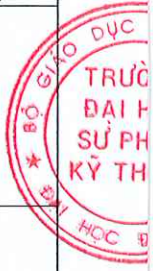
Trách nhiệm trong Hội đồng thẩm định: **Thư ký**

Tên cơ sở đào tạo đề nghị thẩm định CTĐT: **Khoa Công nghệ hóa học - Môi trường,**
Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật

Ngành đào tạo: **Công nghệ kỹ thuật hóa học**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

TT	Nội dung thẩm định	Nhận xét của thành viên Hội đồng	Đánh giá của thành viên Hội đồng (đáp ứng hay không đáp ứng yêu cầu)
1	Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo	<i>Phù hợp</i>	<i>Đạt</i>
2	Mục tiêu của chương trình đào tạo	<i>Phù hợp</i>	<i>Đạt</i>
3	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	<i>Phù hợp</i>	<i>Đạt</i>
4	Khối lượng học tập và thời lượng của chương trình đào tạo	<i>Phù hợp</i>	<i>Đạt</i>
5	Cấu trúc chương trình đào tạo: <i>Sự hợp lý của các học phần trong CTĐT, trong việc sắp xếp các khối kiến thức; Sự hợp lý trong phân bố học phần trong chương trình đào tạo; Các học phần của chương trình đào tạo đảm bảo mục tiêu, yêu cầu đầu vào và đầu ra, số tín chỉ và nội dung, đặc điểm chuyên</i>	<i>Phù hợp</i>	<i>Đạt</i>



	<i>môn; đóng góp rõ nét trong thực hiện mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.</i>		
6	Nội dung của chương trình đào tạo (đáp ứng mục tiêu, phù hợp trình độ đào tạo, đảm bảo tính hiện đại, tính hội nhập và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế – xã hội đất nước)	phù hợp	Đạt
7	Đề cương chi tiết của học phần/môn học (mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, giáo trình, tài liệu tham khảo)	phù hợp	Đạt
8	Các điều kiện đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo		Đạt



Những ý kiến khác

.....

.....

.....

.....

.....

Kết luận chung (cần khẳng định đạt yêu cầu/ không đạt yêu cầu, những nội dung cần bổ sung, chỉnh sửa)

Đạt yêu cầu và cần chỉnh sửa

.....

.....

.....

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 3 năm 2023

Thành viên thẩm định

(Signature)
Nguyễn Thị Toàn

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 03 năm 2023

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Hôm nay, vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 10 tháng 03 năm 2023, tại Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học trình độ đại học được thành lập theo Quyết định số 182/QĐ-ĐHSPKT ngày 06/3/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật đã họp thẩm định chương trình đào tạo (CTĐT), cụ thể như sau:

I. Thành phần Hội đồng thẩm định:

- | | |
|--------------------------------|---------------------|
| 1. GS. TS. Đào Hùng Cường | - Chủ tịch Hội đồng |
| 2. PGS. TS. Phạm Cẩm Nam | - Phản biện 1 |
| 3. PGS. TS. Giang Thị Kim Liên | - Phản biện 2 |
| 4. TS. Mai Thị Thanh | - Ủy viên |
| 5. TS. Nguyễn Sỹ Toàn | - Thư ký |

II. Nội dung

1. Đại diện Khoa Công nghệ hóa học - Môi trường báo cáo tóm tắt quá trình xây dựng và nội dung chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học trình độ đại học, nội dung báo cáo bao gồm:

1.1. Yêu cầu đối với chương trình đào tạo:

a) Sự phù hợp của CTĐT với sứ mạng, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Trường, đáp ứng các yêu cầu theo chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chuẩn chương trình đào tạo của các ngành, khối ngành (nếu có) và Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

b) Thể hiện rõ khả năng góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực theo kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, quốc gia và nhu cầu của thị trường lao động;

c) Phản ánh yêu cầu của các bên liên quan, trong đó có đại diện giảng viên tại các đơn vị chuyên môn, đại diện các đơn vị sử dụng lao động và hiệp hội nghề nghiệp, các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn, người đã tốt nghiệp chương trình đào tạo đang làm việc đúng chuyên môn;

d) Được tham khảo, đối sánh với chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành đã được kiểm định của các cơ sở đào tạo có uy tín ở trong nước và nước ngoài;

đ) Được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; phải tích hợp giảng dạy kỹ năng với kiến thức; phải có ma trận các học phần với chuẩn đầu ra, bảo đảm chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được phân bổ và truyền tải đầy đủ thành chuẩn đầu ra của các học phần;



e) Các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá phải được lập kế hoạch và thiết kế dựa vào chuẩn đầu ra của học phần, bảo đảm cung cấp những hoạt động giảng dạy thúc đẩy việc học tập đáp ứng chuẩn đầu ra;

g) Có quy định, hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo, bảo đảm chất lượng đào tạo.

1.2. Quy trình xây dựng chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật.

2. Ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định CTĐT

2.1. Các phản biện đọc nhận xét (bản nhận xét kèm theo):

- Phản biện 1: PGS. TS. Phạm Cẩm Nam: Bản phản biện cần làm 11 tiêu chuẩn theo thông tư 16. Căn cứ xây dựng đào tạo chưa đề cập căn cứ (tuy nhiên đã có bổ sung). Cần nêu rõ kỳ vọng cho người tốt nghiệp: đạt tuy nhiên cần nêu rõ cơ hội tìm kiếm việc làm. Định hướng đào tạo cần nêu rõ ràng (làm việc ở đâu?). Cần bổ sung sứ mệnh tầm nhìn, triết lý giáo dục của nhà Trường, từ đó làm rõ chương trình đào tạo có đáp ứng được triết lý đào tạo không. Chuẩn đầu ra nhìn chung tương đối đạt, phần đo lường nhìn chung đã đo lường được (tuy nhiên cần nhất quán mục tiêu CTĐT, cần làm rõ hơn: sinh viên tốt nghiệp làm việc ở đâu). Phần đề cương chi tiết các học phần ngoại ngữ cần làm rõ nội dung chương trình và đầu ra phù hợp với nhau. Cần có sự cải tiến trong quá trình giảng dạy. Chương trình đào tạo đã có sự tham khảo nhiều trường. Số tín chỉ, số năm, cấu trúc chương trình đào tạo nhìn chung là phù hợp. Nội dung chương trình đào tạo hướng đi phù hợp với xu hướng chung (tập trung vào polymer). Cơ sở vật chất nhìn chung phù hợp. Đề xuất bỏ bớt học phần tiên quyết. Ngoài ra có một số ý kiến góp ý khác như sau:

- + Mục 1.4 (Cơ hội nghề nghiệp) → sửa “cán bộ” thành “viên chức hoặc nhân viên kỹ thuật”
 - + Từ “môn học” nên chuyển thành “học phần”
 - + Xem lại học phần “Xác suất thống kê” có nên chuyển thành “Xác suất thống kê trong hoá học”, học phần “Quy học thực nghiệm” chuyển thành “Quy hoạch thực nghiệm trong hoá học”
 - + Mục 1.10.1: Nên rõ ràng về mục chấm điểm, chuyển đổi thang điểm
- Phản biện 2: PGS. TS. Giang Thị Kim Liên: Chương trình đào tạo cần căn cứ vào thông tư 17. Nhìn chung chuẩn đầu ra phù hợp. Cấu trúc CTĐT phù hợp, logic và đầy đủ. Về tổng thể đồng ý thông qua. Những ý kiến cụ thể khác như sau:
- + Lỗi chính tả còn tồn tại
 - + Nội dung: Nên bổ sung ma trận theo khung chương trình đào tạo quốc gia
 - + Chuẩn đầu ra: cần bổ sung nội dung pháp luật vào PLO5
 - + Mục tiêu và cơ hội việc làm: PLO10 cần bổ sung : có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và thích ứng với thay đổi môi trường
 - + PLO2: xếp vào nhóm kiến thức (kiến thức hay kỹ năng), nên viết lại để có thể đo lường. Viết ngắn gọn lại (có thể không cần tới 6 PI)

DỤC
 TRU
 ĐAI
 SƯ P
 KỸ T
 HỌC

- + PLO3: cần xem lại
- + PLO10, PLO11: thuộc mức độ “tự chủ” hay “kỹ năng”. Còn có quá nhiều PI
- + Điều kiện tuyển sinh: cần giải thích sự liên thông bậc 6, 7
- + Kế hoạch giảng dạy, đào tạo: thống nhất số La Mã hoặc La Tinh
- + Học kỳ 4: đặt học phần “Quy hoạch thực nghiệm” trước “Xác suất thống kê” là chưa phù hợp.
- + Môn “Ngoại ngữ 1” bắt buộc nhưng lại có “Ngoại ngữ cơ bản”, do đó nên chuyển sang điều kiện đầu vào
- + Tổng thể: quá nhiều học phần 2 tín chỉ, bị xé lẻ
- + Học phần “Giải tích I” nhưng không có “Giải tích II”
- + Đề cương chi tiết: Giáo trình chính phải có quyết định được công nhận của nhà Trường

2.2. Hội đồng và những người tham dự nêu ý kiến:

- TS. Mai Thị Thanh: Có một số ý kiến như sau:
 - + Nên bổ sung thêm 1 PI về các môn chính trị
 - + PLO1 của cử nhân và kỹ sư: cùng 1 chuẩn đầu ra nên thêm PI cho phần kỹ sư
 - + Học phần “Giải tích I” và “Cơ điện”: xem lại phân bố hợp lý
 - + Học phần “Đồ án chuyên ngành”: chỉ tập trung vào polymer (không có hợp chất thiên nhiên) nên mở rộng ra
 - + Khung chương trình: nên mở thêm các module định hướng chuyên ngành (hoá dầu, silicat..)
- TS. Nguyễn Sỹ Toàn: Có một số ý kiến như sau:
 - + Quá nhiều học phần, có thể gộp lại không
 - + Các học phần không nên viết tắt
 - + Mã học phần đang thiếu
- GS.TS. Đào Hùng Cường: Mục tiêu cao nhất là làm sao tuyển sinh được. Tính hấp dẫn của chương trình chưa thấy thể hiện ra. Việc mở CTĐT nên căn cứ vào những điều kiện của nhà Trường. Chương trình đào tạo đã đảm bảo về hình thức, nội dung, cơ bản đáp ứng yêu cầu mở ngành. Chi tiết về nội dung đạt yêu cầu, mục tiêu đã nêu ra tuy nhiên cần chỉnh sửa phù hợp ngôn từ, chuẩn đầu ra cần làm rõ thêm. Phần khối lượng thực hành nên chỉnh theo hướng tăng thêm. Cấu trúc chương trình hợp lý tuy nhiên cần rà soát lại. Mã học phần cần xem lại. Điều kiện cơ sở vật chất về cơ bản đáp ứng. Một số ý kiến khác:
 - + Có thể chỉ đào tạo cử nhân hoặc kỹ sư (có thể 3.5 năm hoặc 4 năm cho KS)
 - + Mục tiêu: chú ý cách hành văn: ”đào tạo người học” nên chuyển thành “đào tạo nguồn nhân lực”.
 - + Nếu CTĐT đã có “Có trách nhiệm nghề nghiệp” thì nên bỏ “phục vụ cộng đồng”
 - + Bỏ từ “đào tạo cán bộ” hoặc bổ sung thêm vì CTĐT mục tiêu rộng hơn.

- + Nên có đầu ra “đào tạo người làm lãnh đạo, quản lý” / “giảng dạy các trường kỹ thuật”
- + PLO11 và PLO4: cần xem lại sự trùng lặp
- + PLO6: trong đoạn “có khả năng thu thập....” nên chỉnh lại từ “chiến lược học tập”
- + Phân lý thuyết nhiều nhưng thực hành quá ít
- + Nên có học phần về môi trường
- + Cần chỉ rõ về việc yinh viên tốt nghiệp thì đạt được cái gì

- PGS.TS Phan Cao Thọ (Hiệu trưởng nhà Trường): Nhà trường rất quan tâm tới việc mở ngành, bộ môn cần tiếp thu và chỉnh sửa ý kiến từ hội đồng, đặc biệt chú ý tới việc đào tạo liên thông bậc 6,7. Cần đánh giá rõ ràng về mục tiêu, điều kiện cho việc mở ngành. Các cán bộ giáo viên trong bộ môn cần bàn bạc, họp lại để lựa chọn giáo trình phù hợp tham mưu lên Nhà trường để ra quyết định công nhận đem vào giảng dạy.

3. Đại diện Khoa Công nghệ hóa học - Môi trường giải trình các ý kiến của Hội đồng thẩm định CTĐT

Đại diện Khoa Công nghệ hóa học - Môi trường và các thành viên trong Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo đã trả lời các câu hỏi được nêu:

- TS. Phan Chi Uyên:

- + Kế hoạch, khung chương trình đào tạo: Một số môn dạy chung tạm thời chưa thể thay đổi.
- + Sẽ kiểm tra lại học phần Ngoại ngữ cơ bản
- + Sẽ xem lại những học phần “Tiên quyết”
- + Một số học phần nhờ Trường khác phụ trách, Bộ môn sẽ xem xét lại
- + Sẽ chỉnh sửa tên “Học phần doanh nghiệp HH” thành “Học phần doanh nghiệp”
- + Sẽ xem xét bổ sung học phần liên quan tới môi trường
- + Các ý kiến khác: sẽ xem xét chỉnh sửa theo nhận xét góp ý của hội đồng.

- TS. Võ Văn Quân

- + Chương trình sẽ giúp sinh viên làm được các nhà máy, cơ quan nhà nước
- + Có thể học lên Thạc sĩ, Tiến sĩ
- + Có cơ hội tiếp cận với các chương trình nước ngoài
- + Đang dự định làm chương trình 2+2 liên kết với Đại học Latrobe (Úc)

4. Hội đồng thẩm định họp riêng thảo luận, bầu Ban kiểm phiếu và bỏ phiếu kín:

- | | |
|--------------------------|------------|
| 1. PGS. TS. Phan Cẩm Nam | Trưởng ban |
| 2. TS. Mai Thị Thanh | Ủy viên |
| 3. TS. Nguyễn Sỹ Toàn | Ủy viên |

5. Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả (có biên bản kiểm phiếu kèm theo)

+ Số phiếu thông qua: 05

+ Số phiếu không thông qua: 0




6. Kết luận của Hội đồng thẩm định

Hội đồng thông qua chương trình đào tạo nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung và nêu nội dung cụ thể cần phải chỉnh sửa, bổ sung.

Phiên họp kết thúc vào hồi: ...giờ...phút ngày 10 tháng 03 năm 2023


Phản biện 1

(Ký và ghi rõ họ, tên)


Phan Cẩm Nam

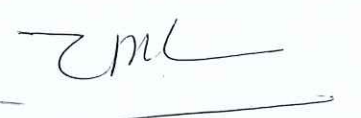
Thư ký Hội đồng

(Ký và ghi rõ họ, tên)


Nguyễn Sỹ Toàn


Phản biện 2

(Ký và ghi rõ họ, tên)


Giang Thị Kim Lân


Ủy viên

(Ký và ghi rõ họ, tên)


Mai Thị Thu

Chủ tịch Hội đồng

(Ký và ghi rõ họ, tên)


Đào Ngọc Lê

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO




PGS.TS. PHAN CAO THỌ

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 3 năm 2023



**Văn bản giải trình, bổ sung theo kết luận của
Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo**

Kính gửi Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học trình độ đại học!

Nhà trường, Khoa và Bộ môn xin trân trọng cảm ơn những ý kiến đóng góp, chúng tôi xin tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định và giải trình một số ý như sau:

1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra: cần thay đổi nội dung, từ ngữ cho phù hợp và dễ kiểm định

Giải trình:

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học được xây dựng phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và triết lý giáo dục của Trường, đáp ứng các yêu cầu theo chuẩn chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chuẩn chương trình đào tạo của các ngành và Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Mục tiêu và chuẩn đầu ra đã được xây dựng và thống nhất chung trong toàn trường và phù hợp với ngành đào tạo. Vì vậy, các ý kiến về mục tiêu và chuẩn đầu ra sẽ được chỉnh sửa theo chỉnh sửa chung của Nhà trường.

2. Về cơ hội việc làm: cần thay đổi từ ngữ, thêm các cơ hội việc làm của người học sau khi ra trường

Giải trình:

Nội dung trong phần cơ hội việc làm đã được thay đổi, cụ thể:

Từ “cán bộ” được chỉnh sửa thành “viên chức hoặc nhân viên kỹ thuật”

Các cơ hội khác như quản lý, lãnh đạo, giảng dạy đã được thêm vào

Khả năng học lên thạc sĩ, tiến sĩ và văn bằng 2 cũng đã được bổ sung

3. Phân bố học phần: học phần “Xác suất thống kê” nên phân bố trước học phần “Quy hoạch thực nghiệm”, học phần “Vật lý cơ-điện” nên sắp xếp sau học phần học trước là “Giải tích I”



Giải trình:

Các học phần đã được phân bố lại cho phù hợp, cụ thể: học phần “Xác suất thống kê” được điều chỉnh lên học kỳ 4, học phần “Quy hoạch thực nghiệm” được chuyển sang học kỳ 5, “Giải tích I” ở học kỳ 2 và “Vật lý cơ-điện” đã chuyển sang học kỳ 3.

4. Nên rõ ràng mục chấm điểm ở mục 1.10.1 trong bản mô tả chương trình đào tạo

Giải trình:

Sự chuyển đổi từ thang điểm 10 sang thang điểm A đã được bổ sung vào.

5. Các từ ngữ không phù hợp cần được thay đổi: “môn học” “kế hoạch giảng dạy”

Giải trình:

“Môn học” đã được thay đổi bằng “Học phần”, “Kế hoạch giảng dạy” đã được thay đổi thành “Kế hoạch đào tạo”

6. Cần thêm học phần về môi trường

Giải trình:

Đã bổ sung học phần “Hóa học môi trường” vào chương trình đào tạo

7. Cần bỏ bớt học phần tiên quyết để tạo điều kiện cho sinh viên đăng ký học phần

Giải trình:

Chương trình đào tạo hiện nay chỉ có 02 học phần tiên quyết là học phần “Ngoại ngữ cơ bản” dành cho sinh viên thi không đạt chuẩn đầu vào tiếng Anh, và học phần “Học kỳ doanh nghiệp” là học phần thực tập bắt buộc cho sinh viên làm đồ án tốt nghiệp

8. Xem xét học phần “Học phần doanh nghiệp HH” về tên và số tín chỉ

Giải trình:

Đã chỉnh sửa học phần “Học kỳ doanh nghiệp HH” thành “Học kỳ doanh nghiệp”, và số tín chỉ theo chuẩn chung của nhà trường.

9. Xem lại học phần tiên quyết “Ngoại ngữ cơ bản”

Giải trình:

Quy định học phần “Ngoại ngữ cơ bản” là học phần tiên quyết của học phần “Ngoại ngữ I” đối với những sinh viên không đạt chuẩn đầu vào ngoại ngữ. Và việc này được quy định chung cho cả Đại học Đà Nẵng nên không thể thay đổi.

Ban chủ nhiệm khoa



TS. Ngô Thị Minh Phương

Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo

Chủ tịch



TS. Phan Chi Uyên



Đà Nẵng, ngày 13 tháng 4 năm 2023

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO
Về việc thẩm định Đề án mở ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học trình độ đại học
của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật

Vào lúc 15h30 ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại Phòng họp 1 - Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật (ĐHSPKT), Hội đồng Khoa học và Đào tạo (HĐKH&ĐT) được thành lập theo Quyết định số 1057/QĐ-ĐHSPKT ngày 22/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật đã tổ chức thẩm định Đề án mở ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, cụ thể như sau:

I. Thành phần tham dự

Các thành viên Hội đồng Khoa học và Đào tạo;
Chủ trì: PGS.TS. Phan Cao Thọ - Chủ tịch Hội đồng;
Thư ký: TS. Nguyễn Linh Nam - Thư ký Hội đồng;
Số thành viên tham dự: 14/18;

Vắng mặt: 04 (04 thành viên vắng phép do bận công tác trong đó có 02 thành viên cho ý kiến qua tin nhắn).

II. Nội dung

1. Báo cáo Đề án mở ngành:

Đại diện đơn vị mở ngành TS. Phan Chi Uyên báo cáo Đề án mở ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học trình độ đại học, bao gồm:

- Một số thông tin cơ bản về cơ sở đào tạo (giới thiệu sơ lược về cơ sở đào tạo, khoa chuyên môn phụ trách ngành mở mới).

- Sự cần thiết mở ngành đào tạo (báo cáo khái quát các nội dung về chủ trương mở ngành đào tạo đã được phê duyệt).

- Tóm tắt điều kiện mở ngành đào tạo:

Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học để mở ngành đào tạo (kèm theo danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện CTĐT gồm họ tên, trình độ đào tạo, chuyên môn được đào tạo, phụ trách giảng dạy môn..., kèm theo lý lịch khoa học của từng người theo mẫu tại Phụ lục VII);

Điều kiện về cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo (kèm theo danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH...);

Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo;

Điều kiện về chương trình đào tạo để mở ngành đào tạo (tóm tắt mục tiêu, chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra và khung CTĐT, dự kiến tuyển sinh và đào tạo trong 05 năm đầu tuyển sinh, địa điểm đào tạo, danh sách địa điểm thực hành, thực tập).

- Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo.

- Đề nghị và cam kết triển khai thực hiện.

- Cung cấp các minh chứng kèm theo Đề án.

2. Ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định:

➤ PGS. TS. Võ Trung Hùng:

- Ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học đáp ứng tốt, phù hợp với yêu cầu phát triển của nhà trường cũng như yêu cầu xã hội.

- Đơn vị mở ngành đã tổ chức triển khai xây dựng Đề án đầy đủ nội dung, đáp ứng theo quy định hiện hành.

➤ TS. Trần Đình Khôi Quốc:

- Đề án mở ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học về cơ bản đáp ứng yêu cầu, đặc biệt là về đội ngũ và điều kiện cơ sở vật chất.

- Ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học hiện đã có mã ngành trong danh mục thống kê ngành đào tạo của Bộ GDĐT nên sẽ thuận lợi trong công tác ban hành quyết định mở ngành khi Đề án đáp ứng đầy đủ yêu cầu mở ngành theo quy định.

➤ TS. Hoàng Dũng:

- Trường cũng đã thành lập tổ kiểm tra xác nhận điều kiện mở ngành về đội ngũ, cơ sở vật chất theo quy định. Về cơ bản, Trường đáp ứng được các điều kiện cơ bản về mở ngành đào tạo.

➤ PGS. TS. Phan Cao Thọ:

- Đơn vị mở ngành đã tổ chức xây dựng nội dung Đề án theo quy định. Các bước triển khai trong xây dựng Đề án, xây dựng chương trình đào tạo đảm bảo.

- Năng lực đội ngũ, điều kiện cơ sở vật chất của Trường đã được thể hiện trong đề án, đã được tổ chức kiểm tra xác nhận theo các quy định mở ngành, chương trình đào tạo.

➤ GS. TS. Bùi Văn Ga:

- Đồng ý thông qua Đề án mở ngành (qua tín nhắn trao đổi trong Hội đồng).

➤ Ông Dương Hoàng Văn Bản:

- Đồng ý thông qua Đề án mở ngành (qua tín nhắn trao đổi trong Hội đồng).

3. Giải trình của đơn vị mở ngành:

- Qua khảo sát ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học có nhu cầu tuyển dụng khá cao, việc tuyển sinh ngành này của các Trường đại học trong nước trong những năm qua khá tốt vì có nguồn tuyển.

- Khoa CNKTHH - MT có lực lượng đội ngũ, điều kiện cơ sở vật chất đáp ứng để mở ngành.

- Chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học đã được tổ chức xây dựng và thẩm định đảm bảo theo đúng quy định.

4. Tổng hợp kết quả thẩm định của các thành viên:

4.1. Tổng hợp phiếu thẩm định

TT	Nội dung thẩm định	Tỷ lệ đánh giá đáp ứng so với yêu cầu về điều kiện để được mở ngành	Những ý kiến
I. Ngành đào tạo, chương trình đào tạo			
1	Ngành đào tạo phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, cả nước và của lĩnh vực đào tạo bảo đảm	14/18	Cần quan tâm chú trọng hơn việc quảng bá tuyển sinh nhằm phát triển tốt ngành

	hội nhập quốc tế; bảo đảm phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt và công bố của các bộ, ngành, địa phương hoặc báo cáo chính thức của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có), phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của cơ sở đào tạo.		đào tạo
2	Ngành đào tạo có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo hoặc ngành mới đề xuất bổ sung vào Danh mục thống kê ngành đào tạo thực hiện theo Thông tư quy định Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học.	14/18	
3	Chương trình đào tạo của ngành đề xuất mở được xây dựng, thẩm định và ban hành bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo của ngành đào tạo và phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam.	14/18	
4	Kết quả kiểm tra điều kiện thực tế.	14/18	

II. Đội ngũ giảng viên

1	Có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (bao gồm giảng viên toàn thời gian và giảng viên thỉnh giảng), đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên theo quy định về chuẩn chương trình đào tạo của trình độ đào tạo, lĩnh vực, nhóm ngành và ngành đào tạo, trong đó giảng viên thỉnh giảng (tính theo từng năm học) chỉ đảm nhận tối đa 30% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong chương trình đào tạo.	14/18	
2	Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu, không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác, có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.	14/18	

3	Có ít nhất 05 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình (tính cả tiến sĩ ngành phù hợp quy định tại mục 2), trong đó mỗi thành phần của chương trình đào tạo phải có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy.	14/18	
4	Có đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo bảo đảm đủ cho 02 năm học đầu của chương trình đào tạo và bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo phải có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm, bảo đảm tỉ lệ sinh viên trên giảng viên theo quy định. Có kế hoạch, phương án tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên cho các năm học tiếp theo của toàn khóa học.	14/18	
5	Kết quả kiểm tra điều kiện thực tế.	14/18	
III. Cơ sở vật chất			
1	Có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo của ngành đào tạo.	14/18	
2	Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của chương trình đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo và phải có kế hoạch sử dụng phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành với diện tích và các thiết bị cụ thể của từng phòng thí nghiệm, thực hành phù hợp với số lượng sinh viên thực hành, thí nghiệm tại mỗi bàn và mỗi thiết bị trong mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phù hợp với quy mô đào tạo theo yêu cầu của chương trình đào tạo cho từng năm học của khóa học.	14/18	

3	Có các hợp tác đào tạo thực hành, thực tập với các cơ sở thực hành, thực tập bên ngoài nhà trường phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học cho toàn khóa học.	14/18	
4	Có thư viện truyền thống và thư viện điện tử bảo đảm đủ giáo trình, tài liệu hỗ trợ giảng dạy, học tập, nghiên cứu của giảng viên và người học. Có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu trong nước về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo. Từ năm học 2023 - 2024 trở đi, yêu cầu bắt buộc phải có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu quốc tế về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo.	14/18	
5	Có trang thông tin điện tử đăng tải đầy đủ thông tin yêu cầu phải công khai theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác có liên quan của pháp luật.	14/18	
6	Điều kiện về cơ sở vật chất theo quy định tại mục 2 phải bảo đảm đủ cho 02 năm học đầu của chương trình đào tạo, và phải có kế hoạch, phương án đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị cho các năm học tiếp theo của toàn khóa học nhằm bảo đảm có đầy đủ điều kiện về cơ sở vật chất theo yêu cầu của chương trình đào tạo cho từng năm học của khóa học.	14/18	
7	Kết quả kiểm tra điều kiện thực tế.	14/18	
IV. Khả năng sẵn sàng chuyển sang dạy - học trực tuyến và công tác tổ chức quản lý đối với ngành đào tạo			
1	Khả năng sẵn sàng chuyển sang dạy - học trực tuyến.	14/18	
2	Xác định đơn vị chuyên môn cấp khoa hoặc tương đương để quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối	14/18	

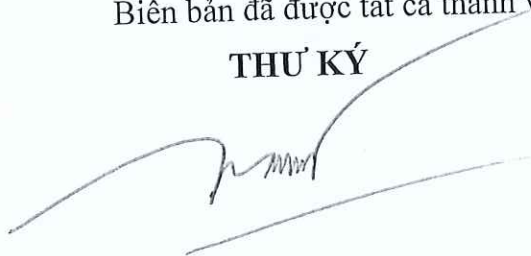
	với ngành đào tạo dự kiến mở.		
3	Phân công cán bộ quản lý chuyên môn và giao trách nhiệm, quyền hạn cho tập thể và cá nhân cán bộ quản lý chuyên môn để quản lý và tổ chức các hoạt động chuyên môn đối với ngành đào tạo dự kiến mở.	14/18	
4	Kết quả kiểm tra điều kiện thực tế.	14/18	

4.2. Kết luận chung: *Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật đã có đủ điều kiện để được mở ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học trình độ đại học.*

Phiên họp kết thúc vào lúc 16h15 cùng ngày.

Biên bản đã được tất cả thành viên tham dự thống nhất thông qua.

THƯ KÝ



TS. Nguyễn Linh Nam

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PGS. TS. Phan Cao Thọ

Số: 329 /QĐ-ĐHSPKT

Đà Nẵng, ngày 13 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC BAN HÀNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH Công nghệ kỹ thuật hóa học, mã ngành 7510401

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT

Căn cứ Quyết định số 1749/QĐ-TTg ngày 08/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật thuộc Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ vào Quyết định số 87/QĐ-ĐHSPKT ngày 26/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật về việc ban hành Quy định xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo; rà soát, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật;

Căn cứ Quyết định số 475/QĐ-ĐHSPKT ngày 17/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật về việc ban hành Quy định tổ chức đào tạo trình độ đại học theo phương thức tín chỉ của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ kỹ thuật hóa học, mã ngành 7510401.

Điều 2. Chương trình đào tạo này được áp dụng cho sinh viên đào tạo theo hình thức chính quy tuyển sinh từ năm 2023.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Đào tạo, Trưởng khoa Khoa Công nghệ Hóa học - Môi trường và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.//

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, ĐT



PGS. TS. Phan Cao Thọ

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 12 năm 2022

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Trường các đơn vị chuyên môn quản lý kê khai theo từng mẫu)

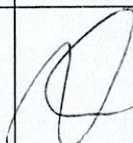
Ngành dự kiến mở: Công nghệ kỹ thuật hóa học

Mã ngành: 7510401


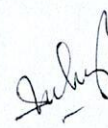
Trình độ đào tạo: Đại học

1. Về giảng viên

Mẫu 1: Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

T T	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghệ	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Võ Văn Quân, 07/11/1980	045080 005666, Việt Nam	Giảng viên chính	TS, Úc, 2014	Hóa học	03/2020		32050 01024	05	03	0	

2	Phan Chi Uyên 22/6/1985	048100 0621, Việt Nam	Giảng viên	TS, Trung Quốc, 2020	Hóa học	01/4/20 19		48080 38141	02	0	04	<u>Uyen</u>
3	Mai Thị Phương Chi, 21/12/1984	048184 000649, Việt Nam	Giảng viên	ThS, Việt Nam, 2011	Công nghệ Hoá học	01/04/2 008		48080 38147	05	0	02	<u>Chi</u>
4	Lê Quốc Chon 06/8/1984	0480840 05979, Việt Nam	Giảng viên	TS, Cộng Hoà Pháp 2015	Khoa học Vật liệu	01/08/2 022		48160 25788	06	0	0	<u>Chon</u>
5	Nguyễn Thị Trung Chinh, 25/08/1984	201463 957, Việt Nam	Giảng viên	ThS, Việt Nam, 2014	Công nghệ Hoá học	01/01/2 009		48090 12918	05	0	02	<u>Chinh</u>
6	Huỳnh Ngọc Bích, 26/12/1988	048188 000605, Việt Nam	Giảng viên	ThS, Việt Nam, 2014	Hóa học	01/11/2 010		48100 31490	05	0	01	<u>Bích</u>
7	Nguyễn Hồng Sơn, 29/10/1981	049081 009988, Việt Nam	Giảng viên	ThS, Cộng hòa Pháp, 2008	Hóa học	01/4/20 08		4808 00472 0	05	0	02	<u>Hồng Sơn</u>
8	Nguyễn Thanh Hội, 19/05/1977	048077 003972, Việt Nam	Giảng viên chính	TS, Pháp, 2013	Hóa học		Thỉnh giảng	48080 04709	05	02	03	<u>Hội</u>

9	Nguyễn Sỹ Toàn, 06/02/1987	040087 006279, Việt Nam	Giảng viên	TS, Nhật Bản, 2018	Sinh học - Môi trường	17/2/2021		40235 75791	02	0	02	
10	Lê Thị Diệu Hương, 08/8/1985	001185 000385, Việt Nam	Giảng viên	TS, Nga, 2014	Công nghệ sinh học - Khoa học thực phẩm	01/10/2016		48150 26278	05	0	01	

Ghi chú: Lý lịch khoa học của giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy của ngành đào tạo dự kiến mở được đính kèm.

Mẫu 2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên cơ hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyến	Học trực tiếp	Học trực tuyến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Võ Văn Quân	1. CNSX Vật liệu tiên tiến 2. CNSX Vật liệu composite 3. Ứng dụng CNTT trong hóa học 4. Tiếng Anh chuyên ngành 5. Các hợp chất thiên nhiên	Học kỳ 1, 2 của các năm 1-4	X				Giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo

2	Phan Chi Uyên	1. Hóa đại cương 2. Hóa hữu cơ 3. Các phương pháp phân tích vật lý và hóa lý 4. CNSX sợi hóa học 5. Các sản phẩm tẩy rửa	Học kỳ 1, 2 năm thứ 1- 4	X		X		Giảng viên cơ hữu tham gia thực hiện chương trình đào tạo
3	Mai Thị Phương Chi	1. Hoá học và hoá lý polymer 2. KTSX các loại polymer 3. Gia công polymer 4. Quá trình thiết bị truyền chất	Học kỳ 1, 2 của các năm 1 - 4	X				Giảng viên cơ hữu tham gia thực hiện chương trình đào tạo
4	Lê Quốc Chon	1. Công nghệ Vật liệu nano 2. Hoá Phân Tích 3. Các hợp chất ceramic 4. Nhiệt động học ứng dụng 5. Đồ án tốt nghiệp*	Học kỳ 1,2 năm 3-4					Giảng viên cơ hữu tham gia thực hiện chương trình đào tạo
5	Nguyễn Thị Trung Chinh	1. TN Quá trình và thiết bị 2. TN Ăn mòn và bảo vệ kim loại 3. Các học phần thực tập* 4. Đồ án quá trình thiết bị*	Học kỳ 1, 2 của các năm 2, 3, 4	X				Giảng viên cơ hữu tham gia, thực hiện chương trình đào tạo
6	Huỳnh Ngọc Bích	1. Hóa đại cương 2. Hóa vô cơ 3. Hóa lý 4. Nhập môn ngành	Học kỳ 1, 2 năm thứ 1, 2	X				Giảng viên cơ hữu tham gia thực hiện chương trình đào tạo
7	Nguyễn Hồng Sơn	1. ATLĐ và Vệ sinh công nghiệp 2. Ăn mòn và bảo vệ kim loại 3. Quá trình và thiết bị truyền nhiệt 4. Hương liệu và mỹ phẩm	Học kỳ 1, 2 năm thứ 2, 3	X				Giảng viên cơ hữu tham gia thực hiện chương trình đào tạo
8	Nguyễn Thanh Hội	1. Quá trình và thiết bị thủy lực 2. Vật lý ứng dụng	Học kỳ 2 năm thứ 1, 2	X				Giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy

9	Nguyễn Sỹ Toàn	1. CNSX phân bón 2. TN CNSX phân bón 3. Hóa sinh 4. Hóa học môi trường	Học kỳ 1 năm thứ 4			X		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy
10	Lê Thị Diệu Hương	1. Cơ sở thiết kế nhà máy 2. Hóa học các hợp chất thiên nhiên 3. CNSX thực phẩm chức năng	Học kỳ 2 năm thứ 3			X		Giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy

* Các học phần chung do tất cả các giảng viên tham gia giảng dạy thực hiện.

Mẫu 3: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/Chuyên ngành	Ghi chú
1	Huỳnh Thị Diễm Uyên, 02/02/1984, Trưởng Khoa	Tiến sĩ, 2016	Khoa học thực phẩm	
2	Ngô Thị Minh Phương, 08/07/1982, Phó Trưởng Khoa	Tiến sĩ, 2020	Công nghệ thực phẩm	

2. Về kết quả nghiên cứu khoa học

Mẫu 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do cơ sở đào tạo thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú
-------	---	--------------------------------	------------	------------------	--	---	--------------------------	---	---------

01	3812/QĐ-BGDĐT 20/11/2020; B2021-DNA-16	Cấp Bộ	Nghiên cứu hoạt tính chống oxy hóa của các hợp chất thơm chứa liên kết X-H (X = C, N, O, S) bằng phương pháp tính toán lượng tử	TS. Võ Văn Quân	2330/QĐ-BGDĐT; 23/8/2022	08/9/2022	Đạt 08/9/2022	TS. Võ Văn Quân
2	38/QĐ-HĐQL-NAFOSTED 18/3/2019; 104.06-2018.308	Nhà nước (Nafosted)	Thiết kế và nghiên cứu hoạt tính kháng oxy hóa của các hợp chất thơm chứa liên kết X-H (X = N, O, S) bằng phương pháp hóa tính toán	TS. Võ Văn Quân	259/QĐ-HĐQL-NAFOSTED, 31/12/2019	27/2/2021	Đạt 27/2/2021	TS. Võ Văn Quân
3	192/QĐ-HĐQL-NAFOSTED 09/11/2018; 104.06-2018.42	Nhà nước (Nafosted)	Nghiên cứu lý thuyết về hoạt tính chống oxy hóa của các hợp chất nano sinh học lai hóa từ nanocarbon và polyphenol	TS. Nguyễn Minh Thông	259/QĐ-HĐQL-NAFOSTED, 31/12/2019	27/2/2021	Đạt 27/2/2021	TS. Võ Văn Quân
4	T05-17-71	Cơ sở	Nghiên cứu, thiết lập cơ sở dữ liệu, viết chương trình ứng dụng để tính toán một số quá trình xảy ra trong công nghệ hóa học	TS. Nguyễn Thanh Hội	QĐ: 25/ĐHĐN ngày 05/01/2016	10/3/2006	Đạt 10/03/2006	
5	Đ2013-06-08	Cơ sở	Nghiên cứu sự phân hủy của vật liệu composite trên nền epoxy được tăng cường sợi thủy tinh trong điều kiện khí hậu tại Đà Nẵng- Việt Nam.	TS. Nguyễn Thanh Hội	QĐ: 7989/QĐ-ĐHĐN-KHCNMT ngày 02/12/2013	13/12/2013	Tốt 13/12/2013	
6	Đ2015-06-19	Cơ sở	Nghiên cứu xử lý sợi xơ dừa dùng làm vật liệu gia	TS. Nguyễn	Số: 31/QĐ-QKHCN	24/9/2016	24/9/2016, Khá	

			cường trong composite trên nền epoxy - Ứng dụng để sản xuất vật lưu niệm	Thanh Hội	ngày 16/9/2016				
7	CTB2018-DNA.02	Bộ	Nghiên cứu làm sạch tạp chất trong biogas, lưu trữ nhiên liệu biogas, hydrogen, thiết kế và chế tạo bộ phụ kiện cung cấp nhiên liệu biogas-hydrogen cho động cơ đốt trong	Trương Lê Bích Trâm	QĐ: 3505/QĐ-BGDĐT ngày 20/10/2021	09/11/2021	09/11/2021, Đạt	Nguyễn Thanh Hội	
8	T2009-06-69	Cơ sở	Nghiên cứu quá trình hấp phụ cation trong nước thải phòng thí nghiệm Công nghệ Hóa học bằng Bentonit Thuận Hải biến tính	Phan Chi Uyên	KHCN-2010-213	07/12/2009	07/12/2009, Khá		
9	T2012-06-29	Cơ sở	Nghiên cứu khả năng chiết tách Tannin từ vỏ thông và ứng dụng tạo keo dán gỗ POLYPHENOL-FORMALDEHYDE	Phan Chi Uyên	459/QĐ-CĐCN ngày 05/12/2012	10/12/2012	10/12/2012, Tốt		
10	T2013-06-51	Cơ sở	Nghiên cứu một số yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng rượu vang khế	Phan Chi Uyên	QLKH&HT QT-16/2013	10/12/2013	10/12/2013, Khá		

11	B2020-DN06-22	Cơ sở	NGHIÊN CỨU NÂNG CAO ĐỘ TAN CỦA SORAFENIB BẰNG PHƯƠNG PHÁP TẠO MUỐI VÀ HÌNH DẠNG TINH THỂ	Phan Chi Uyên	24/QĐ-QKHCN, ngày 20/4/2022	26/4/2022	26/4/2022, Đạt		
12	T2010-06-04 năm 2010	Đề tài cấp cơ sở	Nghiên cứu khả năng ức chế ăn mòn thép CT3 trong môi trường axit của các hợp chất 2-Benzoyl-N-Phenylhydrazin Cacbothioamid thể	Nguyễn Hồng Sơn	Quyết định số 131/QĐ-CĐCN năm 2010	16/12/2010	Tốt		
13	T2017-06-82 năm 2017	Đề tài cấp cơ sở	Nghiên cứu thay thế một số thành phần trong sơn móng tay không màu (nail polish) nhằm bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng	Nguyễn Hồng Sơn	Quyết định số 10/QĐ-ĐHSPKT ngày 10/01/2018	01/2018	Khá		
14	T2013-06-52	Cơ sở	Nghiên cứu chế tạo, đánh giá độ bền và khả năng bảo vệ kim loại của vật liệu nanocompozit epoxy/clay	Mai Thị Phương Chi	426/QĐ-CĐCN, ngày 03/12/2013	10/12/2013	Tốt, 10/12/2013		
15	T2016-06-01	Cơ sở	Nghiên cứu chế tạo lưới cắt kim loại trên cơ sở nhựa nền Phenol formaldehyde-Rezolic tan trong cồn	Mai Thị Phương Chi	553/QĐ-CĐCN, ngày 03/12/2016	09/12/2016	Tốt, 09/12/2016		

Mẫu 5: Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

STT	Công trình khoa học	Ghi chú
1	Quan V. Vo, (2019), <i>Glucosinolates: Properties, Recovery and Applications</i> (Chapter 2: Biosynthesis and nutritious effects), Academic Press, Elsevier.	Book chapter
2	Nam, P. C., Bay, M. V., Vo, Q. V., Mechler, A., & Thong, N. M. (2022). Tautomerism and antioxidant power of sulfur-benzo[h]quinoline: DFT and molecular docking studies. <i>JOURNAL OF MOLECULAR LIQUIDS</i> , 363, 8 pages. doi: 10.1016/j.molliq.2022.119908	
3	Hang, D. T. N., Hoa, N. T., Bich, H. N., Mechler, A., & Vo, Q. V. (2022). The hydroperoxyl radical scavenging activity of natural hydroxybenzoic acids in oil and aqueous environments: Insights into the mechanism and kinetics. <i>Phytochemistry</i> , 201. doi: 10.1016/j.phytochem.2022.113281	
4	Nguyen, T. N., Vo, V. D., Mechler, A., Nguyen, T. H., & Vo, Q. V. (2022). Synthesis and evaluation of the antioxidant activity of 3-pyrroline-2-ones: experimental and theoretical insights. <i>RSC ADVANCES</i> , 12(38), 24579-24588. doi: 10.1039/d2ra04640g	
5	Ngoc, T. D., Ha, M. V. T., Le, T. N., Thi, H. V., Nguyen, T. V. A., Mechler, A., . . . Vo, Q. V. (2022). A Potent Antioxidant Sesquiterpene, Abelsaginol, from <i>Abelmoschus sagittifolius</i> : Experimental and Theoretical Insights. <i>ACS OMEGA</i> , 7(27), 24004-24011. doi: 10.1021/acsomega.2c02974	
6	Hieu, L. T., Thi, T. T., Hoa, N. T., Mechler, A., & Vo, Q. V. (2022). 7-O-Galloyltricetifavan: a promising natural radical scavenger. <i>ROYAL SOCIETY OPEN SCIENCE</i> , 9(6), 8 pages. doi: 10.1098/rsos.211906	
7	Hoa, N. T., Ngoc Van, L. T., & Vo, Q. V. (2022). The hydroperoxyl antiradical activity of natural hydroxycinnamic acid derivatives in physiological environments: the effects of pH values on rate constants. <i>RSC ADVANCES</i> , 12(24), 15115-15122. doi: 10.1039/d2ra02311c	

8	Boulebd, H., Mechler, A., Nguyen, T. H., & Vo, Q. V. (2022). Insights on the kinetics and mechanisms of the peroxy radical scavenging capacity of caftaric acid: the important role of the acid-base equilibrium. <i>NEW JOURNAL OF CHEMISTRY</i> , 46(16), 7403-7409. doi: 10.1039/d2nj00377e	
9	Pham, C. N., Nguyen, Q. T., Nguyen, T. H., Huynh, N. B., Tran, D. M., Duong, T. Q., . . . Vo, Q. V. (2022). Oxoberberine: a promising natural antioxidant in physiological environments. <i>RSC ADVANCES</i> , 12(16), 9738-9743. doi: 10.1039/d2ra01372j	
10	Nguyen, T. N., Nhung, D., Huong, T. T. P., Quan, V. V., & Nguyen, M. T. (2022). In silico screening of potential beta-secretase (BACE1) inhibitors from VIETHERB database. <i>JOURNAL OF MOLECULAR MODELING</i> , 28(3), 10 pages. doi: 10.1007/s00894-022-05051-9	
11	Thuc, D. N., Thanh, N. L., Thi, V. A. N., Mechler, A., Nguyen, T. H., Nguyen, L. N., & Vo, Q. V. (2022). Mechanistic and Kinetic Studies of the Radical Scavenging Activity of 5-O-Methylnorbergenin: Theoretical and Experimental Insights. <i>JOURNAL OF PHYSICAL CHEMISTRY B</i> , 126(3), 702-707. doi: 10.1021/acs.jpcc.1c09196	
12	Boulebd, H., Pereira, D. M., Khodja, I. A., Nguyen, T. H., Mechler, A., & Vo, Q. V. (2021). Assessment of the free radical scavenging potential of cannabidiol under physiological conditions: Theoretical and experimental investigations. <i>JOURNAL OF MOLECULAR LIQUIDS</i> , 346, 7 pages. doi: 10.1016/j.molliq.2021.118277	
13	Nguyen, T. H., Mai, V. B., Mechler, A., & Vo, Q. V. (2022). Theoretical insights into the antiradical activity and copper-catalysed oxidative damage of mexidol in the physiological environment. <i>ROYAL SOCIETY OPEN SCIENCE</i> , 9(1), 9 pages. doi: 10.1098/rsos.211239	
14	Trung, N. Q., Mechler, A., Hoa, N. T., & Vo, Q. V. (2022). Calculating bond dissociation energies of X-H (X=C, N, O, S) bonds of aromatic systems via density functional theory: a detailed comparison of methods. <i>ROYAL SOCIETY OPEN SCIENCE</i> , 9(6), 12 pages. doi: 10.1098/rsos.220177	
15	Nguyen, T. H., Nguyen, Q. T., Nguyen, M. T., Mechler, A., & Quan, V. V. (2021). The radical scavenging activity of monosubstituted iminostilbenes: Theoretical insights. <i>CHEMICAL PHYSICS LETTERS</i> , 784, 6 pages. doi: 10.1016/j.cplett.2021.139105	
16	Quan, V. V., Nguyen, T. H., Nguyen, M. T., & Mechler, A. (2021). The hydroperoxyl and superoxide anion radical scavenging activity of anthocyanidins in physiological environments: Theoretical	

	insights into mechanisms and kinetics. <i>PHYTOCHEMISTRY</i> , 192, 8 pages. doi: 10.1016/j.phytochem.2021.112968	
17	Thuc, D. N., Mai, V. T. H., Thanh, N. L., Thi, V. A. N., Adam, M., Nguyen, T. H., & Quan, V. V. (2021). Antioxidant Activity of Natural Samwirin A: Theoretical and Experimental Insights. <i>ACS OMEGA</i> , 6(41), 27546-27551. doi: 10.1021/acsomega.1c04569	
18	Vo, Q. V., Thi Hoa, N., & Mechler, A. (2021). Another look at reactions of 4-hydroxycoumarin with hydroxyl radical in the environment: deprotonation and diffusion effects. <i>NEW JOURNAL OF CHEMISTRY</i> , 45(37), 17683-17691. doi: 10.1039/d1nj03557f	
19	Nguyen, T. H., Le, T. N. V., & Vo, Q. V. (2021). The radical scavenging activity of muriolide in physiological environments: mechanistic and kinetic insights into double processes. <i>RSC ADVANCES</i> , 11(53), 33245-33252. doi: 10.1039/d1ra06632c	
20	Tam, N. M., Hieu, L. T., Thong, N. M., Hoa, N. T., Hoang, L. P., Nam, P. C., . . . Vo, Q. V. (2021). Mechanistic and kinetic studies of the radical scavenging activity of natural abietanes: A theoretical insight. <i>CHEMICAL PHYSICS LETTERS</i> , 777, 5 pages. doi: 10.1016/j.cplett.2021.138737	
21	Nguyen, T. H., Do, T. N. H., Do, P. H., Huynh, V. T., Loc, P. H., Mechler, A., & Vo, Q. V. (2021). The hydroperoxyl radical scavenging activity of sulfuretin: insights from theory. <i>ROYAL SOCIETY OPEN SCIENCE</i> , 8(7), 8 pages. doi: 10.1098/rsos.210626	
22	Nguyen, M. T., Nguyen, M. T., Trinh, L. H., Loc, P. H., Mechler, A., & Vo, Q. V. (2021). The radical scavenging activity of abietane diterpenoids: Theoretical insights. <i>JOURNAL OF MOLECULAR GRAPHICS & MODELLING</i> , 105, 6 pages. doi: 10.1016/j.jmkgm.2021.107892	
23	Nguyen, Q. T., Nguyen, M. T., Dao, H. C., Tran, D. M., Loc, P. H., Nguyen, K. H., . . . Vo, Q. V. (2021). Radical Scavenging Activity of Natural Anthraquinones: a Theoretical Insight. <i>ACS OMEGA</i> , 6(20), 13391-13397. doi: 10.1021/acsomega.1c01448	
24	Quan, V. V., Le, T. N. V., Nguyen, T. H., & Mechler, A. (2021). Modelling the mechanism and kinetics of the radical scavenging activity of iminostilbene. <i>POLYMER DEGRADATION AND STABILITY</i> , 185, 6 pages. doi: 10.1016/j.polymdegradstab.2021.109483	

25	Pham, C. N., Nguyen, M. T., Nguyen, T. H., Duong, T. Q., Loc, P. H., Mechler, A., & Vo, Q. V. (2021). Is natural fraxin an overlooked radical scavenger?. <i>RSC ADVANCES</i> , 11(24), 14269-14275. doi: 10.1039/d1ra01360b	
26	Boulebd, H., Mechler, A., Nguyen, T. H., Pham, C. N., Duong, T. Q., & Vo, Q. V. (2021). Insights into the mechanisms and kinetics of the hydroperoxyl radical scavenging activity of Artepillin C. <i>NEW JOURNAL OF CHEMISTRY</i> , 45(17), 7774-7780. doi: 10.1039/d1nj00666e	
27	Vo, Q. V., Mai, V. B., Pham, C. N., Duong, T. Q., Flavel, M., Nguyen, T. H., & Mechler, A. (2020). Theoretical and Experimental Studies of the Antioxidant and Antinitrosant Activity of Syringic Acid. <i>JOURNAL OF ORGANIC CHEMISTRY</i> , 85(23), 15514-15520. doi: 10.1021/acs.joc.0c02258	
28	Boulebd, H., Tam, N. M., Mechler, A., & Vo, Q. V. (2020). Substitution effects on the antiradical activity of hydralazine: a DFT analysis. <i>NEW JOURNAL OF CHEMISTRY</i> , 44(38), 16577-16583. doi: 10.1039/d0nj03753b	
29	Vo, Q. V., & Nguyen, T. H. (2020). The radical scavenging activity of moracins: theoretical insights. <i>RSC ADVANCES</i> , 10(60), 36843-36848. doi: 10.1039/d0ra06555b	
30	Nguyen, K. H., Mai, V. B., Phan, D. T., Nguyen, T. K., Nguyen, D. L., Vo, Q. V., . . . Duong, T. Q. (2020). A coumarin derivative-Cu(2+)complex-based fluorescent chemosensor for detection of biothiols. <i>RSC ADVANCES</i> , 10(60), 36265-36274. doi: 10.1039/d0ra05651k	
31	Vo, Q. V., Nguyen, T. H., Pham, C. N., Duong, T. Q., & Mechler, A. (2020). In Silico Evaluation of the Radical Scavenging Mechanism of Mactanamide. <i>ACS OMEGA</i> , 5(37), 24106-24110. doi: 10.1021/acsomega.0c03646	
32	Nguyen, M. T., Vo, Q. V., Trinh, L. H., Mai, V. B., Nguyen, N. D., Pham, T. T. T., & Pham, C. N. (2020). Functionalization and antioxidant activity of polyaniline-fullerene hybrid nanomaterials: a theoretical investigation. <i>RSC ADVANCES</i> , 10(25), 14595-14605. doi: 10.1039/d0ra00903b	
33	Nguyen, K. H., Mai, V. B., Nguyen, C. B., Quan, V. V., Nguyen, D. C., Tran, V. T., . . . Duong, T. Q. (2020). Coumarin-Based Dual Chemosensor for Colorimetric and Fluorescent Detection of Cu ²⁺ in Water Media. <i>ACS OMEGA</i> , 5(33), 21241-21249. doi: 10.1021/acsomega.0c03097	

34	Phan, C., Shen, J, Yu, K., Liu, J., Tang, G., (2021). <i>'Hydrogen Bonds, Topologies, Energy Frameworks and Solubilities of Five Sorafenib Salts'</i> , <i>International Journal of Molecular Sciences</i> 22(13);6682-6694.	
35	Phan, C. U., Shen, J., Yu, K. X., Mao, J. M., Tang, G. P., (2021). <i>'Impact of Crystal Habit on the Dissolution Rate and In Vivo Pharmacokinetics of Sorafenib Tosylate'</i> <i>Molecules</i> , 26(11), 3469 – 3479	
36	Phan, C. U., Shen, J., Liu, J. Y., Mao, J. M., Hu, X. R., Tang, G. P., (2019), <i>'Isomorphous Crystals Formed by the Similar Supramolecular Motifs in Sorafenib Hydrochloride and Regorafenib Hydrochloride Salts'</i> <i>Crystals</i> , 9, 649-662	
37	Liu, X., Wu, M., Wang, M., Duan, Y., Phan, C. U., Qi, G., Tang, G., Liu, B., (2021), <i>'Metabolically engineered bacteria as lightcontrolled living therapeutics for antiangiogenesis tumor therapy'</i> , <i>Materials Horizons – RCS</i> , 8, 1454-1460	
38	Phan, C. U., Huynh, N. B., Nguyen, H. S., Do, T. N. H. (2021), <i>'Preparation and crystal structure of sorafenib sulfate monohydrate'</i> , <i>2020 Applying New Technology in Green Buildings (ATiGB)</i> , 65-69	
39	Bai, H., Wang, J., Phan, C. U., Chen, Q., Hu, X., Shao, G., Zhou, J., Lai, L., Tang, G., (2021), <i>'Cyclodextrin-based host-guest complexes loaded with regorafenib for colorectal cancer treatment'</i> , <i>nature communications</i> , 12, 759-777.	
40	Phan, C., Zheng, Z., Wang, J., Wang, Q., Hu, X., Tang, G., Bai, H., (2019), <i>'Enhanced antitumour effect for hepatocellular carcinoma in the advanced stage using a cyclodextrin-sorafenib-chaperoned inclusion complex'</i> , <i>Biomaterials Science</i> , 10, 1039-1050	
41	<u>Le, Q. C.</u> , Nguyen, C.C.; Le, T.T.N.; Lefèvre, T.; Dinh, M.T.N.; Hong, S.H.; Kim, S.Y.; Le, Q.V (2020). <i>'Synthesis of Diatomite-Based Mesoporous Wool-Ball-Like Microspheres and Their Application for Toluene Total Oxidation Reaction'</i> , <i>Nanomaterials</i> , 10, 339. DOI: 10.3390/nano10020339	
42	<u>Le, Q. C.</u> , Lefèvre, T., C.-Gaudreault, R., Laroche, G., Auger, M. (2018). <i>'Transdermal diffusion, spatial distribution and physical state of a potential anticancer drug in mouse skin as studied by diffusion and spectroscopic techniques'</i> . <i>Biomedical Spectroscopy and Imaging</i> , vol. 7, no. 1-2, pp. 47-61.	

	DOI: 10.3233/BSI-180179	
43	<u>Le, Q. C.</u> , Ropers, M.H., Terrisse, H., Humbert, B. (2014). 'Interactions between phospholipids and titanium dioxide particles'. <i>Colloids and Surfaces B: Biointerfaces</i> 123, 150-157. DOI: 10.1016/j.colsurfb.2014.09.010	
44	O. T. Alaoui, Herissan, A., <u>Le, Q.C.</u> , Mohamed M. Z., Sorgues, S., Remita, H., Colbeau-Justin, C. (2012). Elaboration, charge-carrier lifetimes and activity of Pd-TiO ₂ photocatalysts obtained by gamma radiolysis. <i>Journal of Photochemistry and Photobiology A: Chemistry</i> 242, 34-43. https://doi.org/10.1016/j.jphotochem.2012.05.030	
45	Mai, T. P. C., Nguyen, H. P. T., (2021), "Treatment of Bamboo Fibres in Improving Mechanical Properties and Chemical Resistance of Unsaturated Poly Ester Composites", <i>International Journal of Latest Engineering Research and Applications (IJLERA)</i> , 04, 06, 65-75.	
46	Mai, T. P. C., Nguyen, H. P. T., (2021), "Application of Alcohol Soluble Phenol Formaldehyde Resin for Manufacturing Cut-off Wheel in Vietnam", <i>International Journal of Latest Engineering Research and Applications (IJLERA)</i> , 04, 06, 76-83.	
47	Mai, T. P. C., (2021), "Extraction and Preservation of Betacyanin pigment from the Peel of White Dragon Fruit (<i>Hylocereus Undatus</i>)", <i>International Journal of Latest Research in Engineering and Management (IJLREM)</i> , 12, 05, 09-17.	
48	Vo, K. H., Truong, T. M. H., Pham, C. N., Giang, T. K. L., Mai, T. P. C., Tran. T. P. T., (2020), "Phytochemical investigation of <i>Eurycoma longifolia</i> roots collected in Gia Lai province, Viet Nam", <i>Vietnam Journal of Chemistry (ESCI)</i> , 58(05), 705-710.	
49	Vo, K. H., Truong, T. M. H., Ho, T. D. O., Mai, T. P. C., Giang, T. K. L., (2020), "Tối ưu hóa một số điều kiện chiết thu nhận cao khô từ rễ cây mật nhân (<i>eurycoma longifolia</i>) trong dung môi ethanol để làm phụ gia trong sản xuất nước rau má mật nhân", <i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng</i> , 18, 5.1, 84-88.	
50	Mai, T. P. C., Phan, C. U., Nguyen, H. S., Nguyen, H. P. T., Tran, T. N. L., Vo, K. H., (2021), "Một số phương pháp phân tích vật lý và hóa lý", 01, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông.	

51	Nguyen, H. S., Mai, T. P. C., Nguyen, T. T. C., (2021), “ <i>Giáo trình Ăn mòn và bảo vệ kim loại</i> ”, 01, NXB Bách Khoa Hà Nội,	
----	--	--

Ghi chú: Công trình khoa học được liệt kê theo quy tắc sau:

- Họ tên tác giả, chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), *tên sách*, lần xuất bản, nhà xuất bản, nơi xuất bản.
- Họ và chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), ‘*Tên bài viết*’, *tên tập san*, số, kì/thời gian phát hành, số trang.
- Tác giả (Năm xuất bản), *tên tài liệu*, đơn vị bảo trợ thông tin, ngày truy cập.
- Họ tác giả, chữ viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), ‘*Tiêu đề bài viết*’, [trong] *tên kỷ yếu*, địa điểm và thời gian tổ chức, nhà xuất bản, nơi xuất bản, số trang.

3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo

Mẫu 6: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần/ môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	60	5,987			
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	192	Sinh hoạt toàn khoa		
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	4	600	Các hội thảo		
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	48	4746	Các học phần lý thuyết chung		
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	1	58	Các học phần lý thuyết chuyên ngành		

1.5	Số phòng học đa phương tiện	0	0			
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	6	391	Trao đổi với GV/Các học phần đồ án		
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	351	Tra cứu tài liệu và tự học		
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	40	11955	Các học phần thí nghiệm		

Mẫu 7: Thư viện

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Cơ sở hóa học	R. B. Bucat; Hoàng Minh Châu dịch; Nguyễn Thạc Cát hiệu đính	Giáo Dục, 2001, Việt Nam	20	Hóa đại cương		I, 1	
2	Kỹ thuật hệ thống công nghệ hóa học. Tập 1: Cơ sở mô hình hóa các quá trình công nghệ hóa học	Nguyễn Minh Tuyền, Phạm Văn Thiêm	Khoa học Kỹ Thuật, 2005, Việt Nam	50	Quá trình thiết bị		II, 2	

3	Giáo trình hóa keo	Nguyễn Sinh Hoa	Xây dựng, 1998, Việt Nam	20	Hóa lý		I, 2	
4	Giáo trình hóa keo	Nguyễn Tuyên chủ biên; Nguyễn Thị Vương Hoàn, Nguyễn Phi Hùng	Khoa học Kỹ Thuật, 2015, Việt Nam	10	Hóa lý		I, 2	
5	Cơ sở lý thuyết hóa học	Nguyễn Văn Bảo, Trần Đình Cảnh, Từ Văn Hải, Trần Xuân Mâm	Xây dựng, 2005, Việt Nam	20	Hóa đại cương		I, 1	
6	Hóa đại cương	Đào Hùng Cường	Khoa học kỹ thuật , 2007, Việt Nam	149	Hóa đại cương		I, 1	
7	Cơ sở lý thuyết hóa học: Phần 1, Cấu tạo chất (Dùng cho các trường đại học kỹ thuật)	Nguyễn Đình Chi	Giáo Dục, 2006, Việt Nam	30	Hóa đại cương		I, 1	
8	Cơ sở lý thuyết hóa học: Phần 1, Cấu tạo chất (Dùng cho các trường đại học kỹ thuật)	Nguyễn Đình Chi	Giáo Dục, 2002, Việt Nam	8	Hóa đại cương		I, 1	
9	Cơ sở lý thuyết hóa học: Phần 2, Nhiệt động hoá học, động hoá học, điện hoá học (Dùng cho các	Nguyễn Hạnh	Giáo Dục, 2005, Việt Nam	28	Hóa đại cương		I, 1	

	trường đại học kỹ thuật)						
10	Cơ sở lý thuyết hóa học: Phần 2, Nhiệt động hoá học, động hoá học, điện hoá học (Dùng cho các trường đại học kỹ thuật)	Nguyễn Hạnh	Giáo Dục, 2000, Việt Nam	11	Hóa lý	I, 2	
11	Nguyên tử và liên kết hóa học: Dùng cho Giáo viên môn Hóa học ở các trường THPT, sinh viên ngành Hóa các trường Đại học, Cao đẳng	Đào Đình Thúc	Thống Kê, 2003, Việt Nam	28	Hóa đại cương	I, 1	
12	Cấu tạo nguyên tử và liên kết hóa học. Tập 1	Đào Đình Thúc	Giáo Dục, 2005, Việt Nam	19	Hóa đại cương	I, 1	
13	Cấu tạo nguyên tử và liên kết hóa học. Tập 2	Đào Đình Thúc	Giáo Dục, 2005, Việt Nam	29	Hóa đại cương	I, 1	
14	Thực hành hóa học đại cương : Giáo trình dùng cho các trường đại học và cao đẳng	Hà Thị Ngọc Loan, Nguyễn Khắc Chính	Khoa học Kỹ Thuật, 2003, Việt Nam	30	TN Hóa đại cương	II, 1	

15	Cấu tạo chất đại cương	Lâm Ngọc Thiềm chủ biên; Lê Kim Long	Đại Học Quốc Gia, 2004, Việt Nam	30	Hóa đại cương	I, 1	
16	Bài tập hóa học đại cương : (Hóa học lý thuyết cơ sở)	Lâm Ngọc Thiềm chủ biên; Trần Hiệp Hải	Đại Học Quốc Gia, 2004, Việt Nam	26	Hóa đại cương	I, 1	
17	Giáo trình hóa học lượng tử cơ sở. Tập 1	Lâm Ngọc Thiềm, Phan Quang Thái	Khoa học Kỹ Thuật, 1999, Việt Nam	20	Hóa đại cương	I, 1	
18	Hóa học đại cương : Dùng cho sinh viên hệ cao đẳng; Tài liệu tham khảo bổ ích cho học sinh phổ thông chuyên Hóa	Lê Mậu Quyền	Khoa học Kỹ Thuật, 2001, Việt Nam	18	Hóa đại cương	I, 1	
19	Bài tập cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học	Vũ Đăng Độ	Giáo Dục, 2003, Việt Nam	28	Hóa đại cương	I, 1	
20	Bài tập hóa lý cơ sở	Lâm Ngọc Thiềm chủ biên; Trần Hiệp Hải, Nguyễn Thị Thu	Khoa học Kỹ Thuật, 2003, Việt Nam	28	Hóa lý	I, 2	
21	Các phương pháp phân tích vật lý và hóa lý. Tập 1	Nguyễn Đình Triệu	Khoa học Kỹ Thuật, 2001, Việt Nam	10	Các phương pháp phân tích vật lý và hóa lý	II, 3	

22	Các phương pháp phân tích vật lý và hóa lý : Câu hỏi và bài tập	Nguyễn Đình Triệu, Nguyễn Đình Thành	Khoa học Kỹ Thuật, 2001, Việt Nam	20	Các phương pháp phân tích vật lý và hóa lý	II, 3	
23	Hóa lý cấu tạo phân tử và liên kết hóa học : Giáo trình dùng cho sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh các trường đại học khối công nghệ, kỹ thuật...	Nguyễn Văn Xuyên	Khoa học kỹ thuật , 2002, Việt Nam	36	Hóa đại cương	I, 1	
24	Hóa lý cấu tạo phân tử và liên kết hóa học : Giáo trình dùng cho sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh các trường đại học khối công nghệ, kỹ thuật...	Nguyễn Văn Xuyên	Khoa học Kỹ Thuật, 2005, Việt Nam	20	Hóa đại cương	I, 1	
25	Hóa lý. Tập 2	Trần Văn Nhân chủ biên; Nguyễn Thạc Sửu, Nguyễn Văn Tuế	Giáo Dục, 2006, Việt Nam	30	Hóa lý	I, 2	
26	Giáo trình hóa lý : Tập 1, Cơ sở nhiệt động lực học	Nguyễn Đình Huệ	Giáo Dục, 2000, Việt Nam	18	Hóa lý	I, 2	

27	Giáo trình hóa lý : Tập 2, Nhiệt động lực học hóa học	Nguyễn Đình Huệ	Giáo Dục, 2000, Việt Nam	18	Hóa lý		I, 2	
28	Giáo trình hóa lý : Tập 1, Cơ sở nhiệt động lực học	Nguyễn Đình Huệ	Giáo Dục, 2004, Việt Nam	18	Hóa lý		I, 2	
29	Giáo trình hóa lý : Tập 2, Nhiệt động lực học hóa học	Nguyễn Đình Huệ	Giáo Dục, 2004, Việt Nam	18	Hóa lý		I, 2	
30	Giáo trình hóa lý : Tập 1, Cơ sở nhiệt động lực học	Nguyễn Đình Huệ	Giáo Dục, 2009, Việt Nam	1	Hóa lý		I, 2	
31	Bài tập công nghệ điện hóa	Trần Minh Hoàng, Trương Ngọc Liên	Khoa học Kỹ Thuật, 2007, Việt Nam	20	Hóa lý		I, 2	
32	Điện hóa lý thuyết : Giáo trình cho sinh viên trường đại học Bách khoa và các trường khác	Trương Ngọc Liên	Khoa học Kỹ Thuật, 2000, Việt Nam	20	Hóa lý		I, 2	
33	Hóa học phân tích định lượng : Giáo trình dùng cho sinh viên các trường đại học	Bùi Long Biên	Khoa học Kỹ Thuật, 2001, Việt Nam	18	Hóa phân tích		I, 2	
34	Cơ sở hóa học phân tích : Giáo trình dùng cho sinh viên	Hoàng Minh Châu chủ biên; Từ Văn Mặc, Từ Vọng Nghi	Khoa học kỹ thuật , 2007, Việt Nam	18	Hóa phân tích		I, 2	

	các trường đại học Bách khoa, Sư phạm, Khoa học tự nhiên, Kỹ thuật...							
35	Cơ sở hóa học phân tích : Giáo trình dùng cho sinh viên các trường đại học Bách khoa, Sư phạm, Khoa học tự nhiên, Kỹ thuật...	Hoàng Minh Châu chủ biên; Từ Văn Mặc, Từ Vọng Nghi	Khoa học Kỹ Thuật, 2002, Việt Nam	10	Hóa phân tích		I, 2	
36	Chiết tách, phân chia, xác định các chất bằng dung môi hữu cơ : Tập 1, Lý thuyết - thực hành - ứng dụng	Hồ Viết Quý	Khoa học Kỹ Thuật, 2001, Việt Nam	18	TN Hóa hữu cơ 1		I, 2	
37	Chiết tách, phân chia, xác định các chất bằng dung môi hữu cơ : Tập 1, Lý thuyết - thực hành - ứng dụng	Hồ Viết Quý	Khoa học Kỹ Thuật, 2002, Việt Nam	24	TN Hóa hữu cơ 1		I, 2	
38	Hóa học phân tích : Phần 2, Các phản ứng ion trong dung dịch nước	Nguyễn Tinh Dung	Giáo Dục, 2002, Việt Nam	18	Hóa phân tích		I, 2	
39	Hóa học phân tích	Trần Tứ Hiếu	Đại Học Quốc Gia,	28	Hóa phân tích		I, 2	

			2004, Việt Nam				
40	Sắc ký khí : Cơ sở lý thuyết và khả năng ứng dụng	Phạm Hùng Việt	Đại Học Quốc Gia, 2005, Việt Nam	30	Các phương pháp phân tích vật lý và hóa lý		II, 3
41	Cơ sở lý thuyết của phương pháp sắc ký khí	Phạm Hùng Việt	Khoa học Kỹ Thuật, 2003, Việt Nam	24	Các phương pháp phân tích vật lý và hóa lý		II, 3
42	Hóa học vô cơ : Tập 2, Các nguyên tố hóa học điển hình	Hoàng Nhâm	Giáo Dục, 2001, Việt Nam	19	Hóa vô cơ		II, 1
43	Hóa học vô cơ : Tập 3, Các nguyên tố chuyển tiếp	Hoàng Nhâm	Giáo Dục, 2001, Việt Nam	19	Hóa vô cơ		II, 1
44	Hóa học các nguyên tố. Tập 2	Hoàng Nhâm	Đại Học Quốc Gia, 2004, Việt Nam	30	Hóa vô cơ		II, 1
45	Hóa học vô cơ : Tập 1, Lý thuyết đại cương về hóa học	Hoàng Nhâm	Giáo Dục, 2004, Việt Nam	18	Hóa vô cơ		II, 1
46	Hóa học vô cơ : Tập 2, Các nguyên tố hóa học điển hình	Hoàng Nhâm	Giáo Dục, 2004, Việt Nam	30	Hóa vô cơ		II, 1

47	Hóa học vô cơ : Tập 3, Các nguyên tố chuyển tiếp	Hoàng Nhâm	Giáo Dục, 2004, Việt Nam	20	Hóa vô cơ		II, 1	
48	Hóa học các nguyên tố. Tập 1	Hoàng Nhâm	Đại Học Quốc Gia, 2004, Việt Nam	30	Hóa vô cơ		II, 1	
49	Hóa học vô cơ : Tập 1, Lý thuyết đại cương về hóa học	Hoàng Nhâm	Giáo Dục, 2000, Việt Nam	18	Hóa vô cơ		II, 1	
50	Bài tập hóa học vô cơ	Lê Mậu Quyền	Khoa học Kỹ Thuật, 2001, Việt Nam	10	Hóa vô cơ		II, 1	
51	Bài tập hóa học vô cơ	Lê Mậu Quyền	Khoa học Kỹ Thuật, 2000, Việt Nam	8	Hóa vô cơ		II, 1	
52	Hóa học vô cơ và vật liệu vô cơ	Trương Văn Ngà	Xây dựng, 2000, Việt Nam	30	Hóa vô cơ		II, 1	
53	Giáo trình thực tập hóa vô cơ	Trịnh Ngọc Châu chủ biên	Đại Học Quốc Gia, 2003, Việt Nam	50	TN Hóa vô cơ		I, 2	
54	Hợp chất hữu cơ hidrocacbon	Đào Hùng Cường	Khoa học Kỹ Thuật, 2009, Việt Nam	100	Hóa hữu cơ 1		II, 1	

55	Hóa học hữu cơ	Đặng Như Tại, Trần Quốc Sơn	Hà Nội, 2004, Việt Nam	28	Hóa hữu cơ 1		II, 1	
56	Hóa đại cương. Tập 1	René Didier; Nguyễn Đình bảng và nhóm tác giả dịch	Giáo Dục, 1997, Việt Nam	2	Hóa đại cương		I, 1	
57	Hóa đại cương. Tập 2	René Didier; Nguyễn Đình bảng và nhóm tác giả dịch	Giáo Dục, 1996, Việt Nam	2	Hóa đại cương		I, 1	
58	Hóa học hữu cơ 2	Đỗ Đình Răng chủ biên; Đặng Đình Bạch, Nguyễn Thị Thanh Phong	Giáo Dục, 2004, Việt Nam	19	Hóa hữu cơ 2		I, 2	
59	Hóa học hữu cơ. Tập 1	Hoàng Trọng Yêm chủ biên; Trịnh Thanh Đoàn, Nguyễn Đăng Quang, Dương Văn Tuệ	Khoa học Kỹ Thuật, 1999, Việt Nam	18	Hóa hữu cơ 1		II, 1	
60	Hóa học hữu cơ. Tập 2	Hoàng Trọng Yêm chủ biên; Dương Văn Tuệ, Vũ Đào Thắng, Hồ Công Xinh	Khoa học Kỹ Thuật, 1999, Việt Nam	20	Hóa hữu cơ 1		II, 1	
61	Hóa học hữu cơ. Tập 3	Hoàng Trọng Yêm chủ biên; Văn Đình Đệ, Trịnh Thanh Đoàn, Dương Văn Tuệ và nhóm tác giả	Khoa học Kỹ Thuật, 2000, Việt Nam	20	Hóa hữu cơ 2		I, 2	

62	Hóa học hữu cơ. Tập 4	Hoàng Trọng Yêm chủ biên; Dương Văn Tuệ	Khoa học Kỹ Thuật, 2001, Việt Nam	20	Hóa hữu cơ 2		I, 2	
63	Hóa học hữu cơ 1	Nguyễn Hữu Đĩnh chủ biên; Đỗ Đình Rãng	Giáo Dục, 2003, Việt Nam	18	Hóa hữu cơ 1		II, 1	
64	Hóa kỹ thuật: Giáo trình dùng cho sinh viên ngành Hóa học	Phạm Nguyên Chương chủ biên; Trần Hồng Côn, Nguyễn Văn Nội, Hoa Hữu Thu và Nhóm tác giả	Khoa học Kỹ Thuật, 2002, Việt Nam	30	Quá trình thiết bị		II, 2	
65	Kỹ thuật đo lường và dụng cụ đo trong công nghệ hóa học	Lê Phan Hoàng Chiêu	Đại học Quốc gia TP HCM, 2004, Việt Nam	30	TN Hóa vô cơ		I, 2	
66	Các quá trình cơ bản tổng hợp hữu cơ	Phan Đình Châu	Khoa học Kỹ Thuật, 2005, Việt Nam	30	Hóa hữu cơ 2		I, 2	
67	Bài tập hóa kỹ thuật	Phạm Hùng Việt	Khoa học Kỹ Thuật, 2002, Việt Nam	49	Hóa đại cương		I, 1	
68	Hóa kỹ thuật đại cương	Phùng Tiến Đạt, Trần Thị Bích	Đại Học Sư Phạm, 2004, Việt Nam	30	Hóa đại cương		I, 1	
69	Quá trình và thiết bị trong công nghệ hóa học : Tập 5, Giáo	Phạm Văn Bôn chủ biên; Nguyễn Đình Thọ	Đại học Quốc gia TP HCM,	13	Quá trình thiết bị		II, 2	

	trình quá trình và thiết bị truyền nhiệt		2000, Việt Nam					
70	Quá trình và thiết bị công nghệ hóa học : Tập 10, Ví dụ và bài tập	Phạm Văn Bôn, Vũ Bá Minh, Hoàng Minh Nam	Đại Học Bách khoa TPHCM, 1999, Việt Nam	11	Quá trình thiết bị		II, 2	
71	Quá trình và thiết bị trong công nghệ hóa học : Tập 5, Quá trình và thiết bị truyền nhiệt	Phạm Văn Bôn chủ biên; Nguyễn Đình Thọ	Trường Đại học kinh tế, 1991, Việt Nam	18	Quá trình thiết bị		II, 2	
72	Sổ tay quá trình và thiết bị công nghệ hóa chất : Tập 1, Cơ sở lý thuyết, phương pháp tính toán, tra cứu số liệu và thiết bị	Nguyễn Bin, Đỗ Văn Đài, Long Thanh Hùng và nhóm tác giả biên soạn và hiệu đính	Khoa học kỹ thuật , 2006, Việt Nam	47	Quá trình thiết bị		II, 2	
73	Sổ tay quá trình và thiết bị công nghệ hóa chất. Tập 2	Trần Xoa, Nguyễn Trọng Khuôn, Phạm Xuân Toàn hiệu đính	Khoa học Kỹ Thuật, 1999, Việt Nam	21	Quá trình thiết bị		II, 2	
74	Quá trình và thiết bị trong công nghệ hóa học : Tập 11, Bài tập và hướng dẫn thiết kế máy lạnh trạm lạnh	Trần Hùng Dũng, Trần Văn Nghệ	Đại học Kỹ thuật, 1998, Việt Nam	21	Quá trình thiết bị		II, 2	

75	Quá trình và thiết bị trong công nghệ hóa học : Tập 14, Chung cất hỗn hợp nhiều cấu tử	Võ Thị Ngọc Tươi, Hoàng Minh Nam	Đại học Kỹ thuật, 1999, Việt Nam	5	Quá trình thiết bị	II, 2	
76	Kỹ thuật sấy vật liệu	Nguyễn Văn Lụa	Đại học Bách Khoa, 2001, Việt Nam	24	Quá trình thiết bị	II, 2	
77	Quá trình và thiết bị công nghệ hóa học : Tập 7, Kỹ thuật sấy vật liệu	Nguyễn Văn Lụa	Đại Học Bách khoa TPHCM, 1999, Việt Nam	18	Quá trình thiết bị	II, 2	
78	Giáo trình công nghệ không dệt	Trần Công Thế	Khoa học Kỹ Thuật, 1999, Việt Nam	40	Sợi và vải	II, 4	
79	Gia công composite	Đoàn Thị Thu Loan	Bách Khoa, 2013, Việt Nam	50	Gia công composite	II, 3	
80	Hóa đại cương. Tập 3	René Didier; Nguyễn Đình bảng và nhóm tác giả dịch	Giáo Dục, 1997, Việt Nam	2	Hóa đại cương	I, 1	
81	Nhiệt động trong hóa kỹ thuật	La Văn Bình	Khoa học Kỹ Thuật, 2001, Việt Nam	14	Hóa lý	I, 2	
82	Hương liệu và ứng dụng	Văn Ngọc Hương	Khoa học Kỹ Thuật, 2003, Việt Nam	30	Hương liệu và mỹ phẩm	II, 3	

83	Quá trình và thiết bị trong công nghệ hóa học, Tập 2: Cơ học vật liệu rời	Vũ Bá Minh, Hoàng Minh Nam	Khoa học Kỹ Thuật, 1998, Việt Nam	9	Quá trình thiết bị	II, 2	
84	Phức chất trong hóa học	Hồ Viết Quý	Khoa học Kỹ Thuật, 2000, Việt Nam	10	Hóa vô cơ	II, 1	
85	Điện hóa học	Nguyễn Khương	Khoa học Kỹ Thuật, 1999, Việt Nam	20	Ăn mòn và bảo vệ kim loại	II, 3	
86	Kỹ thuật hệ thống công nghệ hóa học. Tập 1: Cơ sở mô hình hóa các quá trình công nghệ hóa học	Nguyễn Minh Tuyển, Phạm Văn Thiêm	Khoa học Kỹ Thuật, 2001, Việt Nam	50	Quá trình thiết bị	II, 2	
87	Sổ tay hóa học sơ cấp	A.T. Pilipenko, V.la Pochinoc, I.P.Xereda, Ph.D. Sepchenko; Lê Chí Kiên dịch	Giáo Dục, 2001, Việt Nam	4	Hóa đại cương	I, 1	
88	Ứng dụng tin học trong giảng dạy hóa học	Nguyễn Trọng Thọ	Giáo Dục, 2002, Việt Nam	20	Ứng dụng CNTT trong hóa học	I, 4	
89	2400 bài tập hóa học	N. E. Cuzmenco, V. V. Eremin; Hoàng Nhuận, Hoàng Mai Hương dịch	Khoa học Kỹ Thuật, 2002, Việt Nam	30	Hóa đại cương	I, 1	

90	Một số vấn đề chọn lọc của hóa học. Tập 1	Nguyễn Duy Ái, Nguyễn Tinh Dung, Trần Thành Huế, Trần Quốc Sơn, Nguyễn Văn Tông	Giáo Dục, 2004, Việt Nam	10	Hóa đại cương		I, 1	
91	Một số vấn đề chọn lọc của hóa học. Tập 2	Nguyễn Duy Ái, Nguyễn Tinh Dung, Trần Thành Huế, Trần Quốc Sơn, Nguyễn Văn Tông	Giáo Dục, 2004, Việt Nam	20	Hóa đại cương		I, 1	
92	Thực hành hóa học đại cương	Nguyễn Đức Chung	Khoa học Kỹ Thuật, 2000, Việt Nam	10	Hóa đại cương		I, 1	
93	Phản ứng điện hóa và ứng dụng	Trần Hiệp Hải	Giáo Dục, 2002, Việt Nam	4	Hóa lý		I, 2	
94	Động hóa học và xúc tác	Nguyễn Đình Huệ, Trần Kim Thanh, Nguyễn Thị Thu	Giáo Dục, 2003, Việt Nam	37	Hóa lý		I, 2	
95	Động hóa học và thiết bị phản ứng trong công nghiệp hoá học	Nguyễn Hoa Toàn	Khoa học Kỹ Thuật, 2004, Việt Nam	20	Hóa lý		I, 2	
96	Kỹ thuật an toàn trong phòng thí nghiệm hóa học	Trần Kim Tiên	Khoa học Kỹ Thuật, 2001, Việt Nam	11	Hóa đại cương		I, 1	

97	Hóa học phân tích : Phần 3, Các phương pháp định lượng hóa học	Nguyễn Tinh Dung	Giáo dục, 2003, Việt Nam	1	Hóa phân tích	I, 2	
98	Những vấn đề hóa học hữu cơ	Đặng Đình Bạch	Khoa học Kỹ Thuật, 2002, Việt Nam	9	Hóa hữu cơ 1	II, 1	
99	2000 câu hỏi trắc nghiệm hóa học hữu cơ. Tập 1	Nguyễn Đình Triệu	Khoa học Kỹ Thuật, 2003, Việt Nam	20	Hóa hữu cơ 1	II, 1	
100	Hóa học hữu cơ : Tập 3, Dùng cho sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh và học sinh phổ thông chuyên Hóa	Nguyễn Đình Thành	Khoa học Kỹ Thuật, 2016, Việt Nam	2	Hóa hữu cơ 1	II, 1	
101	Danh pháp hợp chất hữu cơ	Trần Quốc Sơn chủ biên; Trần Thị Tú	Giáo Dục, 2003, Việt Nam	10	Hóa hữu cơ 1	II, 1	
102	Cơ sở hóa học lập thể	Đặng Như Tại	Giáo Dục, 1998, Việt Nam	10	Hóa hữu cơ 1	II, 1	
103	Hóa học và hóa lý polyme	Phan Thanh Bình	Đại học Quốc gia TPHCM, 2016, Việt Nam	10	Hóa học các chất cao phân tử Hóa lý polymer	I, 3	

104	Hóa học và màu sắc	G.N. Fadeev; Hoàng Nhâm, Vũ Minh dịch	Khoa học Kỹ Thuật, 2001, Việt Nam	9	Hương liệu và mỹ phẩm		II, 3	
105	Écgonômi trong thiết kế và sản xuất	Nguyễn Bạch Ngọc	Giáo Dục, 2000, Việt Nam	20	Quá trình và thiết bị		I, 3	
106	Bộ sách 10 vạn câu hỏi vì sao : Kỹ thuật công nghệ	Vũ Đỗ Thận dịch	Khoa học Kỹ Thuật, 1999, Việt Nam	18	Quá trình và thiết bị		I, 3	
107	Công nghệ vật liệu cách nhiệt	Nguyễn Như Quý	Xây dựng, 2002, Việt Nam	20	CNSX Vật liệu tiên tiến		I, 4	
108	Kỹ thuật công trình trong công nghệ hóa chất và thực phẩm : Bài giảng dùng cho sinh viên ngành Quá trình và Thiết bị CN Hóa chất)	Nguyễn Bin	Hà Nội, 1998, Việt Nam	28	Quá trình và thiết bị		I, 3	
109	Sản xuất chất thơm thiên nhiên tổng hợp	Văn Đình Đệ	Khoa học Kỹ Thuật, 2002, Việt Nam	20	Hóa hữu cơ 2		I, 2	
110	Công nghệ axit sunfuric	Đỗ Bình	Khoa học kỹ thuật , 2004, Việt Nam	19	Hóa vô cơ		I, 2	
111	Kỹ thuật hàn - đắp - vá nhựa tổng hợp	Nguyễn Phước Hậu, Chung Thế Quang,	Giao Thông Vận tải, 2003, Việt Nam	40	Nhựa		II, 1	

		Lưu Văn Hy và Nhóm tác giả						
112	Kỹ thuật xenlulô và giấy	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Đại học Quốc gia TP HCM, 2003, Việt Nam	30	Cellulose và bột giấy		II, 4	
113	Bảo vệ môi trường trong công nghiệp bột giấy và giấy	Doãn Thái Hoà	Khoa học Kỹ Thuật, 2005, Việt Nam	60	Cellulose và bột giấy		II, 4	
114	Ăn mòn và bảo vệ kim loại	Nguyễn Hồng Sơn	NXB Bách khoa Hà Nội, 2021, Việt Nam	15	Ăn mòn và bảo vệ kim loại		I, 3	

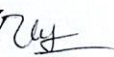
Mẫu 8: Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo dự kiến mở

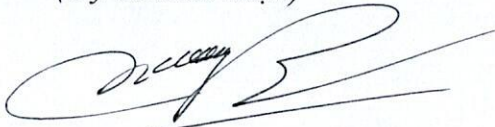
Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Lò nung	Đài Loan	1	PTN CNHH -MT	TN silicat	Học kỳ 4,5,6,7	5	

2	Tủ sấy	Trung Quốc	3	PTN CNHH -MT	TN chuyên ngành	Học kỳ 3,4,5,6,7,8	5	
3	Bếp cách thủy	Đài Loan	4	PTN CNHH -MT	TN Hoá cơ bản, TN chuyên ngành	Học kỳ 3,4,5,6,7,8	5	
4	Máy ép thủy lực	Trung Quốc	1	PTN CNHH -MT	TN chuyên ngành	Học kỳ 3,4,5,6,7,8	5	
5	Máy băm nghiền	Việt Nam	1	PTN CNHH -MT	TN chuyên ngành	Học kỳ 3,4,5,6,7,8	5	
6	Máy đo độ nhớt	Mỹ	1	PTN CNHH -MT	TN chuyên ngành	Học kỳ 3,4,5,6,7,8	5	
7	Máy đo pH	Mỹ	1	PTN CNHH -MT	TN chuyên ngành	Học kỳ 3,4,5,6,7,8	5	
8	Máy quang phổ UV - VIS	Hàn Quốc	1	PTN CNHH -MT	TN chuyên ngành	Học kỳ 3,4,5,6,7,8	5	
9	Cân phân tích	Mỹ	2	PTN CNHH -MT	TN chuyên ngành	Học kỳ 3,4,5,6,7,8	5	
10	Cân kỹ thuật điện tử	Mỹ	1	PTN CNHH -MT	TN Hoá cơ bản, chuyên ngành	Học kỳ 3,4,5,6,7,8	5	
11	Bơm hút chân không	Hàn Quốc	2	PTN CNHH -MT	TN Hoá cơ bản, chuyên ngành	Học kỳ 3,4,5,6,7,8	5	
12	Máy li tâm	Đài Loan	2	PTN CNHH -MT	TN Hoá cơ bản, chuyên ngành	Học kỳ 3,4,5,6,7,8	5	
13	Máy khuấy từ gia nhiệt	Đài Loan	1	PTN CNHH -MT	TN chuyên ngành	Học kỳ 3,4,5,6,7,8	5	

14	Máy khuấy cơ	Trung Quốc	4	PTN CNHH -MT	TN Hoá cơ bản, chuyên ngành	Học kỳ 3,4,5,6,7,8	5	
15	Máy sấy thăng hoa	Hàn Quốc	1	PTN CNHH -MT	TN Quá trình và thiết bị	Học kỳ 3,4,5,6,7,8	5	
16	Máy sấy tuần hoàn khí thải	Việt Nam	1	PTN CNHH -MT	TN Quá trình và thiết bị	Học kỳ 3,4,5,6,7,8	5	
17	Máy sấy tầng sôi	Việt Nam	1	PTN CNHH -MT	TN Quá trình và thiết bị	Học kỳ 3,4,5,6,7,8	5	
18	Thiết bị chưng luyện	Việt Nam	1	PTN CNHH -MT	TN Quá trình và thiết bị	Học kỳ 3,4,5,6,7,8	5	
19	Thiết bị trích ly	Việt Nam	1	PTN CNHH -MT	TN Quá trình và thiết bị	Học kỳ 3,4,5,6,7,8	5	
20	Thiết bị hấp thụ	Việt Nam	1	PTN CNHH -MT	TN Quá trình và thiết bị	Học kỳ 3,4,5,6,7,8	5	
21	Thiết bị xác định chế độ chảy của dòng	Việt Nam	1	PTN CNHH -MT	TN Quá trình và thiết bị	Học kỳ 3,4,5,6,7,8	5	
22	Thiết bị xác định sự phân bố vận tốc	Việt Nam	1	PTN CNHH -MT	TN Quá trình và thiết bị	Học kỳ 3,4,5,6,7,8	5	
23	Thiết bị bom ly tâm	Việt Nam	1	PTN CNHH -MT	TN Quá trình và thiết bị	Học kỳ 3,4,5,6,7,8	5	
24	Thiết bị lọc khung bản	Việt Nam	1	PTN CNHH -MT	TN Quá trình và thiết bị	Học kỳ 3,4,5,6,7,8	5	
25	Thiết bị xác định trở lực	Việt Nam	1	PTN CNHH -MT	TN Quá trình và thiết bị	Học kỳ 3,4,5,6,7,8	5	

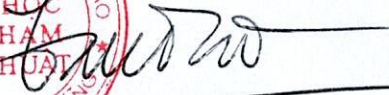
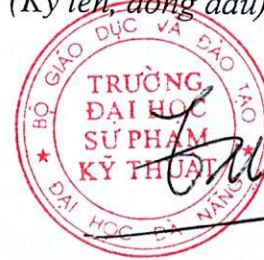
26	Máy cất nước	Việt Nam	2	PTN CNHH -MT	TN Hoá cơ bản, chuyên ngành	Học kỳ 3,4,5,6,7,8	5	
----	--------------	----------	---	-----------------	--------------------------------	-----------------------	---	--

Đại diện trưởng các đơn vị chuyên môn quản lý 
kê khai theo từng mẫu trên
(Ký tên xác nhận)



Huỳnh Thị Lãm Uyên,

Thủ trưởng
(Ký tên, đóng dấu)



PGS.TS. PHAN CAO THỌ

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: PHAN CHI UYÊN Giới tính: Nữ
Năm sinh: 22/06/1985
Nơi sinh: An Khê, Thanh Khê, TP Đà Nẵng
Quê quán: An Khê, Thanh Khê, TP Đà Nẵng Dân tộc: Kinh
Học vị cao nhất: Tiến sĩ Năm: 2020, nước: Trung Quốc
Chức vụ: Trưởng Bộ môn
Đơn vị công tác: Khoa Công nghệ Hóa học - Môi trường; Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật
Địa chỉ liên hệ: Tổ 60 Đông Xuân, An Khê, Thanh Khê, TP Đà Nẵng
Mobile: 0962119542
Email: chiuyenb1@yahoo.com; pcuyen@ute.udn.vn; uyen.phameo@gmail.com

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính quy Nơi đào tạo: Đại học sư phạm - ĐH Đà Nẵng
Ngành học: Cử nhân sư phạm Hoá học Nước đào tạo: Năm tốt nghiệp: 2007

2. Ngoại ngữ: Tiếng Anh, Tiếng Trung

3. Sau đại học:

- Thạc sĩ chuyên ngành: Hóa hữu cơ Năm cấp bằng: 2011

Nơi đào tạo: Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng

- Tiến sĩ chuyên ngành: Hoá học Năm cấp bằng: 2020

Nơi đào tạo: Đại học Chiết Giang

Tên luận án: Structural Modification and Properties of Sorafenib

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

1. 2008 - 2017 là giảng viên khoa Công nghệ Hóa học, trường Cao đẳng Công nghệ - Đại học Đà Nẵng

2. 2017 đến nay là giảng viên khoa Công nghệ Hóa học - Môi trường, trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật - Đại học Đà Nẵng

3. 2015-2020 được đưa đi đào tạo bậc Tiến sĩ tại Trường Đại học Zhejiang, Tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc

4. 1/2021 Trưởng bộ môn Công nghệ Hóa học, khoa Công nghệ Hóa học - Môi trường, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng



IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các công trình khoa học đã và đang tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Nghiên cứu nâng cao độ tan của sorafenib bằng phương pháp tạo muối và hình dạng tinh thể	2022	Đề tài cấp ĐHQĐN	Chủ nhiệm
2	Nghiên cứu khả năng chiết tách Tannin từ vỏ thông và ứng dụng tạo keo dán gỗ polyphenol-formaldehyde	2013	Đề tài cấp cơ sở	Chủ nhiệm
3	Nghiên cứu một số yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng rượu vang khế	2013	Đề tài cấp ĐHQĐN	Chủ nhiệm
4	Nghiên cứu quá trình hấp phụ cation trong nước thải phòng thí nghiệm Công nghệ Hóa học bằng Bentonit Thuận Hải biến tính	2010	Đề tài cấp cơ sở	Chủ nhiệm

2. Các bài báo khoa học đã công bố

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Hydrogen Bonds, Topologies, Energy Frameworks and Solubilities of Five Sorafenib Salts	2021	International Journal of Molecular Sciences
2	Impact of Crystal Habit on the Dissolution Rate and In Vivo Pharmacokinetics of Sorafenib Tosylate	2021	Molecules
3	Enhanced antitumour effect for hepatocellular carcinoma in the advanced stage using a cyclodextrin-sorafenib-chaperoned inclusion complex	2019	Biomaterials Science
4	Isomorphous Crystals Formed by the Similar Supramolecular Motifs in Sorafenib Hydrochloride and Regorafenib Hydrochloride Salts	2019	Crystals
5	HClO-Activated Fluorescence and Photosensitization from an AIE Nanoprobe for Image-Guided Bacterial Ablation in Phagocytes	2020	Advanced materials

6	Cyclodextrin-based host-guest complexes loaded with regorafenib for colorectal cancer treatment	2021	Nature communications
---	---	------	-----------------------

3. Các sách phục vụ đào tạo đã xuất bản

Stt	Tên sách	Loại sách	Mã số ISBN	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Trách nhiệm tham gia
1	Một số phương pháp phân tích vật lý và hóa lý	Sách tham khảo phục vụ giảng dạy, học tập	978-604-80-5353-6	2021	Nhà xuất bản thông tin và truyền thông	Chủ biên

Tr Xác nhận của cơ quan quản lý



PGS.TS. PHAN QUÍ TRÀ

Đà Nẵng, ngày 2 tháng 03 năm 2023

Người kê khai

Phan Chi Uyen



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Số: 183 /TCCB

Mẫu số 1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 01 năm 2009

BẢN SAO

HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC LẦN ĐẦU

Căn cứ Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước và Nghị định số 121/2006/NĐ-CP ngày 23/10/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP.

Căn cứ Quyết định số... /TCCB, ngày... tháng... năm 200... của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc công nhận kết quả tuyển dụng ông/bà Phan Chi Uyên.....

Chúng tôi, một bên là Ông: **TĂNG TẤN CHIẾN**

Chức vụ: **Trưởng Ban Tổ chức Cán bộ**

Đại diện cho (1): **Đại học Đà Nẵng**

Địa chỉ: **41 Lê Duẩn - Thành phố Đà Nẵng**. Điện thoại: **840989**

Và một bên là Ông/Bà: Phan Chi Uyên

Sinh ngày 22 tháng 06 năm 1985 tại An Khê - Thanh Khê - Đà Nẵng

Nghề nghiệp: Viên chức

Địa chỉ thường trú tại: Tổ 43 - Đông Xuân - An Khê - Thanh Khê - Đà Nẵng

Số CMTND: 201 526 960

Cấp ngày 25 tháng 3 năm 2003 tại Công an Thành phố Đà Nẵng

Thỏa thuận ký kết Hợp đồng làm việc lần đầu và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1. Thời hạn và nhiệm vụ hợp đồng

- Thời gian thực hiện hợp đồng (2): giả hạn

- Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 đến ngày 01 tháng 4 năm 2009

- Địa điểm làm việc (3): Khoa Công nghệ Hóa học, Trường Cao đẳng Công nghệ, Đại học Đà Nẵng

- Chức danh chuyên môn:

- Nhiệm vụ (4): Giảng dạy



Điều 2. Chế độ làm việc:

- Thời giờ làm việc (5): 8 giờ / ngày
- Được trang bị những phương tiện làm việc gồm: *tư túc phương tiện*

Điều 3. Nghĩa vụ và quyền lợi của người ký hợp đồng làm việc lần đầu

1. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những nhiệm vụ đã cam kết trong Hợp đồng.
- Chấp hành nội quy, quy chế của đơn vị, kỷ luật làm việc và các quy định của Pháp lệnh cán bộ, công chức.
- Chấp hành việc xử lý kỷ luật và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

2. Quyền lợi:

- Được hưởng các quyền lợi quy định tại Pháp lệnh cán bộ, công chức.
- Phương tiện đi lại làm việc (6): **Tư túc**
- Thử việc của ngạch (mã số) (7): *15111*, Bắc *1*, Hệ số lương: *857 x 234*
- Phụ cấp (nếu có) gồm (8):
được trả *1* lần vào các ngày *Thay* hàng tháng.
- Khoản trả ngoài lương:
- Được trang bị bảo hộ khi làm việc (nếu có) gồm: *Theo chế độ chung của Nhà nước.*
- Số ngày nghỉ hàng năm được hưởng lương (nghỉ lễ, phép, việc riêng): *Theo khoản 1 điều 9 pháp lệnh cán bộ, công chức.*
- Bảo hiểm xã hội (9): *Theo Luật BHXH và Nghị định số 152/2006/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn một số điều về Luật BHXH*
- Bảo hiểm y tế: *Theo Nghị định 63/2005 NĐ-CP về Điều lệ BHYT*
- Được hưởng các phúc lợi: *Theo qui định của Đại học Đà Nẵng*
- Được các khoản thưởng, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện nhiệm vụ hợp tác khoa học, công nghệ với các đơn vị trong hoặc ngoài nước theo quy định của pháp luật (10):
Theo chế độ Đại học Đà Nẵng
- Được hưởng chế độ thôi việc, trợ cấp thôi việc, bồi thường theo quy định của Pháp lệnh cán bộ, công chức.

- Có quyền đề xuất, khiếu nại, thay đổi, đề nghị chấm dứt Hợp đồng theo quy định của pháp luật.

- Những thỏa thuận khác (11):

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền hạn của Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong Hợp đồng làm việc lần đầu.

- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi của người ký hợp đồng làm việc lần đầu.

2. Quyền hạn:

- Điều hành người ký hợp đồng làm việc lần đầu hoàn thành nhiệm vụ theo hợp đồng. (Bố trí, điều động, tạm đình chỉ công tác...)

- Chấm dứt hợp đồng, kỷ luật người ký hợp đồng làm việc lần đầu theo quy định của Pháp lệnh cán bộ, công chức.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Hợp đồng này làm thành hai bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2009

Hợp đồng này làm tại: Đại học Đà Nẵng, ngày 2 tháng 1 năm 2009.

Người ký hợp đồng
làm việc lần đầu

(Ký tên)

Ghi rõ Họ và Tên

Uyen

Phan Chi Uyen

Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi rõ Họ và Tên

CHỨNG THỰC

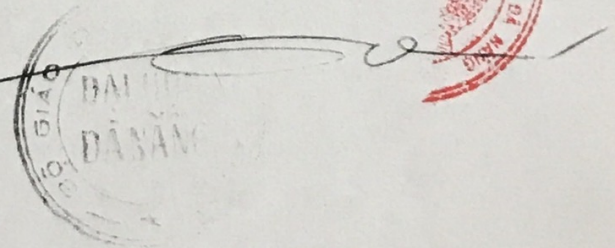
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số: 916 Quyền số: 03

Ngày: 12-03-2015



TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC - CÁN BỘ



TS. TĂNG TÂN CHIẾN

Lê Thị Thanh

Mẫu số 1 (Ban hành theo Thông tư số 10/2004/TT-BNV ngày 19/02/2004 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước).

BẢN SAO

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2021

CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CÔNG NHẬN

Văn bằng số: 1033522020501021 Ngày cấp: 30/6/2020

Do: Trường Đại học Chiết Giang, Trung Quốc

Cấp cho: Phan Chi Uyên

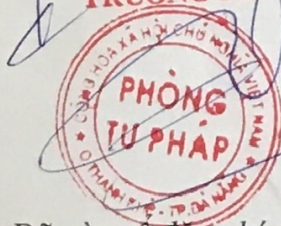
Ngày sinh: 22 tháng 6 năm 1985

Nơi sinh: Đà Nẵng

Là bằng tốt nghiệp: Tiến sĩ

Đã đăng ký tại Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 12 tháng 4 năm 2021

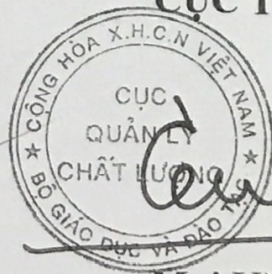
CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số: 033925.....quyển số...../SCT/BS
Ngày: 05-04-2021
TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP



Trương Văn Thống

Đã vào sổ đăng ký số..019.053/CNVB_TS

CỤC TRƯỞNG



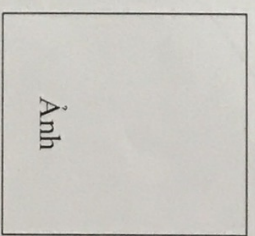
Mai Văn Trinh



BẢN DỊCH

**ĐẠI HỌC CHIẾT GIANG
BẰNG HỌC VỊ TIẾN SỸ**

PHAN CHI UYÊN, nữ, sinh ngày 22 tháng 06 năm 1985. Đã hoàn thành chương trình đào tạo nghiên cứu sinh tiến sỹ chuyên ngành **Hóa học**, và được cấp học vị tiến sỹ khoa học tự nhiên.



Ngày 30 tháng 06, năm 2020

HIỆU TRƯỞNG
(đã ký và đóng dấu)
Ngô Triều Huy

Mã số chứng nhận: 103352202051021

94
PH
CH
T

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

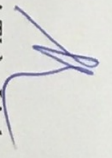
Hôm nay, Ngày 02 tháng 03 năm 2021 (Ngày mùng hai tháng ba năm hai nghìn không trăm hai mốt) Tại Văn phòng công chứng Hoàng Bích Diệp; Địa chỉ: Số 22, ngõ 173 đường Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Tôi, Hoàng Thị Bích Diệp, công chứng viên Văn phòng công chứng Hoàng Bích Diệp, thành phố Hà Nội.

CHỨNG NHẬN:

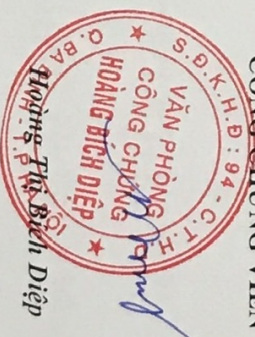
- Bản dịch này do bà Nguyễn Thị Thùy Linh, công tác viên phiên dịch của Văn phòng công chứng Hoàng Bích Diệp, thành phố Hà Nội dịch từ tiếng Trung sang tiếng Việt;
 - Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Nguyễn Thị Thùy Linh;
 - Nội dung bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
 - Bản dịch gồm tờ, trang, lưu một bản tại Văn phòng công chứng Hoàng Bích Diệp, thành phố Hà Nội.
- Số công chứng , Quyển số 01/TP/CC-SCC/BD.

NGƯỜI DỊCH

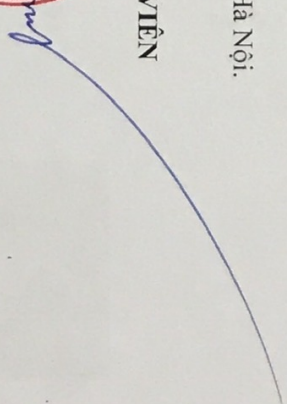
Nguyễn Thị Thùy Linh



CÔNG CHỨNG VIÊN



Hoàng Thị Bích Diệp



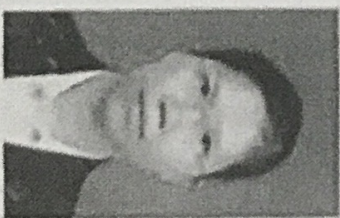
浙江大學



博士学位证书

PHAN CHI UYEN, 女, 1985年06月22日生。

在我校完成了化学专业博士学位培养计划, 授予理学博士学位。



校长

吴朝晖



证书编号: 1033522020501021

二〇二〇年六月三十日

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: **VÕ VĂN QUÂN** Giới tính: Nam
Năm sinh: 00/00/1980 Nơi sinh: Quảng Trị
Quê quán: Quảng Trị Dân tộc: Kinh
Học vị cao nhất: Tiến sĩ Năm: 2014, nước: Úc
Chức vụ (hiện tại hoặc trước khi nghỉ hưu): Giảng viên chính
Đơn vị công tác: Khoa Công nghệ Hóa học - Môi trường; Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật
Địa chỉ liên hệ: Khoa Công nghệ Hóa học-Môi trường
Mobile: 0913446345
Email: vvquan@ute.udn.vn; vovanquan1980@gmail.com

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính quy Nơi đào tạo: Quy Nhơn, Bình Định

Ngành học: Sư phạm Hóa Nước đào tạo: Việt Nam Năm tốt nghiệp: 2002

2. Ngoại ngữ: Tiếng Anh

3. Sau đại học:

- Thạc sĩ chuyên ngành: Hóa hữu cơ Năm cấp bằng: 2006

- Nơi đào tạo: Đại học Sư phạm Huế

- Tiến sĩ chuyên ngành: Hóa học (Chemistry) Năm cấp bằng: 2014

- Nơi đào tạo: Đại học La Trobe, Australia

Tên luận án: Synthesis and analysis of glucosinolates

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Từ 03/2020-Nay: Giảng viên chính, Khoa Công nghệ Hóa học - Môi Trường, Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật- Đại học Đà Nẵng.

Từ 2017-Nay: Giảng viên chính thỉnh giảng (Adjunct Senior Lecturer, Chemistry), Khoa Hóa học và Vật lý, Đại học La Trobe, Vic 3086, Úc.

Từ 2003-đến 02/2020: Giảng viên Khoa Tự nhiên, Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị.

Từ 2002-2003: Giảng viên, Khoa Hóa-Trường Đại học Sư Phạm Quy Nhơn (Đại học Quy Nhơn)

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

4. Các công trình khoa học đã và đang tham gia

T T	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Nghiên cứu đồng thời hoạt tính và khả năng chống oxy hóa của các hợp chất hữu cơ chứa các liên kết O-H, N-H hoặc S-H bằng phương pháp hóa tính toán (Nafosted)	2022	Đề tài cấp Nhà nước	Tham gia
2	Nghiên cứu hoạt tính chống oxy hóa của các hợp chất thơm chứa liên kết X-H (X = C, N, O, S) bằng phương pháp tính toán lượng tử	2022	Đề tài cấp Bộ	Chủ nhiệm
3	Thiết kế và nghiên cứu hoạt tính kháng oxy hóa của các hợp chất thơm chứa liên kết X-H (X = N, O, S) bằng phương pháp hóa tính toán (Nafosted)	2021	Đề tài cấp Nhà nước	Chủ nhiệm
4	Nghiên cứu lý thuyết về hoạt tính chống oxy hóa của các hợp chất nano sinh học lai hóa từ nanocarbon và polyphenol (Nafosted).	2020	Đề tài cấp Nhà nước	Tham gia
5	Nghiên cứu tái chế chai nhựa PET phế thải thành PET dạng vảy làm nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp	2017	Đề tài cấp cơ sở	Chủ nhiệm
6	Tổng hợp, nghiên cứu cấu trúc và hoạt tính kháng viêm của Glucosinolates	2014	Đề tài cấp cơ sở	Chủ nhiệm
7	Biên soạn Giáo trình: Đồ dùng, thiết bị dạy học môn Hóa học	2009	Đề tài cấp cơ sở	Chủ nhiệm

5. Các công trình khoa học đã công bố:

T T	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Reactions of nicotine and the hydroxyl radical in the environment: Theoretical insights into the mechanism, kinetics and products	2023	Chemosphere

2	The radical scavenging activity of glycozolidol in physiological environments: a quantum chemical study	2022	RSC Advances (The Royal Society of Chemistry)
3	Large-Scale Synthesis of Nanosilica from Silica Sand for Plant Stimulant Applications	2022	ACS Omega (ACS Publications - American Chemical Society)
4	Assessment of the free radical scavenging potential of cannabidiol under physiological conditions: Theoretical and experimental investigation	2022	Journal of Molecular Liquids
5	Insights on the kinetics and mechanisms of the peroxy radical scavenging capacity of caftaric acid: the important role of the acid–base equilibrium	2022	New Journal of Chemistry
6	Oxoberberine: a promising natural antioxidant in physiological environments	2022	RSC Advances (The Royal Society of Chemistry)
7	Calculating bond dissociation energies of X–H (X= C, N, O, S) bonds of aromatic systems via density functional theory: a detailed comparison of methods	2022	Royal Society Open Science
8	The hydroperoxyl antiradical activity of natural hydroxycinnamic acid derivatives in physiological environments: the effects of pH values on rate constants	2022	RSC Advances (The Royal Society of Chemistry)
9	7-O-Galloyltricetifavan: a promising natural radical scavenger	2022	Royal Society Open Science
10	Theoretical insights into the antiradical activity and copper catalysed oxidative damage of mexidol in the physiological environment	2022	Royal Society Open Science
11	The Mechanisms and Kinetics of Radical Scavenging Activity of Edaravone: A Computational Insight	2022	VNU Journal of Science: Natural Sciences and Technology
12	Synthesis and evaluation of the antioxidant activity of 3-pyrroline-2-ones: experimental and theoretical insights	2022	RSC Advances (The Royal Society of Chemistry)
13	Tautomerism and antioxidant power of sulfur-	2022	Journal of Molecular

	benzo [h] quinoline: DFT and molecular docking studies		Liquids
14	In silico screening of potential β - secretase (BACE1) inhibitors from VIETHERB database	2022	Journal of Molecular Modeling
15	A Potent Antioxidant Sesquiterpene, Abelsaginol, from <i>Abelmoschus sagittifolius</i> : Experimental and Theoretical Insights	2022	ACS Omega (ACS Publications - American Chemical Society)
16	The hydroperoxyl radical scavenging activity of natural hydroxybenzoic acids in oil and aqueous environments: Insights into the mechanism and kinetics	2022	Phytochemistry (Journal - Elsevier)
17	Mechanistic and Kinetic Studies of the Radical Scavenging Activity of 5- <i>O</i> -Methylnorbergenin: Theoretical and Experimental Insights	2022	The Journal of Physical Chemistry B
18	The radical scavenging activity of monosubstituted iminostilbenes: Theoretical insights	2021	Chemical Physics Letters
19	The radical scavenging activity of abietane diterpenoids: Theoretical insights	2021	Journal of Molecular Graphics and Modelling
20	Another look at reactions of 4-hydroxycoumarin with hydroxyl radical in the environment: Deprotonation and diffusion effects	2021	New Journal of Chemistry
21	The hydroperoxyl and superoxide anion radical scavenging activity of anthocyanidins in physiological environments: Theoretical insights into mechanisms and kinetics	2021	Phytochemistry (Journal - Elsevier)
22	The Radical Scavenging Activity of Muriolide in Physiological Environments: Mechanistic and kinetic insights into Double Processes	2021	SC Advances (The Royal Society of Chemistry)
23	Antioxidant Activity of Natural Samwirin A: Theoretical and Experimental Insights	2021	ACS Omega (ACS Publications - American Chemical Society)
24	Mechanistic and kinetic studies of the radical scavenging activity of natural abietanes: A theoretical insight	2021	Chemical Physics Letters
25	Radical Scavenging Activity of Natural Anthraquinones: a Theoretical Insight	2021	ACS Omega (ACS Publications - American Chemical Society)

26	The Hydroperoxyl Radical Scavenging Activity of Sulfuretin: Insights from Theory	2021	Royal Society Open Science
27	Insights into the mechanisms and kinetics of the hydroperoxyl radical scavenging activity of Artepillin C	2021	New Journal of Chemistry
28	Is natural fraxin an overlooked radical scavenger?	2021	RSC Advances (The Royal Society of Chemistry)
29	Modelling the mechanism and kinetics of the radical scavenging activity of iminostilbene	2021	Polymer Degradation and Stability
30	Phenolic contents and antioxidant activity of <i>Helicteres hirsuta</i> extracts	2020	Letters in Organic Chemistry
31	Coumarin-Based Dual Chemosensor for Colorimetric and Fluorescent Detection of Cu ²⁺ in Water Media	2020	ACS Omega (ACS Publications - American Chemical Society)
32	Functionalization and Antioxidant Activity of Polyaniline-fullerene Hybrid Nanomaterials: A Theoretical Investigation	2020	RSC Advances (The Royal Society of Chemistry)
33	Chemical constituents from ethyl acetate extract of the stems of <i>Rourea oligophlebia</i> Merr.	2020	Vietnam Journal of Chemistry
34	Substituent effects on the antioxidant capacity of monosubstituted diphenylamines: A DFT Study	2020	Vietnam Journal of Chemistry
35	Theoretical and Experimental Studies of the Antioxidant and Antinitrosant Activity of Syringic Acid	2020	The Journal of Organic Chemistry
36	A Coumarin derivative-Cu ²⁺ complex-based fluorescent chemosensor for detection of biothiols	2020	RSC Advance
37	Substituent effects on the antioxidant activity of monosubstituted 3, 3'- diindolylmethane: a dft study	2019	UED Journal of Social Sciences, Humanities and Education
38	Insights into the cooperativity between multiple interactions of dimethyl sulfoxide with carbon dioxide and water	2019	J. Comput. Chem.
39	Theoretical Study for Exploring the Diglycoside Substituent Effect on the Antioxidative Capability of Isorhamnetin Extracted from <i>Anoectochilus Roxburghii</i>	2019	ACS Omega (ACS Publications - American Chemical Society)
40	Synthesis of aromatic and indole alpha-glucosinolates	2018	Carbohydrate Research (ScienceDirect)

41	Effect of substituents on the N-H bond dissociation enthalpies and proton affinities of anions of diphenylamine derivatives: a DFT study using B3P86 functional	2018	Hue University Journal of Science
42	Isolation, quantification and antioxidant activity of extracts and compounds from the aerial parts of Archidendron Bauchei (Jack) I. Niels	2018	Letters in Organic Chemistry
43	Bond dissociation enthalpies in benzene derivatives and effect of substituents: an overview of density functional theory (B3LYP) based computational approach	2017	Vietnamese Journal of Chemistry, International Edition
44	Synthesis and Mass Spectrometry Analysis of Aromatic and Indole Glucosinolates	2016	Malaysian Journal of Chemistry
45	Synthesis of A-ring modified betulonic acid derivatives with biological activities	2016	Vietnam Journal of Chemistry
46	Synthesis and anti-inflammatory activity of indole glucosinolates	2014	Bioorg. Med. Chem.
47	Preparation and X-ray analysis of potassium (2,3-dichlorophenyl) glucosinolate	2014	Acta Crystallographica Section C: Crystal Structure
48	A total synthesis of (R,S)- Glucoraphanin	2013	Tetrahedron (ScienceDirect, Elsevier)
49	Synthesis and anti-inflammatory activity of aromatic Glucosinolates	2013	Bioorg. Med. Chem.

TL. **Xác nhận của cơ quan quản lý**



PGS.TS. PHAN QUÍ TRÀ

Đà Nẵng, ngày tháng 03 năm 2023

Người kê khai

Võ Văn Quân

BẢN DỊCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LA TROBE
AUSTRALIA

Theo thẩm quyền của Trường Đại Học La Trobe, Australia

CÔNG NHẬN

Ông **VÕ VĂN QUÂN**

Đã đáp ứng được những yêu cầu của khóa học và được nhận học vị

TIẾN SĨ

Được đóng dấu tại trường Đại học La Trobe vào ngày 19 tháng 03 năm 2014

Hiệu Trường

(đã ký)

Phó hiệu trưởng và Chủ tịch

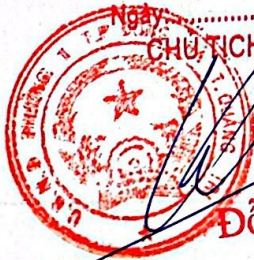
(đã ký)



Tôi, **Nguyễn Thị Xuân Lam**, Số CMND: 197327460
CTV Dịch thuật Phòng Tư Pháp TP Đông Hà, Tỉnh Quảng-Trị
xin chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của tất cả
nội dung trong bản dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt này.

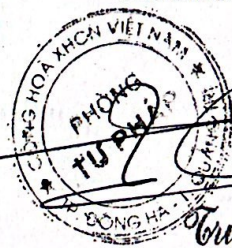
Chứng thực: Chữ ký người dịch là của
Bà: **Nguyễn Thị Xuân Lam**
Số...**181**.....Quyển số:..**02**..
Đông Hà, ngày..**8**...../**5**...../2014

Chữ Ký: *Đam*
Nguyễn Thị Xuân Lam
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
2040 02 SCT/BS
Ngày...**25-04-2017**.....
CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG 1



Đỗ Cao Thắng

TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP
Thanh Phố
TRƯỞNG Cảnh Phò



Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2017

CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CÔNG NHẬN

Văn bằng số:

Ngày cấp: 19/3/2014

Do:

Trường Đại học La Trobe, Australia

Cấp cho:

Võ Văn Quân

Ngày sinh:

07 tháng 11 năm 1980

Nơi sinh:

Quảng Trị

Là bằng tốt nghiệp:

Tiến sĩ

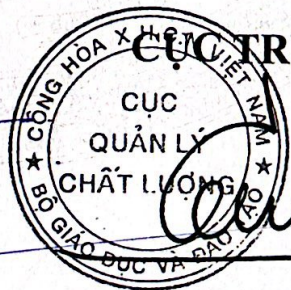
Đã đăng ký tại Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 25 tháng 10 năm 2017

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực.....5.081.....Quyển số.....02.....SCT/BS

Ngày:.....20-08-2018.....

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG PHƯƠNG 1



Nguyễn Khoa Hải

Mai Văn Trinh

Đã vào sổ đăng ký số...00.1433 / CMB - TS

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: MAI THỊ PHƯƠNG CHI Giới tính: Nữ
Năm sinh: ngày 21 tháng 12 năm 1984
Nơi sinh: Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Quê quán: Phường Hòa Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng
Đơn vị công tác: Khoa Công nghệ Hóa học-Môi trường, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng.
Chức vụ: Không
Tốt nghiệp ĐH chuyên ngành: Công nghệ Hóa học, Trường Đại học Bách Khoa, Đại học Đà Nẵng, năm 2007
Học vị: Thạc sĩ chuyên ngành Công nghệ Hóa học, Đại học Đà Nẵng, năm 2011
Lĩnh vực nghiên cứu: Vật liệu polymer, Vật liệu composite
Chức danh: Giảng viên
Ngoại ngữ: Tiếng Anh
Địa chỉ liên hệ: 61 Thanh Sơn, phường Thanh Bình, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Điện thoại: CQ: 0236.3519689 - Mobile: 0985 501 577
E-mail: mtpchi@ute.udn.vn
Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội), kể cả thời gian được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, ...
9/2002 đến 6/2007	Học Kỹ sư Công nghệ Hóa học tại Trường Đại học Bách Khoa - Đại học Đà Nẵng
10/2007 đến 8/2012	Cán bộ giảng dạy khoa Công nghệ Hóa học, trường Cao đẳng Công nghệ, Đại học Đà Nẵng
9/2012 đến 9/2015	Cán bộ giảng dạy, phụ trách phòng thí nghiệm Quá trình và thiết bị, khoa Công nghệ Hóa học, trường Cao đẳng Công nghệ, Đại học Đà Nẵng
10/2015 đến 11/2017	Cán bộ giảng dạy, Trưởng bộ môn Công nghệ Hóa học, khoa Công nghệ Hóa học, trường Cao đẳng Công nghệ, Đại học Đà Nẵng
08/2018 đến 12/2020	Cán bộ giảng dạy, phụ trách bộ môn Công nghệ Hóa học, khoa Công nghệ Hóa học-Môi trường, trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng

01/2021 đến nay	Cán bộ giảng dạy khoa Công nghệ Hóa học-Môi trường, trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng
-----------------	--

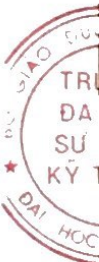
II. CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu đã tham gia

Stt	Tên đề tài	Năm bắt đầu - Năm nghiệm thu	Cấp đề tài (nhà nước, bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia	Kết quả
1	Nghiên cứu chế tạo, đánh giá độ bền và khả năng bảo vệ kim loại của vật liệu nanocompozit epoxy/ clay	01/2013 - 12/2013	Cấp trường	Chủ nhiệm	Tốt
2	Nghiên cứu chế tạo lưới cắt kim loại trên cơ sở nhựa nền Phenol formaldehyde-Rezolic tan trong cồn	01/2016 - 12/2016	Cấp trường	Chủ nhiệm	Tốt

2. Các bài báo khoa học đã công bố

Stt	Tên bài báo	Tên tạp chí đăng bài	Năm công bố	Trách nhiệm tham gia
1	Chế tạo và khảo sát tính chất của nanocompozit clay-epoxy	Tạp chí hóa học Việt Nam, ISSN 0866-7174	2013	Đồng tác giả
2	Nghiên cứu chế tạo, đánh giá độ bền và ứng dụng bảo vệ kim loại của vật liệu nanocompozit clay/epoxy	Tạp chí KH&CN Đại học Đà Nẵng, ISSN 1859-1531	2014	Tác giả chính
3	Khảo sát một số hoạt tính sinh học của dịch chiết rễ cây Mật nhân (<i>Eurycoma longifolia</i> Jack) thu hái ở vùng núi huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, ISSN 1859-4581	2020	Đồng tác giả
4	Tối ưu hóa một số điều kiện chiết thu nhận cao khô từ rễ cây mật nhân (<i>eurycoma longifolia</i>) trong dung môi ethanol để làm phụ gia trong sản xuất nước rau má mật nhân	Tạp chí KH&CN Đại học Đà Nẵng, ISSN 1859-1531	2020	Đồng tác giả
5	Phytochemical investigation of <i>Eurycoma longifolia</i> roots	Vietnam Journal of Chemistry (ESCI), ISSN: 2572-8288	2020	Đồng tác giả



	collected in Gia Lai province, Viet Nam			
6	Nghiên cứu ứng dụng cao chiết từ rễ cây mật nhân (eurycoma longifolia) trong sản xuất trà thảo mộc	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp Việt Nam, ISSN: 1859 - 1558	2020	Đồng tác giả
7	Optimisation of hydrolysis conditions for extraction of R-phycoerythrin from Gracilaria gracilis by enzyme polysaccharidase and response surface methodology	International Food Research Journal (SCIE,Q3), ISSN: 2231-7546	2020	Đồng tác giả
8	Treatment of Bamboo Fibres in Improving Mechanical Properties and Chemical Resistance of Unsaturated Poly Ester Composites	International Journal of Latest Engineering Research and Applications (IJLERA), ISSN: 2455-7137	2021	Tác giả chính
9	Application of Alcohol Soluble Phenol Formaldehyde Resin for Manufacturing Cut-off Wheel in Vietnam	International Journal of Latest Engineering Research and Applications (IJLERA), ISSN: 2455-7137	2021	Tác giả chính
10	Extraction and Preservation of Betacyanin pigment from the Peel of White Dragon Fruit (Hylocereus Undatus)	International Journal of Latest Research in Engineering and Management (IJLREM), ISSN: 2456-0766	2021	Tác giả chính
11	Extraction and Application Eurycoma Longifolia Jack Medicine Extracts from Eurycoma Longifolia Root in Ia-Grai District, Gia Lai Province, Viet Nam	International Journal of Latest Engineering Research and Applications (IJLERA), ISSN: 2455-7137	2021	Tác giả liên hệ

3. Các sách phục vụ đào tạo đã xuất bản

Stt	Tên sách	Loại sách	Mã số ISBN	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Trách nhiệm tham gia
1	Một số phương pháp phân tích vật lý và hóa lý	Sách tham khảo phục vụ	978-604-80-5353-6	2021	Nhà xuất bản thông tin và	Chủ biên



		giảng dạy, học tập			truyền thông	
2	Giáo trình Ăn mòn và bảo vệ kim loại	Giáo trình phục vụ giảng dạy, học tập	978- 604- 316- 423-9	2021	NXB Bách Khoa Hà Nội	Thành viên

7. Xác nhận của cơ quan quản lý



Đà Nẵng, ngày tháng 03 năm 2023

Người kê khai

Mai Thị Phương Chi



Số: 5563 /QĐ-TCCB

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 12 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tuyển dụng viên chức

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/04/1994 của Chính phủ về việc thành lập ĐHDN;
Căn cứ Quy chế tổ chức hoạt động của Đại học Đà Nẵng ban hành theo Quyết định số 2455/GĐ-ĐT ngày 21 tháng 06 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
Căn cứ Nghị định số 116/2003/NĐ-CP của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 10/2004/TT-BNV của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 116/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ;
Căn cứ Nghị định số 121/2006/NĐ-CP ngày 23/10/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ;
Căn cứ Quyết định số 3360/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 21 tháng 06 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý cho Đại học Thái Nguyên, Đại học Huế và Đại học Đà Nẵng;
Căn cứ Kết quả thi tuyển dụng viên chức tháng 11 năm 2007 và Kết luận của Hội đồng Tuyển dụng viên chức năm 2007;
Xét đề nghị của ông Trưởng ban Ban Tổ chức Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay tuyển dụng bà : **Mai Thị Phương Chi**, sinh năm : 1984, vào ngạch: **Giảng viên** (giảng dạy Đại học và Cao đẳng), mã ngạch viên chức : 15111.
Đơn vị công tác : Trường Cao đẳng Công nghệ.

Điều 2. Bà Mai Thị Phương Chi được hưởng lương và các khoản phụ cấp (nếu có) theo quy định của Nghị định 116/NĐ-CP, Nghị định 121/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan của Nhà nước.

Điều 3. Các ông Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban hữu quan của ĐHDN, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ và bà Mai Thị Phương Chi chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

BẢN SÁO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 07/11/2008
Quyển số: 61
UBND Phường THẠCH TRĂNG
Số: 112/NĐ-VP/ĐHĐN

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Nơi nhận:

- Như điều 3 Ban HẢI CHÂU - TP. Đà Nẵng
- Lưu TCCB, VP ĐHQG CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Thu

GIẢNG VIÊN VĂN GA

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE UNIVERSITY OF DANANG

This is to certify that

Mai Thi Phuong Chi
Born 21/12/1984 in *Da Nang*

having fulfilled the conditions prescribed by the
University is conferred the degree of
MASTER OF ENGINEERING



Degree Recognition and Award Decision

No : 789/QĐ-DHDN dated Feb 20, 2012

Degree No: 001561

Registration No: 16/2012/BK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
cấp

BẰNG THẠC SĨ
KỸ THUẬT

Chuyên ngành: Công nghệ Hóa học

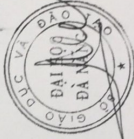
Cho **Mai Thi Phuong Chi**

Sinh ngày 21/12/1984 tại *Đà Nẵng*

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 2 năm 2012

Nguyễn Thị Thu

GIẶM ĐỐC



Mai Thi Phuong Chi

Quyết định công nhận học vị và cấp bằng

số : 789/QĐ-DHDN ngày 20.2.2012

Số hiệu bằng : 001561

Số vào sổ : 16/2012/BK

PGS.TS. TRẦN VĂN NAM

Stt	Tên đề tài	Năm bắt đầu- Năm nghiệm thu	Cấp đề tài (nhà nước, bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia	Kết quả
1	Nghiên cứu tổng hợp gồm cordierit làm vật liệu nền và định hướng chế tạo bộ xúc tác xử lý khí thải trong động cơ ô tô.	2017	Cấp trường	Chủ nhiệm	Tốt
2	Nghiên cứu xây dựng các bài thí nghiệm cơ bản về tính chất lý hóa của xi măng portland và vôi xây dựng	2010	Cấp trường	Chủ nhiệm	Đạt

2. Các bài báo khoa học đã công bố

Stt	Tên bài báo	Tên tạp chí đăng bài	Năm công bố	Trách nhiệm tham gia
1	Ultrasound as a green technique to enhance soil mineralization potential	Applying New Technology in Green Buildings (ATiGB)	2021	Đồng tác giả
2	Investigation of the relationship between bacteria growth and lipid production cultivating of microalgae <i>Chlorella vulgaris</i> in seafood wastewater	The Energy Journal	2019	Đồng tác giả
3	Nghiên cứu chế tạo gốm cordierit từ cao lanh Hiệp Tiến dùng cho bộ xúc tác chuyển hóa khí thải ô tô	Tạp chí hóa học	2017	Đồng tác giả
4	Recent advances in algae biodiesel production: From upstream cultivation to downstream processing	Bioresource Technology Reports	2019	Đồng tác giả

3. Các sách phục vụ đào tạo đã xuất bản

Stt	Tên sách	Loại sách	Mã số ISBN	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Trách nhiệm tham gia
1	Giáo trình Công nghệ Vi sinh thực phẩm	Giáo trình phục vụ giảng dạy, học tập	978-604-67-2271-7	2022	Khoa học và kỹ thuật	Thành viên

2	Giáo trình Ăn mòn và bảo vệ kim loại	Giáo trình phục vụ giảng dạy, học tập	978-604-316-423-9	2021	NXB Bách Khoa Hà Nội	Thành viên
---	--------------------------------------	---------------------------------------	-------------------	------	----------------------	------------

TL. Xác nhận của cơ quan quản lý



PGS.TS. PHAN QUÍ TRÀ

Đà Nẵng, ngày 22 tháng 03 năm 2023

Người kê khai

Nguyễn Thị Trung Chinh



Số: 4761/QĐ-ĐHĐN

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc chuyển và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp viên chức

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Căn cứ Quyết định số 3295/QĐ-ĐHĐN ngày 29/9/2017 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng ban hành quy định về xét chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 4409/QĐ-ĐHĐN ngày 20/12/2019 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc thành lập Hội đồng xét chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức đợt 2 năm 2019;

Căn cứ Biên bản ngày 30/12/2019 của Hội đồng xét chuyển chức danh nghề nghiệp viên chức đợt 2/2019;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Tổ chức Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chuyển chức danh nghề nghiệp đối với bà Nguyễn Thị Trung Chinh, Khoa Công nghệ Hóa học - Môi trường, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng từ Kỹ sư sang Giảng viên - nhiệm vụ giảng dạy thực hành và bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp Giảng viên (hạng III), mã số: V.07.01.03, xếp bậc: 4, hệ số lương: 3,33.

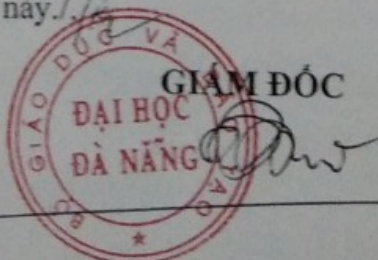
Thời gian xét nâng bậc lương lần sau được tính kể từ ngày 01/8/2018.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, trưởng các ban chức năng liên quan của Đại học Đà Nẵng, Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật và viên chức có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, TCCB.



PGS.TS. Nguyễn Ngọc Vũ

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

PRESIDENT OF
THE UNIVERSITY OF DANANG

confers

THE DEGREE OF MASTER
OF CHEMICAL TECHNOLOGY

Upon: **NGUYEN THI TRUNG CHINH**

Born on: **25 August 1984**

Given under the seal of **THE UNIVERSITY OF DANANG**



Serial number: **0007717**

Reference number: **5248/2015/BK**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIÁM ĐỐC
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

cấp

BẰNG THẠC SĨ

Chuyên ngành: **CÔNG NGHỆ HÓA HỌC**

Cho: **NGUYỄN THỊ TRUNG CHINH**

Sinh ngày: **25/08/1984**

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 05 năm 2015

GIÁM ĐỐC



[Handwritten signature]
GS. TS. TRẦN VĂN NAM

Số hiệu: **0007717**

Số vào sổ cấp bằng: **5248/2015/BK**

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: NGUYỄN HỒNG SƠN Giới tính: Nam
Năm sinh: 1981 Nơi sinh: Quảng Nam
Quê quán: Quảng Trị Dân tộc: Kinh
Học vị cao nhất: Thạc sĩ Năm: 2009, nước: Pháp
Chức vụ: Giảng viên, kiêm nhiệm công tác Thanh tra – Pháp chế Trường ĐHSPT, Đại học Đà Nẵng
Đơn vị công tác: Tổ Thanh tra – Pháp chế; Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật
Địa chỉ liên hệ: Tổ Thanh tra – Pháp chế
Điện thoại: 0982943319 Email: nhson@ute.udn.vn; hongson.iut@gmail.com

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

Đại học:
Hệ đào tạo: Chính quy Nơi đào tạo: Trường Đại học Bách Khoa, Đại học Đà Nẵng
Ngành học: Công nghệ lọc – hóa dầu và khí, năm 2005
Ngoại ngữ: Tiếng Anh, Tiếng Pháp
Sau đại học:

- Thạc sĩ chuyên ngành: Vật liệu hữu cơ cấu trúc nano và độ bền vững. Năm cấp bằng: 2008. Nơi đào tạo: Đại học Toulon (Cộng hòa Pháp) hợp tác với Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

2019 – nay Giảng viên kiêm nhiệm Tổ trưởng Tổ Thanh tra – Pháp chế Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng;
2017 – 2019 Giảng viên kiêm nhiệm Bí thư Đoàn TNCS HCM Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng;
2014 – 2017 Giảng viên – Khoa Công nghệ Hóa học, Trường Cao đẳng Công nghệ (nay là Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật) thuộc Đại học Đà Nẵng;
2012 – 2014 Làm Nghiên cứu sinh tại Đại học Toulon, Cộng hòa Pháp;
2009 – 2011 Giảng viên – Khoa Công nghệ Hóa học, Trường Cao đẳng Công nghệ (nay là Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật) thuộc Đại học Đà Nẵng;
2008 – 2009 Học và Tốt nghiệp Thạc sĩ, ngành Vật liệu hữu cơ cấu trúc nano và độ bền vững, Đại học Toulon, Cộng hòa Pháp;



2006 – 2008 Giảng viên – Khoa Công nghệ Hóa học, Trường Cao đẳng Công nghệ (nay là Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật) thuộc Đại học Đà Nẵng;

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các công trình khoa học đã và đang tham gia

T T	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Nghiên cứu khả năng ức chế ăn mòn thép CT3 trong môi trường axit của các hợp chất 2-Benzoyl-N-Phenylhydrazin Cacbothioamid thế. Mã số T2010-06-04	2010	Đề tài cấp cơ sở	Chủ nhiệm
2	Ăn mòn và bảo vệ kim loại. Chủ biên: Nguyễn Hồng Sơn. Đồng tác giả: Mai Thị Phương Chi; Nguyễn Thị Trung Chinh; Mã số ISBN: 978-604-316-432-9 đã được xuất bản Tiếng Việt bởi NXB Bách Khoa Hà Nội.	2021	Giáo trình đã xuất bản	Chủ biên
3	Một số phương pháp phân tích vật lý và hóa lý. Chủ biên: Mai Thị Phương Chi. Đồng tác giả: Phan Chi Uyên, Nguyễn Hồng Sơn, Nguyễn Hữu Phước Trang, Trần Thị Ngọc Linh, Võ Khánh Hà. Mã số ISBN: 978-604-80-5353-6 đã được xuất bản bằng Tiếng Việt bởi NXB Thông tin và Truyền thông	2021	Sách tham khảo	Đồng tác giả



2. Các công trình khoa học đã công bố:

T T	Tên công trình	Năm công bố	Tên tạp chí
1	Nghiên cứu thay thế một số chất trong sơn móng tay không màu. Tác giả: Nguyễn Hồng Sơn,	2019	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Đà Nẵng. Mã ISSN 1859-1531, số 1(134) 2019, Quyển 2

2	Modelling drying kinetic of oyster mushroom dehydration - The optimization of drying conditions for dehydration of Pleurotus species. Tác giả: Trần Thị Ngọc Thư, Kuan Shiong Khoo, Kit Wayne Chew, Phan Quý Trà, Nguyễn Hồng Sơn.	2020	Materials Science for Energy Technologies 3 (2020) 840-845.
3	Preparation and crystal structure of sorafenib sulfate monohydrate. Tác giả: Phan Chi Uyên, Huỳnh Ngọc Bích, Nguyễn Hồng Sơn. Mã số ISBN: 978-1-7281-8658-0,	2020	2020 Applying New Technology in Green Buildings (AtiGB).

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 3 năm 2023

TL. Xác nhận của cơ quan



PGS.TS. PHAN QUÍ TRÀ

Người khai ký tên

Nguyễn Hồng Sơn



Số: 1836/QĐ-ĐHĐN-TCCB

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 5 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bổ nhiệm ngạch viên chức

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04-04-1994 của Chính phủ về việc thành lập ĐH Đà Nẵng;

Căn cứ Quy chế tổ chức hoạt động của Đại học Đà Nẵng ban hành theo Quyết định số 2455/GD-ĐT ngày 21-06-1996 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 3360/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 21-06-2005 của BGD và ĐT về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý cho Đại học Thái Nguyên, Đại học Huế và Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị định 116/2003/NĐ-CP ngày 10-10-2003 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 10/2004/TT-BNV ngày 19-02-2004 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 116/2003/NĐ-CP ngày 10-10-2003 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định 121/2006/NĐ-CP ngày 23-10-2006 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 116/2003/NĐ-CP ngày 10-10-2003 của Chính phủ;

Căn cứ quá trình công tác của ông Nguyễn Hồng Sơn và ý kiến đề nghị bổ nhiệm ngạch của ông Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ;

Xét đề nghị của ông Trưởng ban Ban Tổ chức Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay bổ nhiệm ngạch **Giảng viên**, mã ngạch viên chức : **15.111**, và xếp hệ số lương cho :

Ông : **Nguyễn Hồng Sơn**

Đơn vị : **Khoa Công nghệ Hóa học Trường Cao đẳng Công nghệ**

Bậc lương : **1/9** , hệ số lương : **2,34**

Thời gian tính nâng bậc lương lần sau kể từ ngày : **01/04/2008**.

Điều 2. Các ông Chánh Văn phòng Đại học Đà Nẵng, Trưởng các Ban hữu quan của ĐHĐN, Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ và viên chức có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Nơi nhận :

- Như điều 2;
- Lưu: Ban TCCB, VP.



GS.TSKH. BÙI VĂN GA

Ministère de l'Enseignement Supérieur et de la Recherche
UNIVERSITÉ DE TOULON

BẢN SAO

MASTER

- Vu le Code de l'éducation ;
- Vu le décret n° 84-573 du 5 juillet 1984 modifié relatif aux diplômes nationaux de l'enseignement supérieur ;
- Vu le décret n° 99-747 du 30 août 1999 modifié relatif à la création du grade de master ;
- Vu le décret n° 2002-481 du 8 avril 2002 relatif aux grades et aux titres universitaires et aux diplômes nationaux ;
- Vu le décret n° 2002-590 du 24 avril 2002 pris pour l'application du premier alinéa de l'article L. 613.3 et de l'article L. 613-4 du code de l'éducation et relatif à la validation des acquis de l'expérience par les établissements d'enseignement supérieur ;
- Vu le décret n° 2005-450 du 11 mai 2005 relatif à la délivrance de diplômes en partenariat international ;
- Vu les textes réglementaires autorisant l'établissement étranger à délivrer le diplôme ;
- Vu l'arrêté du 25 avril 2002 relatif au diplôme national de master ;
- Vu l'avis conforme du ministère ;

Vu l'arrêté ministériel du 7 novembre 2008 relatif à l'habilitation de l'Université de Toulon à délivrer des diplômes nationaux ;
 Vu les pièces justificatives produites par M. NGUYEN HONG SON né le 29 Octobre 1981 à QUANG NAM (VIETNAM), en vue de son inscription au master ;
 Vu les procès-verbaux du jury attestant que l'intéressé a satisfait au contrôle des connaissances et des aptitudes prévu par les textes réglementaires ;

Le diplôme de **MASTER SCIENCES, TECHNOLOGIES, SANTE, à finalité RECHERCHE**, Mention **CHIMIE ET MATERIAUX**, spécialité **MATERIAUX ORGANIQUES, NANOSTRUCTURES ET DURABILITE**
mention passable

est délivré à **M. NGUYEN HONG SON**

au titre de l'année universitaire 2008-2009

et confère le **grade de master**,
 pour en jouir avec les droits et prérogatives qui y sont attachés.

Fait à Nice, le 1 avril 2010

Le titulaire

P. Nouri thuy

L'Administrateur Provisoire

FRAN CONG MINH



VAN PHONG CONG CHUNG TRAN CONG MINH
 CONG CHUNG VIEN

Le Recteur d'Académie,
 Chancelier des universités

Christian Nique



Christian NIQUE

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: HUỖNH NGỌC BÍCH Giới tính: Nữ
Năm sinh: 26/12/1988
Nơi sinh: Đà Nẵng
Quê quán: Hòa Xuân, Cẩm Lệ, Đà Nẵng
Đơn vị công tác: Khoa Công nghệ Hóa học-Môi trường, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng.
Chức vụ: Không
Tốt nghiệp ĐH chuyên ngành: Sư phạm Hóa học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng, năm 2010
Học vị: Thạc sĩ chuyên ngành Hóa hữu cơ, Đại học Đà Nẵng, năm 2014

Lĩnh vực nghiên cứu: Chiết tách, phân tích thành phần hợp chất thiên nhiên

Chức danh: Giảng viên

Ngoại ngữ: Tiếng Anh

Địa chỉ liên hệ: 111 Tiểu La, phường Hòa Cường Bắc, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Điện thoại: CQ: 0236.3519689 - Mobile: 0915.261.288

E-mail: hnbich@ute.udn.vn

Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội), kể cả thời gian được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, ...
10/2010 đến nay	Cán bộ giảng dạy khoa Công nghệ Hóa học-Môi trường, trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng

II. CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu đã tham gia

Stt	Tên đề tài	Năm bắt đầu - Năm nghiệm thu	Cấp đề tài (nhà nước, bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia	Kết quả
1	Nghiên cứu phân lập, xác định cấu trúc của axit hydroxycitric và các muối hydroxycitrat	01/2015 - 12/2015	Cấp trường	Chủ nhiệm	Tốt



2	Nghiên cứu nâng cao độ tan của sorafenib bằng phương pháp tạo muối và hình dạng tinh thể	1/2021-1/2022	Cấp ĐHĐN	Thành viên	Tốt
---	--	---------------	----------	------------	-----

2. Các bài báo khoa học đã công bố

Stt	Tên bài báo	Tên tạp chí đăng bài	Năm công bố	Trách nhiệm tham gia
1	Oxoberberine: a promising natural antioxidant in physiological environments. RSC advances 2022, 12 (16), 9738-9743	SCIE, Q1	2022	Đồng tác giả
2	The hydroperoxyl radical scavenging activity of natural hydroxybenzoic acids in oil and aqueous environments: Insights into the mechanism and kinetics. Phytochemistry 2022, 201, 113281	SCIE, Q1	2022	Đồng tác giả

3. Các sách phục vụ đào tạo đã xuất bản: không

TL Xác nhận của cơ quan quản lý



Đà Nẵng, ngày tháng 03 năm 2023
Người kê khai

Huỳnh Ngọc Bích



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6.294 /TCCB

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 11 năm 2011

HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC

Căn cứ Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước và Nghị định số 121/2006/NĐ-CP ngày 23/10/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP.

Căn cứ Quyết định số /TCCB, ngày tháng năm 200 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức.

Căn cứ công nhận đã hoàn thành thời gian thử việc.

Chúng tôi, một bên là Ông: **TẶNG TẤN CHIẾN**

Chức vụ: **Trưởng Ban Tổ chức Cán bộ**

Đại diện cho (1): **Đại học Đà Nẵng**

Địa chỉ: **41 Lê Duẩn - Thành phố Đà Nẵng**. Điện thoại: **840989**

Và một bên là Ông/Bà: Huỳnh Ngọc Bích

Sinh ngày 26 tháng 12 năm 1988 tại Đà Nẵng

Nghề nghiệp: Viên chức

Địa chỉ thường trú tại: 111 Tiểu La, Hoà Cường Bắc, Đà Nẵng

Số CMTND: 201 546 149

Cấp ngày 26 tháng 08 năm 2004 tại CA TP. Đà Nẵng

Thỏa thuận ký kết Hợp đồng làm việc và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1. Thời hạn và nhiệm vụ hợp đồng

- Loại hợp đồng làm việc (2): Thời hạn ba năm

- Từ ngày 01 tháng 10 năm 2011 đến ngày 31 tháng 10 năm 2014

- Địa điểm làm việc (3): Khoa Công nghệ Hoà học - Trường Cao đẳng Công nghệ ĐN

- Chức danh chuyên môn: Giảng viên - Cử nhân

- Chức vụ (nếu có):

- Nhiệm vụ (4): Giảng dạy

Điều 2. Chế độ làm việc:

- Thời giờ làm việc (5): Theo chế độ giao viên
- Được trang bị những phương tiện làm việc gồm:

Điều 3. Nghĩa vụ và quyền lợi của người ký hợp đồng làm việc

1. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những nhiệm vụ đã cam kết trong Hợp đồng làm việc.
- Chấp hành nội quy, quy chế của đơn vị, kỷ luật làm việc và các quy định của Pháp lệnh cán bộ, công chức.
- Chấp hành việc xử lý kỷ luật và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.
- Chấp hành việc điều động khi Đại học Đà Nẵng có nhu cầu.

2. Quyền lợi:

- Được hưởng các quyền lợi quy định tại Pháp lệnh cán bộ, công chức.
- Phương tiện đi lại làm việc (6): *Tự túc*
- Ngạch được bổ nhiệm (mã số) (7): 15 111, Bậc 1, Hệ số lương: 2,34
- Phụ cấp (nếu có) gồm (8):
được trả..... lần vào các ngày..... và ngày..... hàng tháng.
- Khoản trả ngoài lương:.....
- Được trang bị bảo hộ khi làm việc (nếu có) gồm: *Theo chế độ chung của Nhà nước.*
- Số ngày nghỉ hàng năm được hưởng lương (nghỉ lễ, phép, việc riêng): *Theo khoản 1 điều 9 pháp lệnh cán bộ công chức.*
- Bảo hiểm xã hội (9): *Theo Luật Bảo hiểm xã hội và Nghị định số 152/2006/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật BHXH*
- Bảo hiểm y tế: *Theo Nghị định 63/2005 NĐ-CP về Điều lệ bảo hiểm y tế*
- Được hưởng các phúc lợi: *Theo qui định của Đại học Đà Nẵng*
- Được các khoản thưởng, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện nhiệm vụ hợp tác khoa học, công nghệ với các đơn vị trong hoặc ngoài nước theo quy định của pháp luật (10): *Theo điều 11 Pháp lệnh cán bộ công chức.*
- Được hưởng chế độ thôi việc, trợ cấp thôi việc, bồi thường theo quy định của Pháp lệnh cán bộ, công chức.
- Có quyền đề xuất, khiếu nại, thay đổi, đề nghị chấm dứt Hợp đồng theo quy định của pháp luật.

- Những thỏa thuận khác (11):

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền hạn của Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong Hợp đồng làm việc.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi của người được tuyển dụng đã cam kết trong Hợp đồng làm việc.

2. Quyền hạn:

- Điều hành người được tuyển dụng hoàn thành công việc theo Hợp đồng. (Bố trí, điều động, tạm đình chỉ công tác...)
- Chấm dứt Hợp đồng làm việc, kỷ luật người được tuyển dụng theo quy định của Pháp lệnh cán bộ, công chức.

Điều 5. Điều khoản thi hành


- Những vấn đề về cán bộ, công chức không ghi trong hợp đồng làm việc này thực hiện theo quy định tại Pháp lệnh cán bộ, công chức.
- Hợp đồng này làm thành hai bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày ...01... tháng ...11... năm ...2011...

Hợp đồng này làm tại: **Đại học Đà Nẵng**, ngày ...26... tháng ...10... năm 2011.....

Người được tuyển dụng

(Ký tên)

Ghi rõ Họ và Tên


Huỳnh Ngọc Bích

Người đứng đầu

đơn vị sự nghiệp

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi rõ Họ và Tên

TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC-CÁN BỘ



PGS.TS TĂNG TẤN CHIẾN

Mẫu số 2 (Ban hành theo Thông tư số 10/2004/TT-BNV ngày 19/02/2004 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10/10/2003 của CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước).

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

PRESIDENT OF
THE UNIVERSITY OF DANANG

confers

**THE DEGREE OF MASTER
OF ORGANIC CHEMISTRY**

Upon: **HUYNH NGOC BICH**
Born on: **26 December 1988**

Given under the seal of **THE UNIVERSITY OF DANANG**



Serial number: **0007545**
Reference number: **5080/2014/SP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIÁM ĐỐC
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

cấp

BẰNG THẠC SĨ
Chuyên ngành: **HÓA HỮU CƠ**

Cho: **HUỲNH NGỌC BÍCH**
Sinh ngày: **26/12/1988**

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 12 năm 2014

GIÁM ĐỐC

* PGS.TS. TRẦN VĂN NAM

Số hiệu: **0007545**
Số vào sổ cấp bằng: **5080/2014/SP**

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: LÊ THỊ DỆU HƯƠNG Giới tính: Nữ
Năm sinh: ngày 08 tháng 08 năm 1985
Nơi sinh: Đức Giang, Long Biên, Tp. Hà Nội
Quê quán: Đức Giang, Long Biên, Tp. Hà Nội
Đơn vị công tác: Khoa Công nghệ Hóa học-Môi trường, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng.
Chức vụ: Không
Tốt nghiệp ĐH chuyên ngành: Công nghệ về sữa và các sản phẩm sữa, Trường Đại học Công nghệ sinh học ứng dụng quốc gia Matxcova, năm 2009
Học vị: Tiến sĩ chuyên ngành Công nghệ và thương phẩm các sản phẩm thực phẩm chức năng, sản phẩm thực phẩm xã hội, Đại học Công nghệ và quản lý quốc gia Matxcova mang tên K.T. Razumovskij, năm 2014
Lĩnh vực nghiên cứu: Công nghệ thực phẩm, phát triển sản phẩm mới.
Chức danh: Giảng viên
Ngoại ngữ: Tiếng Anh, tiếng Nga
Địa chỉ liên hệ: 1/64 Hoàng Văn Thái, Hòa Minh, Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng
Điện thoại: CQ: 0236.3519689 - Mobile: 0909674255
E-mail: ltdhuong@ute.udn.vn
Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội), kể cả thời gian được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, ...
11/2003 đến 6/2004	Học tiếng Nga dự bị Đại học tại trường Đại học hữu nghị các dân tộc, Matxcova, Liên bang Nga
09/2004 đến 6/2009	Học tại trường Đại học Công nghệ sinh học ứng dụng quốc gia Matxcova, Liên bang Nga.
9/2009 đến 3/2014	Tiến sĩ chuyên ngành Công nghệ và thương phẩm các sản phẩm thực phẩm chức năng, sản phẩm thực phẩm xã hội, Đại học Công nghệ và quản lý quốc gia Matxcova mang tên K.T. Razumovskij,
10/2015 đến 11/2017	Cán bộ giảng dạy, bộ môn Công nghệ Sinh học, khoa Công nghệ Hóa học, trường Cao đẳng Công nghệ, Đại học Đà Nẵng

12/2018 đến nay	Cán bộ giảng dạy khoa Công nghệ Hóa học-Môi trường, trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Đại học Đà Nẵng
-----------------	--

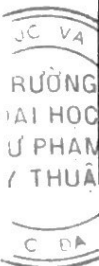
II. CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu đã tham gia

Stt	Tên đề tài	Năm bắt đầu - Năm nghiệm thu	Cấp đề tài (nhà nước, bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia	Kết quả
1	Khảo sát điều kiện nuôi trồng <i>spirulina</i> bằng nguồn nước suối tại đà nẵng	01/2017 - 12/2017	Cấp trường	Chủ nhiệm	Tốt

2. Các bài báo khoa học đã công bố

Stt	Tên bài báo	Tên tạp chí đăng bài	Năm công bố	Trách nhiệm tham gia
1	Замороженный десертповышенной пищевой ценности	Пищевая промышленность 6, 62-64	2013	Đồng tác giả
2	Сухой молокосодержащий продукт для школьного питания.	Молочная промышленность 5, 77-78	2013	Đồng tác giả
3	Продукт для школьного питания на молочной основе	Молочная промышленность 6, 76-77	2013	Đồng tác giả
4	Potential Cultivation of <i>Lactobacillus pentosus</i> from Human Breastmilk with Rapid Monitoring through the Spectrophotometer Method	Journal: Processes Volume 8, Issue 8, Pages 902, Publisher MDPI	2020	Đồng tác giả
5	Extraction of polysaccharidefrom <i>spirulina platensis</i> -advantage of freeze-thawmethod	Journal of Biotechnology 18 (Journal of Biotechnology18(4)), 693-699, 2020	2020	Đồng tác giả



6	Ultrasound as a green technique to enhance soil mineralization potential	2020 Applying New Technology in Green Buildings (ATiGB), 75-79	2021	Đồng tác giả
---	--	--	------	--------------

3. Các sách phục vụ đào tạo đã xuất bản

Stt	Tên sách	Loại sách	Mã số ISBN	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Trách nhiệm tham gia
1	Công nghệ sản xuất phân bón và thuốc bảo vệ thực vật	Giáo trình phục vụ giảng dạy, học tập	978-604-672-2717	2022	Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật	Thành viên
2	Công nghệ vi sinh thực phẩm	Giáo trình phục vụ giảng dạy, học tập	978-604-672-2717	2022	Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật	Thành viên

✓ Xác nhận của cơ quan quản lý
TRƯỜNG PHÒNG QL&H&HTQT



PGS.TS. PHAN QUÍ TRÀ

Đà Nẵng, ngày tháng 03 năm 2023
Người kê khai

Lê Thị Diệu Hương



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 40 /HDLV

Đà Nẵng, ngày 12 tháng 12 năm 2016

HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC XÁC ĐỊNH THỜI HẠN

(ban hành kèm theo Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ)

- Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25-12-2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

- Căn cứ Quyết định số: ngày/...../..... của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Công nghệ về việc phê duyệt kết quả tuyển dụng ông/bà

Chúng tôi, một bên là Ông/ Bà: P.B.S.T.S. PHAN CAO THO.....

Chức vụ: HIỆU TRƯỞNG.....

Đại diện cho (1): **Trường Cao đẳng Công nghệ**.....

Địa chỉ: **48 Cao Thắng, thành phố Đà Nẵng**.....

Điện thoại: 0511.394399 Fax: 05113.894884.....

Và một bên là Ông/ Bà: LÊ THỊ DIỆU HƯƠNG.....

Sinh ngày 08 tháng 08 năm 1985 tại HÀ NỘI.....

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ.....

Chuyên ngành đào tạo: Công nghệ thực phẩm - sinh học.....

Năm tốt nghiệp: 2014.....

Nghề nghiệp trước khi được tuyển dụng:

Địa chỉ thường trú tại: Đ.6/6.TĐ Ngõ Già Tù, Long Biên,.....

HÀ NỘI.....

Số chứng minh thư nhân dân: 001185 000385.....

Cấp ngày 18 tháng 06 năm 2013 tại HÀ NỘI.....

Thỏa thuận ký kết Hợp đồng làm việc và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1. Thời hạn và nhiệm vụ hợp đồng

- Thời hạn của Hợp đồng từ ngày ...1... tháng ...10... năm ...2016... đến ngày ...30... tháng ...09... năm ...2019...
- Thời gian thực hiện chế độ tập sự (nếu có) từ ngày tháng ... năm đến ngày tháng năm
- Địa điểm làm việc (2): Khoa Công Nghệ Học Học
- Chức danh chuyên môn: Giảng viên
- Chức vụ (nếu có):
- Nhiệm vụ (3) Giảng dạy và nghiên cứu khoa học

Điều 2. Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc (4): theo chế độ giảng viên
- Được trang bị những phương tiện làm việc gồm:

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của người được tuyển dụng

1. Quyền:

- Được hưởng các quyền quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14 và Điều 15 Luật Viên chức.

- Phương tiện đi lại làm việc (5): tự túc
- Chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm (mã số): V.07.01.03., Bậc: ...3...
Hệ số lương:
- Phụ cấp (nếu có) gồm (6):
được trả lần vào các ngày hàng tháng.
- Thời gian xét nâng bậc lương:
- Khoản trả ngoài lương
- Được trang bị bảo hộ khi làm việc (nếu có) gồm:
..... theo quy định của nhà nước
- Số ngày nghỉ hàng năm được hưởng lương (nghỉ lễ, phép, việc riêng):

- theo quy định của nhà nước
- Chế độ bảo hiểm (7): theo quy định của nhà nước
 - Được hưởng các phúc lợi: theo quy định của nhà nước
 - Được hưởng các khoản thưởng, nâng bậc lương, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện nhiệm vụ hợp tác khoa học, công nghệ với các đơn vị trong hoặc ngoài nước theo quy định của pháp luật (8): theo quy định của nhà nước
 - Được hưởng các chế độ thôi việc, trợ cấp thôi việc, bồi thường theo quy định của pháp luật về viên chức.
 - Có quyền đề xuất, khiếu nại, thay đổi, đề nghị chấm dứt Hợp đồng làm việc theo quy định của pháp luật.

- Những thỏa thuận khác (9) theo quy định của nhà nước

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành nhiệm vụ đã cam kết trong Hợp đồng làm việc.
- Chấp hành nội quy, quy chế của đơn vị, kỷ luật làm việc và các quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18 và Điều 19 Luật Viên chức.
- Chấp hành việc xử lý kỷ luật và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả theo quy định của pháp luật.
- Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền khi đơn vị sự nghiệp có nhu cầu.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp

1. Quyền:

- Bố trí, phân công nhiệm vụ, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của người được tuyển dụng.
- Chấm dứt Hợp đồng làm việc, kỷ luật người được tuyển dụng theo quy định của pháp luật về viên chức.

2. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong Hợp đồng làm việc.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ của người được tuyển dụng đã cam kết trong Hợp đồng làm việc.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Hợp đồng làm việc này có hiệu lực từ ngày ..01... tháng ..10... năm ..2016....

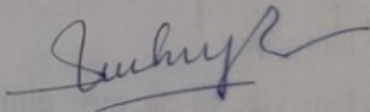
- Những vấn đề về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của hai bên không ghi trong Hợp đồng làm việc này thực hiện theo quy định của pháp luật về viên chức.

- Hợp đồng này làm thành 03 bản có giá trị ngang nhau, đơn vị sự nghiệp ký hợp đồng giữ 02 bản, viên chức được ký hợp đồng giữ 01 bản. Khi hai bên ký phụ lục Hợp đồng làm việc thì nội dung của phụ lục Hợp đồng làm việc cũng có giá trị như các nội dung của bản Hợp đồng làm việc này.

Hợp đồng này làm tại Tường Sơn..... ngày ..13... tháng ..10... năm ..2016....

NGƯỜI ĐƯỢC TUYỂN DỤNG

(Ký và ghi rõ họ và tên)



Lê Thị Diệu Hương

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. PHAN CAO THỌ

BẢN DỊCH



BẰNG TỐT NGHIỆP LÀ
GIẤY CHỨNG NHẬN
QUỐC GIA VỀ TRÌNH
ĐỘ ĐẠI HỌC

Số đăng bộ: 0420
Ngày 03.07.2009

LIÊN BANG NGA



THÀNH PHỐ MATXCÔVA

CƠ QUAN GIÁO DỤC NGHIỆP VỤ CAO CẤP QUỐC GIA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SINH HỌC
ỨNG DỤNG QUỐC GIA

BẰNG TỐT NGHIỆP

ДИС 0064996

*Theo Quyết định của Hội đồng thi Quốc gia
Ngày 17 tháng 06 năm 2009*

LÊ THỊ DIỆU HƯƠNG

**Được công nhận học vị
KỸ SƯ**

**CHUYÊN NGÀNH
CÔNG NGHỆ VỀ SỮA VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SỮA**

**Đại diện Hội đồng thi Quốc gia (đã ký)
Hiệu Trưởng (đã ký)**

(đã ký và đóng dấu)



**CHỨNG THỰC CỦA PHÒNG TƯ PHÁP
HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Tôi, Bùi Thị Diệu Thu, CMND số: 164136159, cấp ngày 09/03/2000, tại Công an tỉnh Ninh Bình, cam đoan đã dịch chính xác, phù hợp nội dung văn bản gốc đính kèm từ tiếng Nga sang tiếng Việt.

Ngày 22 tháng 10 năm 2014

NGƯỜI DỊCH

Tshu

Bùi Thị Diệu Thu

Chứng thực bà Bùi Thị Diệu Thu, CMND số: 164136159, cấp ngày 09/03/2000, tại Công an tỉnh Ninh Bình, đã ký trước mặt tôi. Tại phòng tư pháp Hoàng Mai – Thành phố Hà Nội

Số chứng thực: **40921** Quyền số: **19** SCT/CK

Ngày 22 tháng 10 năm 2014

PHÒNG TƯ PHÁP Q. HOÀNG MAI, TP HÀ NỘI



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Hải Linh

РОССИЙСКИЙ ФЕДЕРАЛЬНЫЙ

ГОСУДАРСТВЕННЫЙ УНИВЕРСИТЕТ

ТЕХНОЛОГИЧЕСКОЕ ОБРАЗОВАТЕЛЬНОЕ УЧРЕЖДЕНИЕ

ВЫСШЕГО ПРОФЕССИОНАЛЬНОГО ОБРАЗОВАНИЯ

МОСКОВСКИХ ПЕДАГОГИЧЕСКИХ УНИВЕРСИТЕТОВ

ПРИКЛАДНОЙ БИОТЕХНОЛОГИИ

ДИПЛОМ

ДИС. 0064996



Государственная экзаменационная комиссия

от 17 июня 2009 г.

ЛЕ ТХИ ДИЕН ХУОНГ

ПРИСУЖДЕНА

КВАЛИФИКАЦИЯ

ИНЖЕНЕР

ПО СПЕЦИАЛЬНОСТИ

ТЕХНОЛОГИЯ МОЛОКА И

МОЛОЧНЫХ ПРОДУКТОВ



Handwritten signature

ДИПЛОМ ЯВЛЯЕТСЯ
ГОСУДАРСТВЕННЫМ ДОКУМЕНТОМ
О ВЫСШЕМ ОБРАЗОВАНИИ

Регистрационный номер 0420 от 03 июня 2009 года



BỘ GIÁO DỤC VÀ KHOA HỌC LIÊN BANG NGA

Thành phố Matxcova, ngày 29 tháng 09 năm 2014.

QUYẾT ĐỊNH
Số 536/HK
Về việc cấp bằng tiến sĩ

Căn cứ điều 4, Quyết định số 842 ngày 24/9/2013 của chính phủ Liên bang Nga “Về trình tự phong tặng học vị” (dưới đây gọi là Quyết định của Chính phủ Liên bang Nga), căn cứ điều 7 “Quy định về việc phong tặng học vị” được phê duyệt theo Quyết định của chính phủ Liên bang Nga, theo “Trình tự lập, cấp bằng, bản sao bằng và đổi bằng Tiến sĩ khoa học, bằng Tiến sĩ”, được phê duyệt theo Quyết định số 37 ngày 24/01/2012 của Bộ Giáo dục và khoa học Liên bang Nga (được Bộ tư pháp Liên bang Nga đăng ký ngày 11/3/2012, số đăng ký № 23436), và trên cơ sở các quyết định của Hội đồng bảo vệ luận án tiến sĩ, tiến sĩ khoa học về việc phong tặng học hàm tiến sĩ,

quyết định:

1. Cấp Bằng Tiến sĩ cho các nghiên cứu sinh theo Phụ lục № 1-8 của Quyết định này.
2. Giao Phòng khảo thí các cán bộ khoa học và khoa học sư phạm (Siskanovaya I.A) đảm bảo:
 - Cấp bằng tiến sĩ cho các nghiên cứu sinh theo Phụ lục № 1-8 của Quyết định này.
 - Đăng tải Quyết định này trên trang website chính thức của Bộ Giáo dục và khoa học Liên bang Nga trong vòng 10 ngày kể từ ngày đăng ký.
3. Tôi sẽ đích thân kiểm tra việc thực hiện quyết định này.

Thứ trưởng Bộ giáo dục và khoa học
L.M. Ogorodova

PHỤ LỤC № 7
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ GIÁO DỤC
VÀ KHOA HỌC LIÊN BANG NGA

Ngày 29 tháng 09 năm 2014

Số : 536

DANH MỤC

Các nghiên cứu sinh được cấp bằng Tiến sĩ
(nhóm cán bộ khoa học chuyên ngành “Công nghệ thực phẩm”)

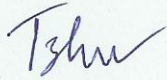
STT	Họ, tên, tên đệm Số hồ sơ	Tên hội đồng bảo vệ luận án cấp bằng tiến sĩ, cấp bằng tiến sĩ khoa học, công nhận học vị, ngày bảo vệ luận án, số Quyết định
	LÊ THỊ DIỆU HƯƠNG 13/6-1938 K 07.04.2014 Công dân Việt Nam	Hội đồng thuộc Trường Đại học công nghệ và quản lý Quốc gia Matxcova mang tên K.G. Razumovskij Ngày 14/3/2014 Số 1.

**CHỨNG THỰC CỦA PHÒNG TƯ PHÁP
HOÀNG MAI, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Tôi, Bùi Thị Diệu Thu, CMND số: 164136159, cấp ngày 09/03/2000, tại Công an tỉnh Ninh Bình, cam đoan đã dịch chính xác, phù hợp nội dung văn bản gốc đính kèm từ tiếng Nga sang tiếng Việt.

Ngày 22 tháng 10 năm 2014

NGƯỜI DỊCH



Bùi Thị Diệu Thu

Chứng thực bà Bùi Thị Diệu Thu, CMND số: 164136159, cấp ngày 09/03/2000, tại Công an tỉnh Ninh Bình, đã ký trước mặt tôi. Tại phòng tư pháp Hoàng Mai – Thành phố Hà Nội

Số chứng thực: **40922** Quyền số: **19** SCT/CK

Ngày 22 tháng 10 năm 2014

PHÒNG TƯ PHÁP Q. HOÀNG MAI, TP HÀ NỘI



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Hải Linh



МИНИСТЕРСТВО ОБРАЗОВАНИЯ И НАУКИ
РОССИЙСКОЙ ФЕДЕРАЦИИ
(МИНОБРНАУКИ РОССИИ)

П Р И К А З

29 сентября
« ____ » _____ 2014 г.

№ 536/нк

Москва

О выдаче дипломов кандидата наук

В соответствии с пунктом 4 постановления Правительства Российской Федерации от 24 сентября 2013 г. № 842 «О порядке присуждения ученых степеней» (далее – постановление Правительства Российской Федерации), пунктом 7 Положения о присуждении ученых степеней, утвержденным постановлением Правительства Российской Федерации, Порядком оформления и выдачи дипломов и дубликатов дипломов доктора наук и кандидата наук, а также замены дипломов, утвержденным приказом Министерства образования и науки Российской Федерации от 24 января 2012 г. № 37 (зарегистрирован Министерством юстиции Российской Федерации 11 марта 2012 г., регистрационный № 23436), и на основании решений советов по защите диссертаций на соискание ученой степени кандидата наук, на соискание ученой степени доктора наук о присуждении ученой степени кандидата наук п р и к а з ы в а ю:

1. Выдать дипломы кандидата наук соискателям ученой степени кандидата наук согласно приложениям №№ 1-8 к настоящему приказу.

2. Департаменту аттестации научных и научно-педагогических работников (Шишкановой И.А.) обеспечить:

выдачу дипломов кандидата наук соискателям ученой степени кандидата наук согласно приложениям №№ 1-8 к настоящему приказу;

размещение настоящего приказа на официальном сайте Министерства образования и науки Российской Федерации в течение 10 дней со дня его регистрации.

3. Контроль за исполнением настоящего приказа оставляю за собой.

Заместитель Министра

Л.М. Огородова

Приложение № 7
к приказу Министерства образования
и науки Российской Федерации
от «29» сентября 2014 г. № 536/нк

Список
соискателей ученой степени кандидата наук, которым выдается диплом
кандидата технических наук
(группа специальностей научных работников
«Технология продовольственных продуктов»)

№ п/п	Фамилия, имя, отчество, № аттестационного дела	Название совета по защите диссертации на соискание ученой степени кандидата наук, на соискание ученой степени доктора наук, присудившего ученую степень, дата защиты диссертации, № решения
----------	---	--

Ле Тхи Диеу Хуонг
13/6-1938 К 07.04.2014
Гражданка Республики
Вьетнам

совет при Московском государственном
университете технологий и управления
имени К.Г. Разумовского
14 марта 2014 г., № 1



1	Development of Internet - of - things for continuous cultivation and extraction system	2023-2024	Cấp Trường, Malaysia	Thành viên	
2	Nghiên cứu một số biện pháp vi sinh và phi vi sinh để cải tạo đất nông nghiệp.	2021-2022	Cơ sở	Chủ nhiệm	Xuất sắc
3	Nghiên cứu biến đổi đất hữu cơ và phương pháp cải tạo đất ở đất trồng lúa dài hạn.	2020-2021	Cơ sở	Chủ nhiệm	Xuất sắc

2. Các bài báo khoa học đã công bố

TT	Tên công bố	Năm xuất bản	Nhà xuất bản
1	Effects of burning rice straw residue on-field on soil organic carbon pools: Environment-friendly approach from a conventional rice paddy in central Viet Nam	2022	Chemosphere
2	Modeling Nitrogen Uptake in Eight Common Leafy Vegetables in Red River Delta, Vietnam	2022	Agrivita
3	Carbon and nitrogen dynamics as affected by land-use and management change from original rice paddies to orchard, wetland, parking area and uplands in a mountain village located in Shonai region, Northeast Japan	2022	Journal of Soil science and plant nutrition
4	Soil carbon mineralization affected by hot water and ultrasound pretreatment	2022	Sains Tanah
5	Ultrasound as a green technique to enhance soil mineralization potential	2021	Applying New Technology in Green Buildings (ATiGB), 75-79

TT	Tên công bố	Năm xuất bản	Nhà xuất bản
6	Advanced green bioprocess of soil carbohydrate extraction from long-term conversion of forest soil to paddy field	2021	Journal of Environmental Chemical Engineering 9 (5), 106021
7	Soil mineralization as effects of plant growth promoting bacteria isolated from microalgae in wastewater and rice straw application in a long-term paddy rice in Central Viet Nam	2021	Environmental Technology & Innovation
8	Carbon and Nitrogen Dynamics as Affected by Land-Use and Management Change from Original Rice Paddies to Orchard, Wetland, Parking Area and Uplands in a mountain village located in Shonai region, Northeast Japan	2021	Journal of Soil science and plant nutrition
9	Green Biorefinery: Microalgae-Bacteria Microbiome on Tolerance Investigations in Plants	2021	Journal of Biotechnology
10	Long-term application of fused magnesium phosphate and calcium silicate change soil chemical properties, C decomposition and N mineralization in a single rice paddy field of Northeastern Japan	2021	Journal of Soil science and plant nutrition
11	Modelling drying kinetic of oyster mushroom dehydration–The optimization of drying conditions for dehydration of Pleurotus species	2020	Materials Science for Energy Technologies 3, 840-845
12	Soil Organic Matter Dynamics as Affected by Land Use Change from Rice Paddy to Wetland	2020	Wetlands 40 (6), 2199-2207

C. VÀ
 ƯƠNG
 I HO
 PHÁP
 THUA
 ĐA

TT	Tên công bố	Năm xuất bản	Nhà xuất bản
13	Optimization of production parameters of fish protein hydrolysate from <i>Sarda Orientalis</i> black muscle (by-product) using protease enzyme	2020	Clean Technologies and Environmental Policy 23 (1), 31-40
14	Potential Cultivation of <i>Lactobacillus pentosus</i> from Human Breastmilk with Rapid Monitoring through the Spectrophotometer Method	2020	Processes 8 (8), 902
15	Utilization of microalgae for self-regulation of extracellular polymeric substance production	2020	Biochemical Engineering Journal 159, 107616
16	Stable carbon isotope ratios of water-extractable organic carbon affected by application of rice straw and rice straw compost during a long-term rice experiment in Yamagata, Japan	2020	Soil Science and Plant Nutrition 66 (1), 125-132
17	Impacts of climatic and varietal changes on phenology and yield components in rice production in Shonai region of Yamagata Prefecture, Northeast Japan for 36 years	2019	Plant Production Science 22 (3), 382-394
18	Water extractable organic carbon and nitrogen and their stable isotopes from long-term experiment in a Japanese rice paddy	2018	Journal of Wetlands Environmental Management 6 (2), 60-73
19	<i>Azolla</i> cover significantly decreased CH ₄ but not N ₂ O emissions from flooding rice paddy to atmosphere	2018	Soil Science and Plant Nutrition 64 (1), 68-76

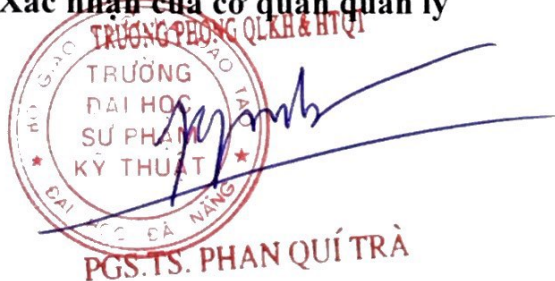


TT	Tên công bố	Năm xuất bản	Nhà xuất bản
20	Current advances and future trend of nanotechnology as microalgae-based biosensor	2022	Biochemical Engineering Journal,

3. Các sách phục vụ đào tạo đã xuất bản

Stt	Tên sách	Loại sách	Mã số ISBN	Năm xuất bản	Nhà xuất bản	Trách nhiệm tham gia
1	Giáo trình Công nghệ sản xuất phân bón và thuốc bảo vệ thực vật	Giáo trình Đại học	9786066722700	2022	Khoa học Kỹ thuật	Chủ biên
2	Kỹ thuật phân tích trong công nghệ sinh học	Giáo trình Đại học	9786046713128	2022	Khoa học Kỹ thuật	Thành viên

✓ Xác nhận của cơ quan quản lý



Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2023

Người kê khai

Nguyễn Sỹ Toàn

Số: 93 /QĐ-ĐHSPKT

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tuyển dụng viên chức

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT

Căn cứ Quyết định số 1749/QĐ-TTg ngày 08/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật thuộc Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGD&ĐT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 84/QĐ-ĐHSPKT ngày 03/02/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật về việc phê duyệt kết quả tuyển dụng viên chức đợt 2 năm 2019;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tổ chức - Hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tuyển dụng ông **Nguyễn Sỹ Toàn**, Tiến sĩ, sinh năm 1987, làm Giảng viên (hạng III) - mã số chức danh nghề nghiệp V.07.01.03 tại Khoa Công nghệ Hóa học - Môi trường, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật.

Điều 2. Ông Nguyễn Sỹ Toàn được ký hợp đồng làm việc, hưởng lương, các khoản phụ cấp (nếu có) theo quy định tại Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15/02/2020.

Trưởng phòng Phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng các đơn vị trực thuộc trường có liên quan và ông Nguyễn Sỹ Toàn căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCHC.



PGS.TS. Phan Cao Thọ

BẢN SAO

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2019

CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CÔNG NHẬN

Văn bằng số: 719 Ngày cấp: 25/9/2018
Do: Trường Đại học Iwate, Nhật Bản
Cấp cho: Nguyễn Sỹ Toàn
Ngày sinh: 06 tháng 02 năm 1987
Nơi sinh: Nghệ An
Là bằng tốt nghiệp: Tiến sĩ

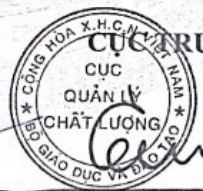
Đã đăng ký tại Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 31 tháng 10 năm 2019

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số: 01.45.1--01 - SCT/BS
Ngày: 18-02-2021

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Văn Hải



Mai Văn Trinh

Đã vào sổ đăng ký số... 012.12.1./CNVB-TS

Certificate of Doctoral Degree

The undersigned hereby certify that

NGUYEN, Toan Sy
(Vietnam)

*has fulfilled all the requirements of the doctoral
course under the guidance of*

Professor Weiguo Cheng (Yamagata University) and

has been conferred the degree of

Doctor of Philosophy

*filed as No. A-719 from the United
Graduate School of Agricultural Sciences,
Iwate University, Morioka, Japan.*

Date: September 25, 2018

Akira Iwabuchi

AKIRA IWABUCHI

President of Iwate University

A. Hiyane

AKIRA HIYANE

*Dean of the United Graduate School
of Agricultural Sciences, Iwate University*



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 5 năm 2024

CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CÔNG NHẬN

Văn bằng số: TOULON 10515031 Ngày cấp: 22/5/2014

Do: **Trường Đại học Toulon, Cộng hòa Pháp**

Cấp cho: **Nguyễn Thanh Hội**

Ngày sinh: 19 tháng 5 năm 1977

Nơi sinh: Thừa Thiên - Huế

Là bằng tốt nghiệp: **Tiến sĩ**

Đã đăng ký tại Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 27 tháng 5 năm 2024

CỤC TRƯỞNG ✓

Ma Văn Trinh
Ma Văn Trinh

Đã vào sổ đăng ký số 020150/CNVB.TS

DOCTORAT

Vu le code de l'éducation, notamment son article L. 612-7 ;

Vu le code de la recherche, notamment son article L. 412-1 ;

Vu le code de l'éducation et notamment ses articles D. 613-1 à D. 613-6; D. 613-11 et D. 613-12 relatifs aux diplômes nationaux ;

Vu l'arrêté du 3 septembre 1998 relatif à la charte des thèses ;

Vu l'arrêté du 7 août 2006 relatif à la formation doctorale ;

Vu l'avis conforme du ministère de l'éducation nationale, de l'enseignement supérieur et de la recherche ;

Vu les pièces justificatives produites par M. THANH HOI NGUYEN, né le 19 mai 1977 à THUA THIEN-HUE (VIETNAM), en vue de son inscription au doctorat ;

Vu le procès-verbal du jury attestant que l'intéressé a soutenu, le 10 juillet 2013 une thèse portant sur le sujet suivant : Vieillessement artificiel et vieillissement naturel en ambiance tropicale de composites modèles époxy/verre: approche nanoscopique de l'étude des interphases.

préparée au sein de l'école doctorale 548 MER ET SCIENCES, devant un jury présidé par NICOLAS SBIRRAZZUOLI, Professeur des universités et composé de LENAÏK BELEC, Maître de conférences, PIERRE-OLIVIER BUSSIERES, Maître de conférences HDR, J.François CHAILLAN, Professeur des universités, LAURENT FERRY, Maître assistant, DINH LAM NGUYEN, Professeur des universités ;

Vu la délibération du jury ;

Le **DIPLOME NATIONAL DE DOCTEUR EN CHIMIE, mention très honorable**

est délivré à **M. THANH HOI NGUYEN**

et confère le **grade de docteur**.

pour en jouir avec les droits et prérogatives qui y sont attachés.

Fait à Nice, le 22 mai 2014

Le Président de l'Université

Le titulaire

Marc SAILLARD

Le Recteur d'Académie,
Chancelier des universités

Claire LOVISA



N° /2014201202719

TOULON

10515031

Ce document est imprimé sur du papier filigrané avec des encres réactives et ne peut être ni gommé ni raturé.
Il est affecté d'un numéro (N° xxx xxx./...) dont vous pouvez vérifier l'exactitude auprès du Service Diffusion de l'Imprimerie Nationale :

☎ 03 27 93 70 84 ou 03 27 93 70 97

00 (33) 3 27 93 70 84 ou 3 27 93 70 97 (de l'étranger)